

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/01/2005, thay đổi lần thứ 31 ngày 22/09/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 210.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 1 tháng 10 năm 2021)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI CÁC ĐỊA ĐIỂM SAU TỪ NGÀY/...../2021:

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á:



SeABank

Địa chỉ : Số 25 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 3944 8688 Fax: (84-24) 3944 8689
Website: <https://seabank.com.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN:



ASEAN SECURITIES

Địa chỉ : Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 6275 3844 Fax: (84-24) 6275 3816
Website: <http://www.aseansc.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Khúc Thị Quỳnh Lâm Số điện thoại: 024 3944 8688 (ext: 5016)
Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

QUYỀN 1/2

Hà Nội, tháng 09/2021

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/01/2005, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 22/09/2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	SSB
Mệnh giá:	10.000 đồng/ cổ phần
Giá chào bán:	15.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	136.000.000 cổ phiếu (Một trăm ba mươi sáu triệu cổ phiếu)
Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:	1.360.000.000.000 đồng (Một nghìn ba trăm sáu mươi tỷ đồng)

1. Tổ chức kiểm toán:



Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.6288 3568

Fax: 024.6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn

Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020 và soát xét BCTC bán niên 2021:



CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46, tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, tòa nhà 72 tầng, lô E6, đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Mỹ Đình, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3946 1600

Fax: (84-24) 3946 1601

Website: www.kpmg.com.vn

2. Tổ chức tư vấn:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6275 3844

Fax: (84-24) 6275 3816

Website: <http://www.aseansc.com.vn>

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1.	Tổ chức phát hành	8
2.	Tổ chức tư vấn	8
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1.	Rủi ro về kinh tế.....	8
1.1.	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	8
1.2.	Lạm phát.....	9
2.	Rủi ro về luật pháp	10
3.	Rủi ro đặc thù	11
3.1.	Rủi ro về tín dụng	11
3.2.	Rủi ro thị trường	13
3.3.	Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.....	15
3.4.	Rủi ro hoạt động	16
3.5.	Rủi ro thanh khoản	18
3.6.	Rủi ro tập trung	20
3.7.	Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng	20
3.8.	Rủi ro đặc thù khác.....	20
4.	Rủi ro về đợt chào bán	21
5.	Rủi ro pha loãng	21
6.	Rủi ro quản trị công ty	24
7.	Rủi ro khác.....	24
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	25
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	26
1.	Thông tin chung về SeABank.....	26
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của SeABank	27
3.	Cơ cấu tổ chức của SeABank.....	36
4.	Cơ cấu bộ máy quản lý của SeABank	37
5.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của SeABank, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SeABank, những công ty mà SeABank nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	40
5.1.	Danh sách công ty mẹ của SeABank: Không có.....	40
5.2.	Danh sách công ty con	40
5.3.	Những công ty mà SeABank đang nắm giữ quyền kiểm soát, hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SeABank	41
6.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của SeABank	41
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của SeABank tại các doanh nghiệp khác	51
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	51
8.1.	Cổ phiếu phổ thông	51
8.2.	Cổ phiếu ưu đãi	51
8.3.	Các loại chứng khoán khác.....	51
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	52
9.1.	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank theo quy định pháp luật:	52
9.2.	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ SeABank.....	52
9.3.	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại SeABank hiện tại	52

10.	Hoạt động kinh doanh	53
10.1.	Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	53
10.2.	Tài sản	67
10.3.	Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn	69
10.4.	Thị trường hoạt động.....	77
10.5.	Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh	90
10.6.	Chiến lược kinh doanh	95
11.	Chính sách đối với người lao động	97
11.1.	Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Ngân hàng.....	97
11.2.	Chính sách lương, thưởng và phúc lợi	97
11.3.	Phát triển nguồn lực	99
11.4.	Chính sách đào tạo phát triển	99
11.5.	Chương trình lựa chọn cho người lao động.....	100
12.	Chính sách cổ tức	101
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	101
14.	Thông tin về các khoản công nợ tiềm ẩn, những cam kết nhưng chưa thực hiện của SeABank	102
15.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới SeABank có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của SeABank, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.	102
16.	Thông tin về cam kết của SeABank không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	102
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH....	102
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh của SeABank trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất.....	102
1.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của SeABank trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất.....	102
1.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SeABank trong năm báo cáo.....	105
2.	Tình hình tài chính	108
2.1.	Các chỉ tiêu cơ bản.....	108
2.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	112
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	113
3.1.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019	113
3.2.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020	113
3.3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021	114
4.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	114
4.1.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	114
4.2.	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	115
4.3.	Kế hoạch đầu tư, dự án đã được ĐHCĐ, HĐQT thông qua	116
4.4.	Kế hoạch tăng vốn điều lệ	117
5.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	117
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	118
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập	118
2.	Thông tin cổ đông lớn.....	118
3.	Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát và Kế Toán Trưởng.....	120
3.1.	Hội Đồng Quản Trị.....	120
3.2.	Ban Tổng Giám đốc.....	131

3.3.	Ban Kiểm soát	141
3.4.	Kế toán trưởng	144
3.5.	Thông tin về các hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan	146
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	147
1.	Loại cổ phiếu:	147
2.	Mệnh giá cổ phiếu:	147
3.	Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:.....	147
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán:	147
5.	Giá chào bán dự kiến:	147
6.	Phương pháp tính giá.....	147
7.	Phương thức phân phối	147
7.1.	Tỷ lệ phân phối	147
7.2.	Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, đăng ký nhưng không nộp tiền mua.....	147
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	148
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	148
10.	Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi).....	149
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	149
12.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	149
13.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của SeABank	149
14.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	150
15.	Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán).....	150
15.1.	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	150
15.2.	Thuế Giá trị gia tăng	150
15.3.	Thuế đối với nhà đầu tư cá nhân	150
15.4.	Thuế đối với nhà đầu tư tổ chức	151
16.	Thông tin về các cam kết.....	151
17.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	151
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	151
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	152
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	153
XI.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	154
XII.	PHỤ LỤC.....	154

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam các năm 2011 – 2020	9
Hình 2. Chỉ số lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011-2020	10
Hình 3. Hình ảnh một số giải thưởng SeABank đã đạt được.....	31
Hình 4. Một số hình ảnh hoạt động về xã hội, cộng đồng của SeABank.....	34
Hình 5. Cơ cấu tổ chức của SeABank.....	36
Hình 6. Sơ đồ tổ chức.....	37
Hình 7. Cơ cấu huy động vốn của SeABank qua các năm	59
Hình 8. Tình hình tiền gửi của khách hàng qua các năm.....	60
Hình 9. Tổng tài sản của một số ngân hàng thời điểm 30/06/2021	84
Hình 10. Quy mô vốn chủ sở hữu của một số ngân hàng thời điểm 30/06/2021	84
Hình 11. Tiền gửi của khách hàng và số dư nợ cho vay khách hàng.....	85
Hình 12. Kết quả hoạt động kinh doanh của một số ngân hàng lũy kế 6 tháng đầu năm 2021	86

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Pha loãng giá trị sổ sách và pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu	22
Bảng 2. Các danh hiệu và phần thưởng cao quý SeABank được trao tặng	29
Bảng 3. Quá trình tăng vốn điều lệ	42
Bảng 4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 01/09/2021	51
Bảng 5. Các loại chứng khoán khác	51
Bảng 6. Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Hợp nhất)	58
Bảng 7. Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Ngân hàng mẹ)	58
Bảng 8. Nguồn vốn huy động của SeABank	59
Bảng 9. Cơ cấu tiền gửi của SeABank	60
Bảng 10. Hoạt động tín dụng của SeABank	61
Bảng 11. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn	61
Bảng 12. Phân loại nợ của Ngân hàng	62
Bảng 13. Phân loại dư nợ cho vay theo loại hình kinh doanh	62
Bảng 14. Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của SeABank	63
Bảng 15. Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối	64
Bảng 16. Chứng khoán đầu tư của SeABank	65
Bảng 17. Góp vốn, đầu tư dài hạn của SeABank	66
Bảng 18. Tài sản cố định (hợp nhất)	67
Bảng 19. Tài sản cố định (Ngân hàng mẹ)	68
Bảng 20. Giá trị lợi thế thương mại qua các năm của SeABank	68
Bảng 21. Chi nhánh - Phòng giao dịch theo vị trí địa lý	78
Bảng 22. Các dự án SeABank đã và đang thực hiện	90
Bảng 23. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2021	96
Bảng 24. Số lượng và cơ cấu người lao động bình quân(*)	97
Bảng 25. Các khoản công nợ tiềm ẩn và các cam kết	102
Bảng 26. Kết quả hoạt động kinh doanh (Ngân hàng mẹ)	103
Bảng 27. Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)	103
Bảng 28. Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)	104
Bảng 29. Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (Ngân hàng mẹ)	104
Bảng 30. Cơ cấu chi phí hoạt động của SeABank (Hợp nhất)	104
Bảng 31. Cơ cấu chi phí hoạt động của SeABank (Ngân hàng mẹ)	105
Bảng 32. Báo cáo vốn chủ sở hữu (Hợp nhất)	108

Bảng 33. Báo cáo vốn chủ sở hữu (Ngân hàng mẹ).....	108
Bảng 34. Số lượng và thu nhập người lao động	109
Bảng 35. Tình hình công nợ (Hợp nhất).....	109
Bảng 36. Tình hình công nợ (Ngân hàng mẹ).....	110
Bảng 37. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Hợp nhất)	111
Bảng 38. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Ngân hàng mẹ).....	111
Bảng 39. Số dư các Quỹ của SeABank (Hợp nhất)	111
Bảng 40. Số dư các Quỹ của SeABank (Ngân hàng mẹ)	111
Bảng 41. Tình hình tài chính.....	112
Bảng 42. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo (Hợp nhất).....	114
Bảng 43. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank	118
Bảng 44. Số lượng, tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan	119
Bảng 45. Danh sách các thành viên HĐQT.....	120
Bảng 46. Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám Đốc.....	131
Bảng 47. Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát	141
Bảng 48. Thông tin về các hợp đồng giao dịch với các bên có liên quan.....	146
Bảng 49: Lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến.....	148
Bảng 50. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	152

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

Ông: Lê Văn Tàn

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà: Lê Thu Thủy

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Hoài Phương

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, Chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Bà Lê Thị Thanh Bình

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 1806/HĐTV/2021/SeABank – Asean Securities ngày 18/6/2021 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các Cổ đông/Nhà Đầu Tư cần nhắc kỹ lưỡng các vấn đề nêu dưới đây và những thông tin khác được cung cấp trong Bản Cáo Bạch này trước khi mua Cổ phiếu.

Việc một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của SeABank, và có thể ảnh hưởng đến giá Cổ phiếu và/ hoặc mức cổ tức dự kiến của Ngân hàng.

Trong quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh, SeABank phải chịu nhiều rủi ro khác nhau, trong đó các rủi ro cơ bản là rủi ro về kinh tế vĩ mô, rủi ro lạm phát, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng, rủi ro pháp lý và các rủi ro cụ thể khác. Mặc dù SeABank tin rằng đã thực hiện các chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, các nhà đầu tư cần lưu ý rằng khả năng không thể kiểm soát một cách hợp lý những rủi ro này có thể lớn hơn so với dự tính và có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi đối với tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, triển vọng và danh tiếng của SeABank.

1. Rủi ro về kinh tế

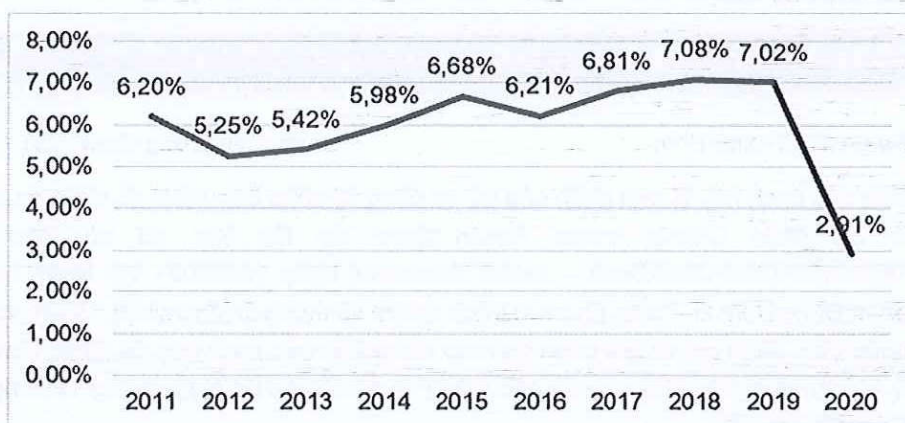
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2021, đại dịch Covid-19 tiếp tục hoành hành, gây tác động tới kinh tế toàn cầu. Trong báo cáo cập nhật về triển vọng kinh tế thế giới được đưa ra ngày 27/7, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo,

tăng trưởng toàn cầu vẫn giữ nguyên ở mức 6% cho năm 2021, nhưng có sự chênh lệch giữa các nền kinh tế phát triển với nhiều thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển do tỷ lệ tiêm chủng khác nhau. Đối với các nền kinh tế phát triển, IMF dự báo tăng trưởng cho các nước này sẽ ở mức 5,6% trong năm 2021, tăng so với dự báo 5,1% được đưa ra hồi tháng 4 vừa qua. Tuy nhiên, đối với các thị trường mới nổi và các nước đang phát triển, IMF đã hạ dự báo tăng trưởng của nhóm này giảm xuống còn 6,3% so với mức tăng trưởng 6,7% được đưa ra hồi tháng 4.

Tại Việt Nam, đợt bùng phát dịch thứ 4 kéo dài từ cuối tháng 4/2021 đến nay với phạm vi lây lan rộng đã khiến kinh tế Việt Nam đối diện với những khó khăn nhất định. Tuy nhiên, bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 tiếp tục duy trì ổn định và đạt được những kết quả tích cực. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64%, vẫn tăng trưởng nhẹ so với cùng kỳ năm 2020 và là mức tăng trưởng khá so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, theo nhận định của Ngân hàng Thế giới, GDP cả năm 2021 của Việt Nam có tiếp tục tăng trưởng như dự kiến hay không phụ thuộc rất lớn vào việc đẩy nhanh tốc độ tiêm chủng, chủ động được nguồn vắc xin trong dài hạn và tiếp tục thực hiện các giải pháp để doanh nghiệp có thể tiếp cận nhanh chóng, hiệu quả các gói hỗ trợ.

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam các năm 2011 – 2020



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

Để hạn chế ảnh hưởng từ rủi ro giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, SeABank đã xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn dựa trên việc phân tích và xây dựng các kịch bản kinh tế, từ đó lựa chọn các lĩnh vực và phân khúc tăng trưởng bền vững hơn, ít chịu ảnh hưởng hơn từ các biến động kinh tế như các khoản vay ngắn hạn, áp dụng các sản phẩm phái sinh đối với các hợp đồng trung và dài hạn, chú trọng doanh thu phí từ các dịch vụ cơ bản như dịch vụ thanh toán, thẻ, bảo hiểm, thu chi hộ đối với các doanh nghiệp phát hành trái phiếu,... là các dịch vụ mà khách hàng luôn có nhu cầu kể cả trong điều kiện kinh tế khó khăn hơn. Đồng thời, Ban Lãnh đạo Ngân hàng cũng đã xây dựng Chiến lược phát triển SeABank trong giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030 phù hợp Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Chiến lược phát triển của Ngân hàng thường xuyên được rà soát, điều chỉnh phù hợp với cả tình hình kinh tế và các dự báo kinh tế trong nước cũng như quốc tế.

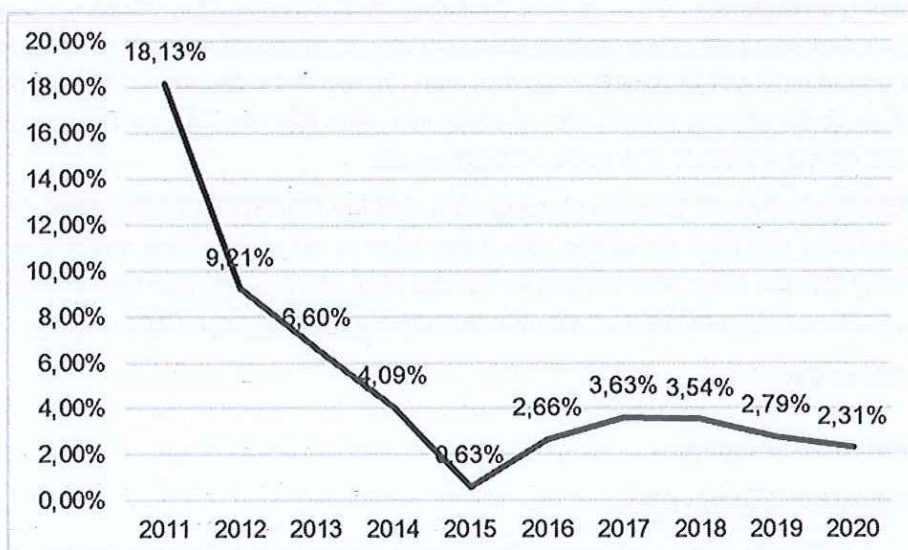
1.2. Lạm phát

Mặc dù năm 2021 Ngân hàng Nhà nước đã nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ hệ thống ngân hàng thương mại tăng cung tín dụng hỗ trợ nền kinh tế, lạm phát tiếp tục được kiểm soát tốt. Theo đó từ năm 2015 trở lại đây, lạm phát ổn định ở mức thấp. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng năm 2021 tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016 (Tốc độ tăng CPI bình quân 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2021 lần lượt là: 1,72%; 4,15%; 3,29%; 2,64%; 4,19%; 1,47%). Việc kiểm soát tốt lạm phát là dấu hiệu tích cực để NHNN

điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, nới lỏng chính sách tiền tệ, khuyến khích người dân và doanh nghiệp vay tiền ngân hàng.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế tác động chung đến tất cả các ngành kinh tế, nhất là dịch vụ, sự tăng trưởng và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á cũng chịu ảnh hưởng. Để ứng phó với các điều kiện thay đổi của môi trường kinh doanh, Ngân hàng chủ động phân tích tác động của các yếu tố vĩ mô, từ đó xây dựng định hướng và chiến lược kinh doanh trung và dài hạn, để đảm bảo tăng trưởng ổn định và có hiệu quả.

Hình 2. Chỉ số lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011-2020



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

2. Rủi ro về luật pháp

Lĩnh vực tài chính, tiền tệ là một lĩnh vực nhạy cảm, chịu sự điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật, có quan hệ và ảnh hưởng sâu rộng đến bản thân các ngân hàng và đến nhiều đối tượng khách hàng, tầng lớp trong xã hội. Trong khi đó, Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới cho nên hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành mới để hoàn thiện cho phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết của Việt Nam. Việc áp dụng không kịp thời, không chính xác các văn bản pháp luật để điều chỉnh sẽ dẫn đến rủi ro về mặt luật pháp đối với hoạt động ngân hàng.

Để thích nghi trong môi trường pháp lý ở Việt Nam, Khối Pháp chế & Tuân thủ SeABank - Thành viên Hiệp hội Pháp chế Doanh nghiệp luôn chủ động trong việc cập nhật và hệ thống các văn bản pháp luật, tập huấn để phổ biến các văn bản chế độ, chính sách mới của Nhà nước và của Ngân hàng tới toàn thể các cán bộ thông qua các bản tin pháp lý hàng tuần. SeABank đã xây dựng các quy trình, quy định để đảm bảo Pháp chế của Ngân hàng tham gia và kiểm soát quá trình xây dựng và ban hành các quy trình, quy định, các chính sách, sản phẩm, ... mới nhằm đảm bảo hoạt động của SeABank là tuân thủ với các quy định hiện hành, cập nhật nhất với các quy định dự kiến sẽ ban hành của pháp luật. Bên cạnh đó, SeABank cũng luôn chủ động trong việc đóng góp xây dựng ý kiến đối với các dự thảo văn bản pháp luật, chủ động kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo trong văn bản pháp luật.

Ngoài ra, trong từng mảng nghiệp vụ, SeABank đều ban hành các quy chế, quy trình nghiệp vụ và các mẫu biểu nhằm đảm bảo tính thống nhất và tuân thủ cao. Đội ngũ cán bộ pháp chế luôn được tăng cường đảm bảo tư vấn kịp thời cho mọi hoạt động của các Khối/Phòng/Ban/Chi nhánh và được phân chia theo đối tượng khách hàng nhằm chuyên môn hóa và tối ưu hóa nguồn lực của đội ngũ Pháp chế.

Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của SeABank được xây dựng hệ thống và đồng bộ từ Hội sở chính đến từng chi nhánh và điểm giao dịch. Khối Pháp chế & Tuân thủ có bộ phận Tuân Thủ giúp việc trực tiếp cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng Văn hóa Tuân thủ và triển khai kiểm tra, kiểm soát nội bộ trên toàn hệ thống. Đồng thời, SeABank cũng đã xây dựng hệ thống phòng thủ 3 cấp, trong đó các Phòng Kiểm toán Nội bộ và Tuân thủ hoạt động độc lập và theo mô hình, tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới để đảm bảo hiệu quả, qua đó giúp SeABank hạn chế được các ảnh hưởng tiêu cực từ rủi ro này.

Hiện nay SeABank không ngừng nâng cao năng lực thích nghi, tăng cường chất lượng nguồn lực bao gồm nhân sự, cơ sở vật chất, hệ thống để đáp ứng sự thay đổi càng ngày càng phức tạp hơn của thị trường tài chính tại Việt Nam. Do vậy, có thể đánh giá, rủi ro pháp lý chưa phải là rủi ro trọng yếu đối với SeABank trong thời gian tới, tuy nhiên đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm ẩn đối với các nhà đầu tư cổ phiếu liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

SeABank cũng đã thiết lập chương trình đào tạo PCRT/TTKB hàng năm cho cán bộ mới và cho lãnh đạo, cán bộ ở tất cả các đơn vị bao gồm trụ sở chính và chi nhánh theo vị trí công việc. Nội dung đào tạo hàng năm thường xuyên cập nhật các thay đổi theo quy định pháp luật, quy định nội bộ, các cơ chế rửa tiền mới và rút ra bài học kinh nghiệm cho CBNV.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng bao gồm:

- Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với SeABank, trừ các trường hợp quy định tại rủi ro tín dụng đối tác. Trong đó, khách hàng (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ với SeABank trong việc nhận cấp tín dụng (bao gồm cả nhận cấp tín dụng thông qua ủy thác), nhận tiền gửi, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
- Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh, giao dịch repo và giao dịch reverse repo, giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro, giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác. Trong đó, đối tác là cá nhân, pháp nhân (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có giao dịch với SeABank trong giao dịch tự doanh, giao dịch repo và giao dịch reverse repo, giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro, giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác.

Rủi ro tín dụng được coi là rủi ro lớn nhất đối với các NHTM Việt Nam nói chung và SeABank nói riêng bởi các hoạt động tín dụng là hoạt động chủ yếu của các NHTM Việt Nam. Hiện tại, hoạt động tín dụng thường chiếm từ 40 - 60% tổng tài sản của một NHTM và mang lại 60 - 80% thu nhập cho ngân hàng. Rủi ro tín dụng còn là loại rủi ro không thể tránh khỏi trong ngành Ngân hàng, có thể đề phòng, hạn chế, chứ không thể loại trừ. Do vậy, việc tìm ra các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng luôn trở thành vấn đề mang tính sống còn, là mối quan tâm hàng đầu của bất kỳ ngân hàng nào.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021, Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra mức cấp tín dụng cho các ngân hàng và tổ chức tín dụng ở mức thấp hơn so với tổng thể các năm trước. Theo đó, việc được giao một hạn mức tăng trưởng tín dụng thấp hơn sẽ giúp hướng tín dụng vào những lĩnh vực an toàn hơn, tránh nguy cơ các ngân hàng đẩy cho vay vào

các phân khúc rủi ro cao và giảm mức độ cạnh tranh về huy động tiền gửi, nhờ đó giảm lãi suất huy động và tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay. Sau đó tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh và tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước sẽ mở rộng hạn mức tín dụng cho từng ngân hàng khi có nhu cầu.

Để đối phó với các rủi ro tín dụng, SeABank đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau. Trước hết, việc quản lý rủi ro tín dụng được thực hiện trong suốt quá trình xem xét, thẩm định, phê duyệt, quản lý tín dụng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, NHNN và của SeABank. Đồng thời, SeABank thực hiện xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược quản lý rủi ro tín dụng tối thiểu theo các nội dung sau: (i) Tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tỷ lệ cấp tín dụng xấu mục tiêu theo đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) Nguyên tắc xác định chi phí bù đắp rủi ro tín dụng trong phương pháp tính lãi suất, định giá sản phẩm tín dụng (pricing) theo mức độ rủi ro tín dụng của khách hàng; (iii) Nguyên tắc áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng (bao gồm cả thẩm quyền phê duyệt các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng).

Phần lớn danh mục tín dụng của SeABank là cấp tín dụng có tài sản bảo đảm với 2 loại tài sản phổ biến chiếm tỷ trọng lớn nhất là bất động sản và ô tô. SeABank áp dụng tỷ lệ cho vay trên tài sản bảo đảm ở mức an toàn, đảm bảo khả năng thu hồi nợ trong trường hợp phải thanh lý tài sản bảo đảm. Việc định giá tài sản bảo đảm được thực hiện bởi Công ty định giá bên ngoài có chuyên môn sâu về định giá tài sản và bảo đảm tính độc lập, khách quan. Trong thời gian duy trì khoản cấp tín dụng, tài sản bảo đảm được kiểm tra và định giá lại định kỳ hàng năm.

SeABank quản lý rủi ro tín dụng thông qua các hạn mức rủi ro tín dụng được ban hành cụ thể thành văn bản riêng theo từng thời kỳ bao gồm các hạn mức sau: (i) Hạn mức cấp tín dụng đối với đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở khả năng trả nợ của khách hàng, rủi ro tín dụng của ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) Hạn mức cấp tín dụng theo sản phẩm, hình thức bảo đảm trên cơ sở rủi ro tín dụng tương ứng của sản phẩm, hình thức bảo đảm. Hạn mức rủi ro tín dụng do Tổng Giám đốc ban hành, sửa đổi, bổ sung (bao gồm cả việc điều chỉnh hạn mức rủi ro tín dụng) đảm bảo tuân thủ Khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro tín dụng, đầy đủ và cụ thể để kiểm soát rủi ro phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng, các bộ phận, cá nhân tham gia vào hoạt động cấp tín dụng và phải được rà soát, đánh giá lại (điều chỉnh nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank. Danh mục các hạn mức rủi ro tín dụng sẽ được phổ biến cho các cá nhân, bộ phận có liên quan để thực hiện và giám sát.

Việc đo lường và đánh giá rủi ro tín dụng đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank. SeABank xây dựng các công cụ định lượng và định tính để đo lường các rủi ro tồn tại trong danh mục tín dụng, tạo cơ sở cho việc quản lý, kiểm soát, điều chỉnh rủi ro tín dụng.

Kiểm soát rủi ro tín dụng tại SeABank được thực hiện đối với từng khoản cấp tín dụng và toàn bộ danh mục cấp tín dụng:

- Đối với từng khoản cấp tín dụng: SeABank xây dựng các công cụ để đo lường, đánh giá mức độ rủi ro của Khách hàng, bao gồm: (i) Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; (ii) Hệ thống cảnh báo sớm (EWS); (iii) Ngoài ra, trong dài hạn SeABank sẽ triển khai thu thập cơ sở dữ liệu, xây dựng hạ tầng lưu trữ dữ liệu để từng bước xây dựng mô hình đo lường xác suất vỡ nợ (PD), giá trị thực chịu rủi ro khi cấp tín dụng cho Khách hàng (EAD), tỷ lệ tổn thất dự kiến (LGD), từ đó tính toán lỗ dự kiến (EL) cho từng Khách hàng, tạo nền tảng cho việc trích lập dự phòng và áp dụng lãi suất bù rủi ro cho từng khoản cấp tín dụng theo lộ trình triển khai Basel II.
- Đối với toàn bộ danh mục cấp tín dụng: theo lộ trình triển khai Basel II, SeABank sẽ xây dựng các công cụ nhằm đo lường lỗ không dự kiến (UL) cho danh mục tín dụng nhằm xác định mức vốn cần thiết để đảm bảo sự an toàn của SeABank đối với danh mục tín dụng, xây dựng và giám sát bộ tiêu chí quản trị danh mục tín dụng, từ đó dự báo biên độ (nếu có) và phân tích,

đánh giá chất lượng của danh mục, xây dựng các công cụ và kịch bản Stress test để dự đoán trạng thái danh mục tín dụng trong những điều kiện xấu nhất.

Việc kiểm soát hạn mức rủi ro tín dụng theo hạn mức rủi ro tín dụng được phân bổ đối với từng khoản cấp tín dụng, danh mục các khoản cấp tín dụng với tần suất tối thiểu được quy định từng thời kỳ, bao gồm: kiểm soát từ xa và kiểm tra tại chỗ đối với khách hàng để thu thập thông tin phục vụ cho việc theo dõi rủi ro tín dụng.

Theo lộ trình triển khai Basel II, SeABank đang thực hiện kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách quản lý, điều chỉnh phân bổ vốn và đảm bảo lượng vốn tương xứng với trạng thái rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tín dụng, định hướng tín dụng (ngành, đối tượng,...) và hạn mức tín dụng nhằm chủ động, linh hoạt kiểm soát rủi ro tín dụng; kịp thời điều chỉnh, giảm thiểu trạng thái rủi ro danh mục tín dụng thông qua các chính sách, chương trình/sản phẩm tín dụng, mua, bán nợ, sử dụng giá điều chỉnh rủi ro để bù đắp lỗ dự kiến (EL) đối với từng khoản cấp tín dụng và các hình thức khác theo quy định của Pháp luật, NHNN từng thời kỳ.

Bên cạnh đó, SeABank thực hiện nghiêm túc các quy định và chỉ đạo của NHNN và giám sát chặt chẽ các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Để theo dõi, giám sát danh mục tín dụng đa chiều hiệu quả, SeABank đưa ra các hạn mức rủi ro trên cơ sở khẩu vị rủi ro của Ngân hàng trong từng thời kỳ và luôn chủ động trong việc áp dụng công nghệ thông tin và các chuẩn mực quốc tế vào quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các vấn đề liên quan đến rủi ro tín dụng của Ngân hàng thường xuyên được báo cáo lên Ban lãnh đạo để kịp thời có các ứng xử tín dụng phù hợp.

Khi khách hàng không trả được nợ, SeABank chủ động thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng đúng theo các quy định của NHNN.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm:

- Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của SeABank;
- Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi SeABank có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng;
- Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của SeABank;
- Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của SeABank.

Mục tiêu chính trong việc quản lý rủi ro thị trường là nhằm giảm thiểu lỗ của SeABank do những biến động về giá của các tài sản mà SeABank hiện có. Vì vậy, SeABank đã triển khai và áp dụng các biện pháp sau:

- Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro thị trường nhằm thống nhất quản trị rủi ro thị trường trên toàn hệ thống, đảm bảo phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Chiến lược rủi ro thị trường của SeABank quy định về mức độ trạng thái rủi ro thị trường của sổ kinh doanh phải thực hiện phòng ngừa rủi ro thị trường, nguyên tắc quản lý rủi ro thị trường trong điều kiện bình thường, điều kiện biến động mạnh về giá chứng khoán, giá hàng hóa, tỷ giá, lãi suất theo quy định nội bộ của SeABank, nguyên tắc áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường (trong đó nêu rõ các công cụ phòng ngừa rủi ro thị trường,

thẩm quyền phê duyệt các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường). Chi tiết chiến lược quản lý rủi ro thị trường sẽ được HĐQT ban hành thành văn bản riêng trong từng thời kỳ.

- Xây dựng và áp dụng các hạn mức rủi ro thị trường được ban hành cụ thể thành văn bản riêng theo từng thời kỳ đảm bảo tối thiểu bao gồm:
 - Hạn mức rủi ro lãi suất: Hạn mức rủi ro lãi suất đối với danh mục sản phẩm giao dịch, hạn mức cho giao dịch viên, hạn mức cắt lỗ, hạn mức về tổng trạng thái rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh;
 - Hạn mức rủi ro ngoại hối: Hạn mức về tổng trạng thái ngoại tệ dương tổng trạng thái ngoại tệ âm; hạn mức cho giao dịch viên; hạn mức cắt lỗ;
 - Hạn mức rủi ro giá hàng hóa: Hạn mức đối với danh mục sản phẩm giao dịch; hạn mức cho giao dịch viên; hạn mức cắt lỗ.

Các hạn mức rủi ro thị trường trên luôn tuân thủ khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro thị trường, được xây dựng đầy đủ và cụ thể để kiểm soát rủi ro phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, bộ phận tham gia vào các giao dịch có rủi ro thị trường, được rà soát, đánh giá lại (điều chỉnh nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank và được phổ biến, truyền thông cho các cá nhân, bộ phận có liên quan.

- SeABank xây dựng các công cụ, mô hình đo lường rủi ro và thực hiện đo lường trạng thái rủi ro thị trường toàn hàng với nhiều phương pháp khác nhau như: trạng thái mở, đánh giá lãi/lỗ, phân tích độ nhạy, giá trị chịu rủi ro, thử nghiệm khả năng chịu đựng rủi ro thị trường của SeABank trong các tình huống căng thẳng (Stress test) ...
- Kiểm soát và giảm thiểu rủi ro thị trường:
 - Căn cứ vào tình hình thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh và chiến lược quản lý rủi ro trong từng thời kỳ, các hạn mức rủi ro thị trường được thiết lập, chỉnh sửa và cập nhật định kỳ nhằm kiểm soát rủi ro.
 - Trên cơ sở kết quả đo lường và phân loại rủi ro, SeABank chủ động kiểm soát và điều chỉnh danh mục tài sản của mình nhằm đưa trạng thái rủi ro thị trường của SeABank về trạng thái mong muốn, phù hợp với hệ thống hạn mức và chiến lược quản lý rủi ro từng thời kỳ.
- Kết quả của giám sát rủi ro thị trường phải được phản ánh trong hệ thống báo cáo rủi ro thị trường nội bộ bằng văn bản theo quy định của SeABank, NHNN từng thời kỳ.

Riêng rủi ro ngoại hối, rủi ro về ngoại hối phát sinh khi có sự chênh lệch về kỳ hạn và giá trị của các loại tiền tệ của các khoản ngoại hối mà SeABank nắm giữ và vì thế có thể làm cho ngân hàng phải gánh chịu thua lỗ khi tỷ giá ngoại hối biến động.

Để phòng ngừa rủi ro này, SeABank đã triển khai xây dựng chính sách quản lý trạng thái ngoại tệ tập trung tại hội sở, ban hành khẩu vị rủi ro ngoại hối cụ thể hóa bằng những hạn mức nắm giữ trạng thái ngoại tệ với từng đồng tiền đồng thời xác lập cơ chế kiểm soát và quy trình vận hành các giao dịch kinh doanh ngoại tệ theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong đó chuẩn hóa và phân tách chức năng giữa các bộ phận kinh doanh, bộ phận quản trị rủi ro và bộ phận vận hành nhằm đảm bảo tính độc lập, kiểm soát chéo nhằm giảm thiểu rủi ro. Về công cụ kiểm soát rủi ro ngoại hối, SeABank đã áp dụng mô hình tính giá trị rủi ro (VaR) và triển khai hệ thống phần mềm giao dịch ngoại tệ nội bộ giữa hội sở và chi nhánh hướng đến quản lý trạng thái ngoại hối theo thời gian thực, đây cũng là cơ sở cho phép đội ngũ kinh doanh/quản trị rủi ro của SeABank có thể quản lý trực tiếp danh mục theo giá trị thị trường và có thể ra quyết định an toàn và hiệu quả.

Trong trường hợp thị trường có những biến động bất ngờ ngoài dự đoán, ngân hàng SeABank sẽ áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro cụ thể bằng các giao dịch ở thị trường tiền tệ, thị trường vốn và các giao dịch có kỳ hạn bằng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro (Futures, Swaps, Options). Đối với các giao dịch cụ thể, SeABank còn sử dụng nghiệp vụ mua bán ngoại tệ để kiểm soát rủi ro ngoại hối của mình. Các biện pháp này được áp dụng rất linh động, nhạy bén và có một vai trò rất lớn bởi vì nó có thể giúp cho nhà quản lý giải quyết tình thế ngoại hối của mình trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Ngoài ra, SeABank triển khai xây dựng kho lưu trữ dữ liệu lịch sử của thị trường ngoại hối nhằm đưa ra định hướng, phân tích xu thế và mô hình hóa biến động của thị trường trong tương lai. Đây là một cơ sở dữ liệu hỗ trợ SeABank trong xây dựng tình huống căng thẳng của thị trường ngoại hối và giúp SeABank có định hướng về nguồn vốn an toàn cần thiết cho hoạt động của toàn hệ thống.

Cuối cùng, SeABank luôn hướng tới xây dựng một đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, có khả năng phân tích và dự báo tình hình biến động tỷ giá của các loại đồng tiền để đưa ra quyết định kịp thời trong việc mua, bán các hợp đồng ngoại tệ, duy trì một tỷ lệ cân xứng giữa tài sản nợ và tài sản có ngoại tệ, duy trì trạng thái ngoại hối ròng ở mức hợp lý.

3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro về lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của SeABank phát sinh do: (i) Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; (ii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; (iii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; (iv) Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Từ đầu năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã và đang triển khai các giải pháp điều hành nhằm góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phục hồi sản xuất kinh doanh, hỗ trợ nền kinh tế, giảm thiểu tác động của dịch Covid-19. Ngân hàng Nhà nước quyết định điều chỉnh giảm lãi suất điều hành, trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn dưới 6 tháng và trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với các lĩnh vực ưu tiên. Những thay đổi chính sách vĩ mô hoàn toàn có thể dẫn tới khả năng thiếu chủ động của ngân hàng trong việc đối phó với rủi ro bởi những thay đổi của lãi suất trên thị trường và làm giảm thu nhập của ngân hàng so với dự tính ban đầu.

Để phòng tránh loại rủi ro này, trước hết, SeABank xây dựng chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng với các biện pháp cơ bản như:

- Thực hiện quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng tối thiểu theo các chỉ số về trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap profile): mức chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất theo thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất (repricing), chỉ số đo lường tác động của thay đổi lãi suất bao gồm 01 hoặc 02 chỉ số sau đây: (i) thay đổi thu nhập lãi thuần (Change in Net Interest Income - ΔNII): Là mức độ thay đổi của thu nhập lãi thuần do thay đổi của lãi suất từ các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khoản mục ngoại bảng có lãi suất trên sổ ngân hàng; (ii) thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (Change in Economic Value of Equity - ΔEVE) (là mức độ thay đổi của giá trị hiện tại ròng của dòng tiền vào của tài sản tài chính và dòng tiền ra của nợ phải trả khi thay đổi của lãi suất);
- Sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng. Hiện tại, SeABank đã triển khai các công cụ quản trị rủi ro lãi suất theo quy định hiện hành của NHNN và tiến tới xem xét và đưa vào triển khai một số phương pháp nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II. SeABank đang triển khai thiết lập quy trình, quy định quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo định

hướng của Basel và hướng đến cơ chế chủ động điều chỉnh kỳ hạn thay đổi lãi suất của các khoản vay phù hợp với kỳ hạn thay đổi lãi suất của nguồn vốn cung cấp nhằm quản lý rủi ro lãi suất theo khung hạn mức chênh lệch kỳ hạn lãi suất theo chính sách từng thời kỳ.

- SeABank đã triển khai thành công dự án xây dựng hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP cho phép tối ưu hóa việc sử dụng và phân bổ nguồn vốn trong toàn hệ thống. Những công nghệ và chính sách áp dụng trong quản lý rủi ro lãi suất đi theo định hướng minh bạch hóa và tạo hiệu quả sử dụng vốn góp phần tăng hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.
- Trong thời gian tới SeABank sẽ xây dựng hệ thống dữ liệu thị trường để chủ động trong công tác phân tích ảnh hưởng của chính sách, quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như chỉ số kinh tế Việt Nam đến lãi suất hiện hành và dự báo cho tương lai. SeABank cũng đưa mô hình đo lường độ nhạy của rủi ro lãi suất theo từng thị trường lãi suất riêng biệt và xây dựng kịch bản thay đổi lãi suất trong ngắn hạn, trong tình huống căng thẳng để kiểm tra sức chịu đựng của Ngân hàng nhằm mục tiêu đảm bảo Ngân hàng luôn có đầy đủ khả năng phòng thủ trước những tình huống không thuận lợi của thị trường.
- Xây dựng hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng do Tổng Giám đốc ban hành, sửa đổi, bổ sung (bao gồm cả việc điều chỉnh hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng) đảm bảo tối thiểu bao gồm: hạn mức về chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất có cùng thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất; hạn mức về thay đổi của thu nhập lãi thuần do thay đổi của lãi suất và/hoặc hạn mức về thay đổi của giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu do thay đổi của lãi suất theo chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.
- Ngoài ra, SeABank còn áp dụng nhiều biện pháp khác để giảm thiểu rủi ro này, như SeABank đã chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa tài sản có và tài sản nợ, đồng thời có thể sử dụng có chọn lọc các sản phẩm phái sinh. SeABank một mặt vẫn tăng cường huy động vốn, mở rộng các nguồn tín dụng có hiệu quả, mặt khác vẫn có biện pháp đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ quy mô, cơ cấu tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn bằng VNĐ và ngoại tệ phù hợp với khả năng, kỳ hạn và cơ cấu vốn huy động. Ngoài ra, Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có của SeABank ("ALCO") đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất. Báo cáo về thị trường trong nước và quốc tế để đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường cho các cuộc họp hàng tháng của Hội đồng ALCO. SeABank trên cơ sở phân tích diễn biến của thị trường sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay để định hướng cho các hoạt động của mình. Một chiến lược khác của SeABank là phát triển các dịch vụ tiện ích, các hình thức thanh toán hiện đại để thu hút khách hàng mở tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh nhiều biến động về lãi suất trên thị trường.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động ("RRHD") là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với SeABank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng. Một số công cụ chính để quản lý RRHD đã triển khai tại SeABank như sau:

- Xây dựng chiến lược quản lý rủi ro hoạt động với các biện pháp sau:

- i. Thiết lập các nguyên tắc thực hiện quản lý rủi ro hoạt động, nguyên tắc sử dụng hoạt động thuê ngoài, mua bảo hiểm, ứng dụng công nghệ.
 - ii. Lập kế hoạch và diễn tập các phương án để duy trì hoạt động liên tục trong các trường hợp như mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng, hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố, các sự kiện bất khả kháng (chiến tranh, thiên tai, cháy nổ, ...).
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá, nhận dạng RRHĐ trong các sản phẩm, dịch vụ, hệ thống, quy trình, hoạt động hiện tại hoặc mới, dự kiến sẽ triển khai, cảnh báo các rủi ro đã phát sinh và/hoặc đang có chiều hướng tăng lên, nhằm đưa ra các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu và quản lý RRHĐ phù hợp;
 - Nhận diện rủi ro hoạt động, thu thập và tạo ra kho dữ liệu rủi ro hoạt động hoàn thiện làm xương sống cho công tác quản lý rủi ro hoạt động thông qua:
 - i. Thực hiện các chương trình đánh giá rủi ro trọng yếu nhằm nhận diện các lĩnh vực rủi ro cao để đưa ra biện pháp giảm thiểu;
 - ii. Hướng dẫn các đơn vị tự đánh giá rủi ro hoạt động bằng hệ thống bảng câu hỏi hoặc các tiêu chí đơn giản, dễ thực hiện để thu thập báo cáo đánh giá hiện trạng rủi ro hoạt động tại các đơn vị. Rủi ro hoạt động được nhận diện và đánh giá bởi chính các nhân viên thực hiện quy trình tại các đơn vị kinh doanh, đơn vị vận hành và đơn vị hỗ trợ.
 - Việc kiểm soát rủi ro hoạt động được thực hiện trên cơ sở các công cụ đo lường rủi ro hoạt động thông qua việc lượng hóa tổn thất xảy ra bằng các phương pháp sau:
 - i. Sử dụng các phát hiện của Kiểm toán nội bộ và Kiểm soát Tuân thủ;
 - ii. Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài;
 - iii. Tự đánh giá các chốt kiểm soát rủi ro hoạt động để xác định hiệu quả của hoạt động kiểm soát đối với rủi ro hoạt động trước và sau khi kiểm soát;
 - iv. Xây dựng, theo dõi và kiểm soát các chỉ số rủi ro hoạt động trọng yếu;
 - v. Hướng tới áp dụng thêm hai (02) phương pháp trong việc đo lường, lượng hóa rủi ro hoạt động bao gồm: Sơ đồ hóa các quy trình nghiệp vụ và Phân tích kịch bản để hoàn thiện hệ thống đánh giá và kiểm soát rủi ro hoạt động của Ngân hàng.
 - SeABank quản lý chặt chẽ hoạt động thuê ngoài đảm bảo việc sử dụng dịch vụ thuê ngoài không gây tình trạng lệ thuộc, không ảnh hưởng đến việc bảo mật cơ sở dữ liệu, thông tin khách hàng của SeABank và đạt hiệu quả cao hơn việc tự thực hiện.
 - Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục được xây dựng cho các trường hợp tối thiểu theo yêu cầu của NHNN (mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng; hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố; các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, cháy nổ, ...) và hướng tới xây dựng cho các hoạt động trọng yếu hoặc có tác động đến phạm vi lớn của ngân hàng (hệ thống thanh toán, truyền thông, kho quỹ, ...).
 - Thiết lập và duy trì khung quản lý RRHĐ tổng thể cho toàn Ngân hàng bao gồm xây dựng chiến lược, khẩu vị rủi ro, quy chế, quy định, quy trình, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, các công cụ, hệ thống đo lường, giám sát, báo cáo RRHĐ.
 - Xây dựng hệ thống Risk Profile (Hồ sơ rủi ro) - cấu phần RRHĐ trong đó: xây dựng cơ sở dữ liệu RRHĐ, các chỉ số rủi ro chính (KRIs) và hệ thống báo cáo phù hợp cung cấp thông tin đa chiều cho các cấp quản lý (chi nhánh, trụ sở chính, toàn hệ thống, ...) tổng hợp các thông tin về RRHĐ, cung cấp bức tranh toàn diện về quản trị rủi ro của ngân hàng.
 - Thiết lập công cụ tự đánh giá RRHĐ và biện pháp kiểm soát đối với các hoạt động/nghiệp vụ hiện hành tại Ngân hàng (RCSA). Trên cơ sở đó, các đơn vị chịu rủi ro thường xuyên thực

hiện đánh giá RRHĐ và biện pháp kiểm soát đối với các quy định, quy trình, sản phẩm sửa đổi/mới ban hành để giảm thiểu tối đa rủi ro có thể xảy ra trong quá trình tác nghiệp.

- Nhận diện những rủi ro mang tính chủ quan và khách quan có thể xảy ra trong quá trình tác nghiệp hàng ngày tại trụ sở chính và chi nhánh, chủ động thực hiện chuyển giao rủi ro theo mục tiêu chung của SeABank.
- Nghiên cứu, thiết lập và duy trì hệ thống ngăn chặn thất thoát dữ liệu (Data Loss Prevention-DLP) giúp Ngân hàng hạn chế tối đa nguy cơ rò rỉ thông tin, và cảnh báo một số trường hợp vi phạm tiềm ẩn nguy cơ gây thất thoát thông tin cho ngân hàng đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh phát triển bền vững.
- Xây dựng và thiết lập hệ thống báo cáo RRHĐ định kỳ tối thiểu 06 tháng hoặc đột xuất để làm cơ sở theo dõi, đánh giá và đề xuất cải tiến hệ thống quản trị RRHĐ tại Ngân hàng.

Về rủi ro Phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố ("PCRT/TTKB") và tuân thủ bên ngoài:

Để thực hiện quản lý rủi ro rửa tiền hiệu quả, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, SeABank đã thiết lập cơ bản đầy đủ hệ thống chính sách và vận hành liên quan, cụ thể: xây dựng/chỉnh sửa quy định chung PCRT/TTKB, chính sách chấp nhận khách hàng, quy trình nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng (KYC), quy trình báo cáo rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố, quy trình rà soát và phê duyệt yếu tố cấm vận của giao dịch (WLF) tại SeABank nhằm đảm bảo sự phù hợp với thực tiễn hoạt động và hướng tới thông lệ quốc tế. SeABank cũng đã thiết lập chương trình đào tạo PCRT/TTKB hàng năm cho cán bộ mới và cho lãnh đạo, cán bộ ở tất cả các đơn vị bao gồm trụ sở chính và chi nhánh theo vị trí công việc. Nội dung đào tạo hàng năm thường xuyên cập nhật các thay đổi theo quy định pháp luật, quy định nội bộ, các cơ chế rửa tiền mới và rút ra bài học kinh nghiệm cho CBNV.

Về công tác phòng chống gian lận:

SeABank đã ban hành Quy định phát hiện và xử lý gian lận, giả mạo trong hoạt động tín dụng, Quy trình quản lý sự kiện rủi ro, Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp để thống nhất khái niệm, nội dung liên quan, các công cụ phòng ngừa, phát hiện, phản hồi các sự kiện vi phạm, quyền hạn, trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan. SeABank chú trọng thực hiện phòng ngừa gian lận nội bộ qua việc thiết lập văn hóa tuân thủ, trung thực qua các quy tắc đạo đức, tiêu chuẩn nghề nghiệp rõ ràng, cơ chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp, công khai, thiết lập môi trường kiểm soát hiệu quả đối với mọi hoạt động trọng yếu mới hoặc khi có thay đổi, thực hiện công tác truyền thông, đào tạo cho mọi cán bộ ở các vị trí.

SeABank thiết lập cơ chế báo cáo rõ ràng và đa dạng về hình thức. Ngoài ra, các đơn vị nghiệp vụ còn quản lý các hệ thống email, trao đổi nội bộ, hệ thống giao dịch, hệ thống báo cáo để quản lý hoạt động của từng nghiệp vụ. Cấp quản lý của từng hoạt động nghiệp vụ có trách nhiệm giám sát, phát hiện các giao dịch bất thường tiềm ẩn rủi ro vi phạm gian lận nội bộ.

3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do SeABank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc SeABank có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của SeABank.

Rủi ro thanh khoản phát sinh chủ yếu từ xu hướng của các ngân hàng là huy động ngắn hạn và cho vay trung, dài hạn. Khi trường hợp này xảy ra, các khoản huy động về mặt kỹ thuật sẽ phải hoàn trả theo yêu cầu của người gửi tiền. Đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng, người gửi tiền sẽ rút tiền ra nhanh hơn việc người đi vay sẵn sàng trả nợ. Do vậy, rủi ro thanh khoản là rất thực tế và thường trực trong hoạt động kinh doanh ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, SeABank đã và đang áp dụng các giải pháp sau:

- Theo dõi, cập nhật và thường xuyên đánh giá tất cả các sự kiện xảy ra trong và ngoài SeABank gây ra các ảnh hưởng trọng yếu cho SeABank và cần phải được xem xét trong mối liên hệ tính tới thanh khoản và nguy cơ rủi ro thanh khoản của SeABank.
- Xem xét quản lý rủi ro thanh khoản trong mối liên hệ với những rủi ro khác, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng...
- Duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện SeABank hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản (bao gồm cả việc xác định tổn thất, chi phí khi tiếp cận thanh khoản trên thị trường).
- Xác định được chi phí đáp ứng nhu cầu thanh khoản và rủi ro thanh khoản trong việc định giá vốn nội bộ, đánh giá kết quả kinh doanh đối với các hoạt động kinh doanh trọng yếu (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng).
- Thực hiện chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản với các nội dung cơ bản như: (i) Nguyên tắc quản lý thanh khoản; (ii) Chiến lược đa dạng hóa nguồn vốn huy động, thời hạn vốn huy động để tăng sự ổn định Nợ phải trả, hỗ trợ thanh khoản hàng ngày; (iii) Nguyên tắc thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản.
- Xây dựng và áp dụng các hạn mức rủi ro thanh khoản được ban hành cụ thể thành văn bản riêng theo từng thời kỳ, đảm bảo tuân thủ (i) quy định của pháp luật về tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ Dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi, tỷ lệ vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn, (ii) tuân thủ khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro thanh khoản. Hạn mức rủi ro thanh khoản được xây dựng đầy đủ và cụ thể để kiểm soát rủi ro phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, bộ phận tham gia vào các giao dịch có rủi ro thanh khoản, được rà soát, đánh giá lại (điều chỉnh nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank, và được phổ biến cho các cá nhân, bộ phận có liên quan.
- SeABank dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. SeABank có cơ chế quản lý tài sản hiệu quả, cơ chế điều hành công khai, minh bạch và ổn định, tránh tạo ra những cú sốc rút tiền ào ạt. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ là rất quan trọng để có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu.
- SeABank ban hành quy định và quy trình về quản lý thanh khoản trong đó thiết lập quy định về quản lý khe hở thanh khoản theo các thang của kỳ hạn, các chỉ số hạn mức rủi ro thanh khoản, các kịch bản căng thẳng thanh khoản, xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản để chủ động các biện pháp xử lý trong tình huống thị trường có biến động. SeABank chủ trương đa dạng hóa nguồn vốn huy động cũng như xây dựng hệ thống báo cáo cân đối vốn và báo cáo dòng tiền để tính toán trạng thái thanh khoản hàng ngày của ngân hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng triển khai nghiên cứu mô hình hành vi của khách hàng để tính toán các tỷ lệ trả trước, tỷ lệ quay vòng tiết kiệm và tỷ lệ dòng tiền ổn định nhằm đưa ra các phân tích, dự báo về tình trạng thanh khoản trong tương lai và từ đó đưa ra các biện pháp phòng vệ và sử dụng dòng tiền một cách hiệu quả.
- SeABank cũng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ và Có ("Hội đồng ALCO") để theo dõi và quản lý rủi ro thanh khoản, xây dựng và vận hành các chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ và các kế hoạch dự phòng để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đảm bảo an toàn vốn như đánh giá các dòng tiền dự kiến và các tài sản thế chấp có thể được sử dụng để bù đắp thiếu hụt thanh khoản.

Hoạt động quản lý thanh khoản của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo hướng tuân thủ các quy định của NHNN và các tiêu chí quản lý thanh khoản nội bộ của Ngân hàng cho hai đồng tiền chính (VND, USD) trên danh mục huy động và cho vay. Hơn nữa, chính sách của SeABank là duy trì khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện thông thường và căng thẳng, đồng thời SeABank cũng thiết lập và duy trì quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.

3.6. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro khi ngân hàng tập trung vốn cho vay quá nhiều đối với một số khách hàng; cho vay quá nhiều doanh nghiệp hoạt động trong cùng một ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ hoặc trong cùng một vùng địa lý nhất định, cùng một loại hình cho vay có rủi ro cao.

SeABank thực hiện quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và hoạt động giao dịch tự doanh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Đối với hoạt động cấp tín dụng, SeABank thiết lập các giới hạn tín dụng theo sản phẩm, ngành, khách hàng và người có liên quan của khách hàng để đảm bảo duy trì một danh mục cấp tín dụng đa dạng, không tập trung cao vào một nhóm sản phẩm, ngành hoặc khách hàng.

Đối với hoạt động tự doanh, SeABank xác định hạn mức giao dịch theo đối tác giao dịch, sản phẩm và loại tiền tệ để đảm bảo mức độ đa dạng và mức độ tương tác phù hợp.

3.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Các hoạt động ngoại bảng mang đến rủi ro của SeABank chủ yếu bao gồm các khoản cam kết cho vay và các hình thức bảo lãnh. SeABank dùng uy tín của mình để bảo đảm cho các giao dịch của khách hàng được phục vụ thuận lợi và thông suốt, đáp ứng các nhu cầu phát sinh của nhiều loại khách hàng. Do đó, các giao dịch cam kết và bảo lãnh nếu không được thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả bởi các bên tham gia sẽ là nguồn phát sinh rủi ro, và trực tiếp tới khách hàng. SeABank đã và đang thực hiện chính sách bảo lãnh thận trọng trong đó phần lớn các khoản bảo lãnh đều có tài sản thế chấp. Ủy Ban Tín dụng (Hội sở/ Khu vực), Chuyên gia Phê duyệt Tín dụng có chức năng quyết định các hạn mức bảo lãnh cấp cho các cá nhân và doanh nghiệp trên cơ sở được thẩm định chặt chẽ và được xem xét như là một khoản cho vay. Do đó, SeABank đã áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng tương tự cho các hoạt động ngoại bảng (quản trị rủi ro tín dụng được mô tả ở mục IV.10.3.1. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn).

3.8. Rủi ro đặc thù khác

3.8.1. Rủi ro về ngành

Sự phát triển của nền kinh tế kéo theo sự phát triển tất yếu ngành Ngân hàng. Việc phát triển các sản phẩm tài chính tối ưu góp phần làm tăng tốc độ luân chuyển dòng vốn trong nền kinh tế. Đồng thời, khách hàng cũng có cơ hội được sử dụng các dịch vụ tài chính hiện đại, phù hợp nhất. Cùng với sự phát triển của ngành Ngân hàng là sự cạnh tranh khốc liệt, toàn diện giữa các Ngân hàng thương mại về lãi suất huy động, lãi suất cho vay, các ưu đãi nhằm thu hút khách hàng mới và chăm sóc khách hàng cũ như giảm hoặc miễn phí giao dịch...

Với nền tảng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, SeABank đã dần tự động hóa các quy trình hoạt động, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ cho khách hàng. Chính điều này đã giúp cho SeABank duy trì lượng khách hàng hiện tại cũng như tạo điều kiện cho SeABank tiếp cận khách hàng mới.

3.8.2. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin ("CNTT") có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ các nguyên nhân khác nhau như: SeABank phải

sử dụng phần mềm, hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau; từ việc người sử dụng không tuân thủ chặt chẽ các quy trình vận hành, quản trị, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn; rủi ro từ việc tấn công mạng, ...

Nhận thức được các rủi ro phải đối mặt, SeABank đã đầu tư nghiêm túc cho nguồn lực quản lý rủi ro nói chung và quản lý rủi ro trong lĩnh vực CNTT nói riêng. SeABank đã có lực lượng chuyên trách cho công tác bảo đảm an toàn thông tin ("ATTT") toàn hệ thống cũng như của khách hàng ngay từ những ngày đầu đi vào hoạt động. Hàng loạt giải pháp, hệ thống công nghệ bảo mật uy tín đã được triển khai, áp dụng một cách đồng bộ, tạo dựng hệ thống bảo đảm ATTT tổng thể, có chiều sâu. Bên cạnh đó, với đặc điểm ngân hàng có mạng lưới rộng (nhiều phòng giao dịch, chi nhánh trên khắp cả nước), SeABank luôn chú trọng đẩy mạnh công tác hậu kiểm, giám sát, kiểm soát chéo về ATTT nhằm bảo đảm phát hiện sớm các rủi ro CNTT và kịp thời xử lý. Năm 2020, SeABank đã được cấp chứng chỉ PCI DSS 3.2 về an toàn, bảo mật cho hệ thống thẻ thanh toán lần đầu tiên tại Việt Nam.

Đối với khách hàng, SeABank cũng thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ATTT khi khách hàng thực hiện giao dịch. Đối với một số tình huống tấn công, mã độc mới xảy ra trong thời gian vừa qua như Zeus, OpenSSL HeartBleed..., SeABank đã kịp thời cảnh báo cho khách hàng, đồng thời luôn chủ động củng cố, rà soát, tăng cường các biện pháp bảo đảm ATTT chặt chẽ trên toàn hệ thống và không để xảy ra rủi ro.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Quá trình tổ chức chào bán cổ phiếu cũng như sau khi đợt chào bán kết thúc luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định như số lượng chứng khoán chào bán không đạt được như mục tiêu đề ra của phương án phát hành hoặc SeABank không thu được số tiền như đã dự kiến, ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch mở rộng huy động vốn của Ngân hàng. Thêm nữa, khi phát hành thêm cổ phiếu thì ngân hàng còn phải tính thêm đến rủi ro pha loãng với khả năng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng trong khi lợi nhuận vẫn giữ nguyên hoặc không đạt mức kì vọng so với mức vốn điều lệ mới, nghĩa là thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) giảm đi.

Trong bất kỳ một đợt chào bán nào, khả năng rủi ro nêu trên đều có thể xảy ra. Tuy nhiên, SeABank với một chiến lược định hướng phát triển ổn định, năng lực tài chính vững mạnh, có bề dày uy tín và thương hiệu đã được khẳng định nên cổ phiếu của SeABank luôn có sức hấp dẫn trên thị trường và là sự lựa chọn đầu tư ưu tiên đối với các nhà đầu tư. Tình hình kinh tế vĩ mô nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng được đánh giá là đã bước qua đáy của đợt khủng hoảng để vào giai đoạn phục hồi. Tín hiệu tích cực từ nền kinh tế sẽ tạo nên niềm tin của nhà đầu tư vào sự phát triển của SeABank trong thời gian tới.

Để vươn đến mục tiêu là một Ngân hàng TMCP tiêu biểu của Việt Nam, SeABank đã xây dựng một chiến lược bài bản và thận trọng. Tương ứng với chiến lược này là một lộ trình tăng vốn bài bản và chi tiết. Toàn bộ số lượng tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để nâng cấp và mở rộng kinh doanh, đầu tư nâng cấp công nghệ, nâng cao hệ số an toàn, trong đó phần lớn được sử dụng để đưa vào hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Rủi ro phát sinh theo đó cũng là các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Ngân hàng đã được trình bày tại Phần I của Bản Cáo bạch này.

5. Rủi ro pha loãng

Việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu này sẽ làm phát sinh rủi ro pha loãng cổ phần như sau:

- Pha loãng giá thị trường sau khi chào bán
- Pha loãng giá sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)
- Pha loãng về Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)

- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

❖ **Pha loãng giá thị trường sau khi chào bán**

Đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu chịu rủi ro pha loãng giá cổ phiếu. Sự điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu trong trường hợp giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền lớn hơn giá cổ phiếu được chào bán theo Quy chế giao dịch của HOSE được tính theo công thức như sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

- P: là giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng
- P_{t-1} : là giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng
- I: là tỷ lệ vốn tăng
- PR: là giá sẽ bán cho người mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

❖ **Pha loãng giá trị sổ sách và pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu:**

Lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SeABank dẫn tới sự pha loãng giá trị cổ phiếu.

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của SeABank được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020 (theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán) và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của SeABank và với giả định SeABank hoàn thành đợt phát hành, cổ phiếu được chuyển giao cho nhà đầu tư vào trong tháng 10/2021, ảnh hưởng của việc chào bán cổ phiếu lên giá trị sổ sách và EPS được xác định như sau:

Bảng 1: Pha loãng giá trị sổ sách và pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức tính	Giá trị
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020	triệu đồng	(1)	1.360.465
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 (hợp nhất)	triệu đồng	(2)	13.670.378
Lợi nhuận sau thuế năm 2020 sau khi phân bổ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	triệu đồng	(3)	1.342.007
Lợi nhuận sau thuế (dự kiến) năm 2021	triệu đồng	(4)	1.930.933
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân năm 2020 (Theo mục 34 thuyết minh BCTC hợp nhất năm 2020)	cổ phiếu	(5)	1.097.743.321
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại 31/12/2020	cổ phiếu	(6)	1.208.744.208
Vốn chủ sở hữu dự kiến năm 2021 (nếu không phát hành cho cổ đông hiện hữu)	triệu đồng	(7)=(2)+(4)+(12)	15.966.934
Vốn chủ sở hữu dự kiến năm 2021 (sau phát hành, giả sử hoàn tất phát hành trong tháng 10/2021)	triệu đồng	(8) = (2)+(4) +(12) + (13)	18.006.933,52
Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu (phát hành xong trong đầu tháng 08/2021)	Cổ phiếu	(9)	110.244.161

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức tính	Giá trị
Số lượng cổ phiếu phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (phát hành xong trong tháng 08/2021)	Cổ phiếu	(10)	23.500.000
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	Cổ phiếu	(11)	136.000.000
Số tiền thu về khi phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	triệu đồng	(12)	365.623
Số tiền thu về từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (giá phát hành: 15.000 đồng/cổ phiếu)	triệu đồng	(13)	2.040.000
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến năm 2021 (nếu không phát hành cho cổ đông hiện hữu)	cổ phiếu	(14)	1.342.488.369
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến năm 2021 (sau phát hành)	cổ phiếu	(15) = (6)+(9)+(10)+(11)	1.478.488.369
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân dự kiến năm 2021 (nếu không phát hành cho cổ đông hiện hữu)	cổ phiếu	(16) = (6)+(9)*5/12+(10)*4/12	1.262.512.608
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân dự kiến năm 2021 (sau khi phát hành), giả định phát hành cho cổ đông hiện hữu xong trong tháng 10/2021	cổ phiếu	(17) = (6)+(9)*5/12+(10)*4/12+(11)*2/12	1.285.179.275
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020	đồng/cổ phiếu	(18)=(2)/(6)	11.310
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2021 dự kiến (nếu không phát hành cho cổ đông hiện hữu)	đồng/cổ phiếu	(19)=(7)/(14)	11.894
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2021 dự kiến (sau phát hành)	đồng/cổ phiếu	(20)=(8)/(15)	12.179
EPS năm 2020	đồng/cổ phiếu	(21)=(3)/(5)	1.223
EPS dự kiến năm 2021 (nếu không phát hành cho cổ đông hiện hữu)	đồng/cổ phiếu	(22)=(4)/(16)	1.529
EPS dự kiến năm 2021 (sau phát hành)	đồng/cổ phiếu	(23)=(4)/(17)	1.502

Như vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành tăng lên, EPS dự kiến năm 2021 có thể bị pha loãng từ 1.529 đồng/cổ phiếu xuống 1.502 đồng/cổ phiếu và giá trị sổ sách dự kiến tại 31/12/2021 sẽ thay đổi từ 11.894 đồng/cổ phiếu lên 12.179 đồng/cổ phiếu.

❖ **Pha loãng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết:**

Việc phát hành một lượng lớn cổ phiếu ra thị trường cho cổ đông hiện hữu (khối lượng phát hành dự kiến là 136.000.000 cổ phiếu với tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm/tỷ lệ cổ phiếu đang lưu hành là 10,1304%). Rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu xảy ra khi khối lượng chào bán vượt quá khả năng hấp thụ của cổ đông.

Đối với các cổ đông từ chối quyền mua, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm xuống. Phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt với tỷ lệ biểu quyết thông qua cao, cổ đông đã có sự chuẩn bị về đợt phát hành này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu được đánh giá ở mức thấp.

6. Rủi ro quản trị công ty

Quản trị công ty có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát Công ty.

Đối với SeABank, sau khi chào bán quy mô vốn điều lệ sẽ tăng đáng kể, việc này sẽ kéo theo những khó khăn, rủi ro về mặt quản trị công ty cũng như quản lý, sử dụng nguồn vốn, nhân lực sao cho hiệu quả. Tuy nhiên, do đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nên cơ cấu cổ đông của SeABank sẽ không có nhiều thay đổi so với trước khi thực hiện chào bán. Bên cạnh đó với bề dày lịch sử hoạt động cùng với đội ngũ lãnh đạo tâm huyết, SeABank có thể phần nào hạn chế được rủi ro này.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của SeABank như: thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố... Những rủi ro này tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các cá nhân, tổ chức là khách hàng của SeABank. Do vậy, rủi ro này tùy theo từng thời điểm có thể gây những ảnh hưởng cục bộ, theo từng lĩnh vực nhất định. Để hạn chế các rủi ro này, SeABank áp dụng nhiều chính sách đồng bộ như cho vay phân tán, chủ động mua bảo hiểm, ... đồng thời yêu cầu khách hàng tùy theo lĩnh vực kinh doanh phải mua các bảo hiểm liên quan để dự phòng các sự cố không may xảy ra.

Rủi ro dịch bệnh bắt đầu từ cuối năm 2019 cụ thể là đại dịch Covid-19 đã lan ra nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ. Đến nay trên thế giới, dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát và còn lây lan nhanh, diễn biến phức tạp tại Châu Âu, Mỹ và nhiều nước châu Á, tác động tiêu cực đối với mọi hoạt động kinh tế xã hội toàn cầu và Việt nam, trong đó hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế đều chịu tác động tiêu cực.

Ngân hàng Nhà nước cũng đã ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020, Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. SeABank luôn tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy định của pháp luật, chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, ... liên quan đến hoạt động chống dịch, dập dịch và hỗ trợ khách hàng vượt qua giai đoạn khó khăn do đại dịch và phục hồi nền kinh tế.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban Kiểm soát
CBNV	:	Cán bộ Nhân viên
CMND	:	Chứng minh nhân dân
CTCP	:	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
EPS	:	LNST trên mỗi cổ phần
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
NHTM	:	Ngân hàng Thương mại
ROA	:	LNST/Tổng tài sản bình quân
ROE	:	LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân
UBCKNN	:	Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
SGDCK/HSX/HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
Sở KH&ĐT	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước
TCTD	:	Tổ chức tín dụng
TCTV	:	Tổ chức tư vấn
TMCP	:	Thương mại cổ phần
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
Tổ chức đăng ký chào bán/ Ngân hàng/ SeABank	:	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Tổ chức tư vấn/Asean Securities	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean
TSCĐ	:	Tài sản cố định
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu
VĐL	:	Vốn điều lệ
VND	:	Việt Nam Đồng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về SeABank

- Tên đầy đủ : Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á
- Tên viết tắt : SeABank
- Tên tiếng Anh: SOUTHEAST ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/1/2005, thay đổi lần thứ 31 ngày 22/09/2021.
- Trụ sở : 25 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 39448688 Fax: 024 39448689
- Mã cổ phiếu : SSB
- Sàn niêm yết : HOSE
- Website : <https://seabank.com.vn/>
- Vốn điều lệ : 13.424.883.690.000 đồng (Mười ba nghìn bốn trăm hai mươi bốn tỷ tám trăm tám mươi ba triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)
- Người đại diện theo pháp luật: Lê Văn Tấn Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ngành nghề kinh doanh chính:

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng và các văn bản sửa đổi, bổ sung; và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 13/2/2019, Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200253985 cấp thay đổi lần thứ 31 ngày 22/09/2021 các ngành nghề kinh doanh chính của SeABank bao gồm:

- (a) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- (b) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - Cho vay;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - Bảo lãnh ngân hàng;
 - Phát hành thẻ tín dụng;
 - Bao thanh toán trong nước;
- (c) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- (d) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- (e) Mở tài khoản:
 - Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- (f) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- (g) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

- (h) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- (i) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- (j) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- (k) Dịch vụ môi giới tiền tệ.
- (l) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (m) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (n) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (o) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (p) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (q) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- (r) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế.
- (s) Lưu ký chứng khoán.
- (t) Kinh doanh vàng miếng.
- (u) Ví điện tử.
- (v) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của SeABank

❖ Giai đoạn 1994 - 2005

Thành lập từ tháng 3 năm 1994, tiền thân của SeABank được sáng lập với tên gọi Ngân hàng TMCP Hải Phòng và có trụ sở chính đặt tại thành phố cảng Hải Phòng. Tháng 09/2002, Ngân hàng chính thức đổi tên thành Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank).

❖ Giai đoạn 2005 - 2010

Tháng 3 năm 2005, SeABank chuyển Hội sở từ Hải Phòng về địa chỉ mới 16 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội, là mốc quan trọng tạo tiền đề phát triển trong tương lai.

Liên tục từ năm 2007, SeABank tập trung đẩy mạnh quan hệ với các đối tác như Mobifone, Societe Generale (Pháp) – Tập đoàn Tài chính Ngân hàng hàng đầu Châu Âu nhằm tạo ra hệ sinh thái hoạt động toàn diện.

Chỉ trong vòng 2 năm từ 2007, từ số vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng (1 trong 4 ngân hàng TMCP có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam), SeABank tiếp tục tăng mức vốn điều lệ của ngân hàng lên 4.068 tỷ đồng vào tháng 12/2008. Điều này thúc đẩy SeABank tiếp tục khẳng định vị trí trên thị trường lúc bấy giờ và chính thức triển khai theo mô hình ngân hàng bán lẻ vào tháng 6/2009.

❖ **Giai đoạn 2010 - 2018**

Năm 2010, SeABank công bố bộ nhận diện thương hiệu mới, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 752/UBCK-QLPH ngày 19/3/2010 và được Thủ tướng Chính phủ trao tặng Bằng khen "Đã có thành tích trong công tác từ năm 2007-2009, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc". Cũng trong năm này, SeABank tự hào là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á được trao tặng giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN trong tiêu chí Đổi mới.

Trong năm 2011, SeABank thành lập Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, tăng gần 50 điểm giao dịch, đưa tổng số điểm giao dịch lên 150 điểm tại 22 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

SeABank tự hào trở thành ngân hàng đầu tiên triển khai quy chuẩn đào tạo gắn liền với thực hành nghiệp vụ cho nhân viên ngân hàng khi khai trương Trung tâm Đào tạo tại Khu vực miền Bắc vào tháng 12/2011.

Tháng 01/2012, SeABank chính thức đưa vào sử dụng Hệ thống dịch vụ Ngân hàng tự động - Autobank đa dịch vụ, đủ tiện ích đầu tiên tại Việt Nam, mang lại đa dạng loại hình dịch vụ và thuận tiện cho khách hàng.

Tháng 10/2013, SeABank chính thức được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 5.466 tỷ đồng.

Ghi nhận những thành tích hoạt động của Ngân hàng, năm 2017, SeABank và Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch Hội đồng Quản trị SeABank được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì, chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu trở thành "Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất" và được Hiệp hội ngân hàng Châu Á The Asian Banker đánh giá nằm trong nhóm 15 ngân hàng mạnh nhất Việt Nam, Top 500 ngân hàng mạnh nhất khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

❖ **Giai đoạn 2018 – 2020:**

Tháng 5 năm 2018, Bà Lê Thu Thủy chính thức đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Ngân hàng SeABank, đánh dấu chặng đường phát triển mới của ngân hàng. Cũng trong năm này, SeABank chính thức tiếp nhận Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện từ Tập đoàn VNPT và Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện trở thành Công ty con. Tháng 12/2018, SeABank thực hiện tăng vốn điều lệ lên 7.688 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu cho CBCNV, phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Tháng 9/2019, SeABank hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 9.369 tỷ đồng, đồng thời đáp ứng chuẩn Basel II theo yêu cầu của NHNN. Tháng 10/2019, Moody's – một trong ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín nhất thế giới đã công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm dài hạn mức B1 cho SeABank.

Trải qua chặng đường 27 năm phát triển, SeABank sở hữu mạng lưới hoạt động trên khắp 3 miền đất nước với hơn 170 chi nhánh và phòng giao dịch tại 27 tỉnh thành trên toàn quốc, quy mô tổng tài sản đạt hơn 167 nghìn tỷ đồng (tại thời điểm 30/09/2020), vốn điều lệ 12.087,4 tỷ đồng. Thương hiệu SeABank ngày càng được mở rộng đến quy mô toàn cầu và được công nhận bằng những bằng khen, giải thưởng tiêu biểu: Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2019 - VNR500 do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report bình chọn; Thương hiệu ngân hàng sáng tạo nhất năm 2019 do Tạp chí Global Brands Magazine bình chọn; Giải thưởng "Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2020" do International Business Magazine và "Ngân hàng mang tới sự hài lòng và hạnh phúc của khách hàng" do tổ chức Global Banking and Finance Review trao tặng; Top 30 công ty ứng dụng Công nghệ tốt nhất Châu Á năm 2020 ("30 Best Tech Companies in Asia 2020") do Tạp chí The Silicon Review trao tặng. Đặc biệt tháng 11/2020, SeABank vinh dự là một trong 7 ngân hàng được Bộ Công Thương bình chọn danh hiệu Thương

hiệu Quốc gia 2020.

❖ **Giai đoạn 2020 – Nay:**

Tháng 12/2020, SeABank đã hoàn thành việc đăng ký lưu ký toàn bộ 1.208.744.208 cổ phiếu SeABank tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) với mã chứng khoán SSB. Ngày 30/12/2020, Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) đã quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu SSB theo Quyết định niêm yết cổ phiếu số 888/QĐ-SGDHCM

Ngày 24/03/2021 – nhân dịp 27 kỷ niệm ngày thành lập Ngân hàng, hơn 1,2 tỷ cổ phiếu SSB của SeABank đã chính thức niêm yết và giao dịch trên sàn HOSE với giá tham chiếu 16.800 đồng/cổ phiếu. Việc niêm yết trên sàn chứng khoán là một dấu mốc quan trọng trên chặng đường phát triển của SeABank và cũng là tiền đề cho những sự bứt phá mạnh mẽ hơn nữa của Ngân hàng trong thời gian sắp tới.

SeABank cũng được Moody's nâng đánh giá triển vọng phát triển từ Ổn định lên Tích cực và tiếp tục xếp hạng tín nhiệm mức B1. Bên cạnh đó, SeABank cũng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xếp hạng trong nhóm 17 ngân hàng có tầm quan trọng trong hệ thống năm 2021.

Quý III/2021, SeABank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 13.424,88 tỷ đồng.

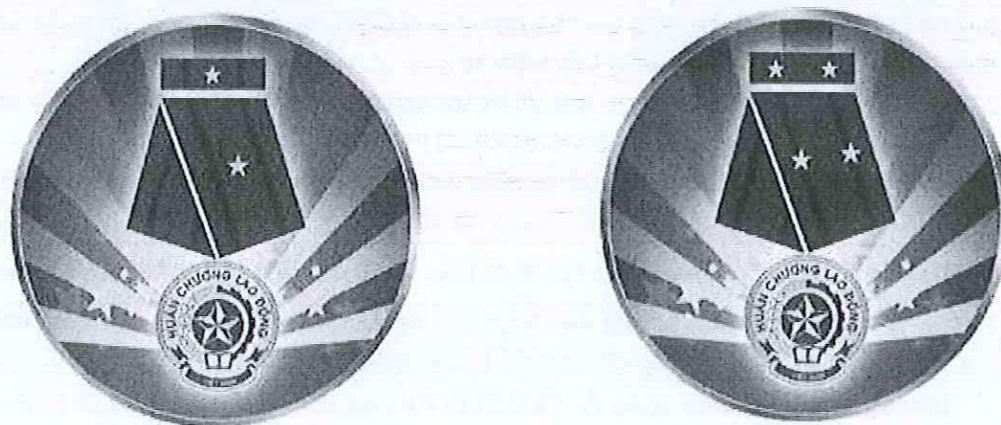
Bảng 2. Các danh hiệu và phần thưởng cao quý SeABank được trao tặng

STT	TÊN GIẢI THƯỞNG
1.	"Huân chương Lao động Hạng Nhì" do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam khen tặng SeABank và Bà Nguyễn Thị Nga – Chủ tịch HĐQT vì đã có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong giai đoạn 2012-2017.
2.	"Nhà lãnh đạo ngân hàng trẻ xuất sắc nhất Việt Nam 2014" đối với Bà Lê Thu Thủy – Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT vì những nỗ lực và giá trị đóng góp vào quá trình phát triển của SeABank nói riêng và ngành Ngân hàng nói chung trong thời gian gần đây.
3.	"Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2012" do tổ chức Global Banking and Finance Review (Vương Quốc Anh) phong tặng cho SeABank vì những giá trị sáng tạo trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ theo tiêu chuẩn quốc tế.
4.	"Ngân hàng của năm 2013" do Tạp chí nổi tiếng thế giới The Banker trao tặng ghi nhận sự phát triển ổn định, bền vững của SeABank trong thời gian qua.
5.	"Ngân hàng có dịch vụ khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam 2013" do tổ chức Global Banking and Finance Review (Vương Quốc Anh) phong tặng cho SeABank vì những nỗ lực liên tục và vượt bậc của SeABank trong việc cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện để phục vụ khách hàng.
6.	"Nhà lãnh đạo Ngân hàng Năng động nhất Việt Nam 2013" tổ chức Global Banking and Finance Review trao tặng cho Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch HĐQT của SeABank nhằm ghi nhận những nỗ lực và giá trị mà Bà đóng góp vào quá trình 20 năm phát triển của SeABank.
7.	"Top 10 nữ doanh nhân trí thức thành đạt" do Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam và Bộ Khoa học và Công nghệ vinh danh Bà Nguyễn Thị Nga do những cống hiến của Bà trong đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ vào kinh doanh.
8.	"Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc" do Thủ tướng Chính phủ trao tặng cho Bà Nguyễn Thị Nga vì đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc".
9.	"Cờ thi đua" của Thủ tướng Chính phủ trao tặng SeABank vì đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu trong phong trào thi đua năm 2016 của ngành Ngân hàng.
10.	08 năm liền SeABank được xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

STT	TÊN GIẢI THƯỞNG
11.	"SeABank nhận giải thưởng Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2014" (Best Retail Bank Vietnam 2014) do Tạp chí Global Financial Market Review (GFM) trao tặng.
12.	"Dịch vụ ngân hàng trực tuyến tốt nhất Việt Nam 2016" (Best Internet Bank Vietnam 2016) do Global Business Outlook trao tặng.
13.	"Most Innovative Retail Bank Vietnam 2017" do Tạp chí Global Business Outlook trao tặng Tháng 11/2017.
14.	SeABank đạt được TOP 500 doanh nghiệp lớn Việt Nam năm 2017 do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam - Vietnam Report trao tặng tháng 12/2017.
15.	"Most Favourite Retail Bank Vietnam 2018" do Tạp chí International Business Magazine (IBM) - Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất trao tặng Tháng 10/2018.
16.	Top 10 Doanh nghiệp bền vững 2018 trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xếp hạng vào Tháng 11/2018.
17.	Ngân hàng có tập khách hàng năng động nhất năm 2018 do NAPAS xếp hạng vào Tháng 12/2018.
18.	Giải thưởng "Most Favourite Retail Bank Vietnam 2018" của Tạp chí International Business Magazine (IBM) - Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất.
19.	TOP 10 Thương hiệu Vàng Việt Nam 2019 do Trung tâm bảo vệ Người tiêu Dùng và Viện Kinh tế văn hóa xếp hạng.
20.	Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2012 - 2020 của Thời báo Kinh tế Việt Nam.
21.	Giải thưởng "Lãnh đạo Ngân hàng xuất sắc nhất năm 2019" (Best Banking CEO Vietnam 2019) của Tạp chí Finance Derivative - Mỹ trao tặng bà Lê Thu Thủy - TGD.
22.	Thương hiệu quốc gia Việt Nam 2020 – Dành cho Dịch vụ Tài chính ngân hàng SeABank do Bộ Công Thương Việt Nam công nhận
23.	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2020 do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) trao tặng
24.	Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) trao tặng
25.	Top 10 Doanh nghiệp bền vững 2020 trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ do phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng
26.	Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng năm 2020 do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDG Vietnam) trao tặng
27.	Thương hiệu ngân hàng sáng tạo nhất năm 2019 do Tạp chí The Global Brands Magazine
28.	Top 15 ngân hàng mạnh nhất Việt Nam và Top 500 ngân hàng lớn và mạnh nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do Tạp chí The Asian Banker trao tặng
29.	Thương hiệu tiêu biểu châu Á- Thái Bình Dương do Tạp Chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương trao tặng
30.	Giải thưởng chuyển đổi số Việt Nam - Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc do Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) trao tặng
31.	Top 30 công ty ứng dụng Công nghệ tốt nhất Châu Á 2020 do Tạp chí The Silicon Review trao tặng
32.	SeAMobile - Sản phẩm ngân hàng di động sáng tạo nhất năm 2020 do Tạp chí Finance Derivative trao tặng
33.	Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động 2019 do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trao tặng

STT	TÊN GIẢI THƯỞNG
34.	Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2020 do Tạp chí Global Economics trao tặng
35.	Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2020 Tạp chí International Business Magazine trao tặng
36.	Ngân hàng mang tới sự hài lòng và hạnh phúc của khách hàng do Tạp chí Global Banking and Finance Review
37.	Cờ thi đua ghi nhận “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2019” của Chính phủ.
38.	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2019 - VNR500 do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) trao tặng
39.	Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2020 do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) trao tặng
40.	Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2021 do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) trao tặng
41.	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2021 do Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) trao tặng
42.	Ngân hàng số tốt nhất Việt Nam 2021 do Tạp chí World Business Outlook trao tặng
43.	Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc 2021 do Tạp chí IBM - International Business Magazine trao tặng
44.	Ngân hàng bán lẻ lấy khách hàng trọng tâm 2021 do The Global Economics trao tặng
45.	Cờ thi đua “Đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng năm 2020” do Ngân hàng nhà nước trao tặng

Hình 3. Hình ảnh một số giải thưởng SeABank đã đạt được



Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam khen tặng SeABank và Bà Nguyễn Thị Nga – Chủ tịch HĐQT vì đã có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong giai đoạn 2012-2017



Ngân hàng vì cộng đồng tốt nhất Việt Nam 2016

Global Banking & Finance Review (Anh)



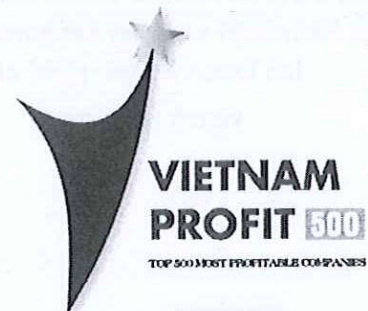
Top 500 Ngân hàng lớn và mạnh nhất Châu Á – Thái Bình Dương

The Asian Banker (Singapore)



**Thương hiệu quốc gia Việt Nam 2020 –
Dành cho Dịch vụ Tài chính ngân hàng
SeABank**

Bộ Công Thương Việt Nam



**Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng
nhANH NHẤT Việt Nam**

Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá
Việt Nam (Vietnam Report)



Top 500 DN Lớn nhất Việt Nam

Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt
Nam - Việt Nam Report



**Top 10 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam
trong lĩnh vực thương mại - Dịch vụ trong
năm 2019.**

Phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam
(VCCI)



Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2020 và Ngân hàng mang tới sự hài lòng và hạnh phúc cho khách hàng 2020



Hội đồng Tư vấn Kinh doanh ASEAN (ASEAN BAC) bình chọn và trao các giải thưởng "Doanh nhân biểu tượng tại mỗi quốc gia trong khối ASEAN" cho bà Lê Thu Thủy và "Doanh nghiệp vì cộng đồng - SME Corporate Social Responsibility" cho SeABank



Giải thưởng chuyển đổi số Việt Nam - Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) trao tặng



SeAMobile - Sản phẩm ngân hàng di động sáng tạo nhất năm 2020

Tạp chí Finance Derivative trao tặng

Hình 4. Một số hình ảnh hoạt động về xã hội, cộng đồng của SeABank



Tập đoàn BRG, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) và CTCP Đầu tư phát triển Thành phố thông minh Bắc Hà Nội (Công ty Thành phố Thông minh) đã hỗ trợ các trang thiết bị y tế thiết yếu phòng, chống dịch Covid-19 cho Thủ đô với tổng trị giá 50 tỷ đồng



Ngày 05/06/2021, Đại diện SeABank trao tặng 10 tỷ đồng cho Quỹ Vaccine phòng chống Covid 19 Việt Nam



SeABank và tập đoàn BRG ủng hộ UBND TP Hồ Chí Minh 10 chiếc xe ô tô County trị giá 10 tỷ đồng để phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn



Bà Nguyễn Thị Nga đại diện cho SeABank và Tập đoàn BRG đã trao tặng ủng hộ 5 tỷ đồng cho công tác phòng chống dịch tại Lễ Phát động toàn dân ủng hộ phòng, chống Covid-19 do Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam tổ chức, dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và lãnh đạo các Bộ, ban, ngành.



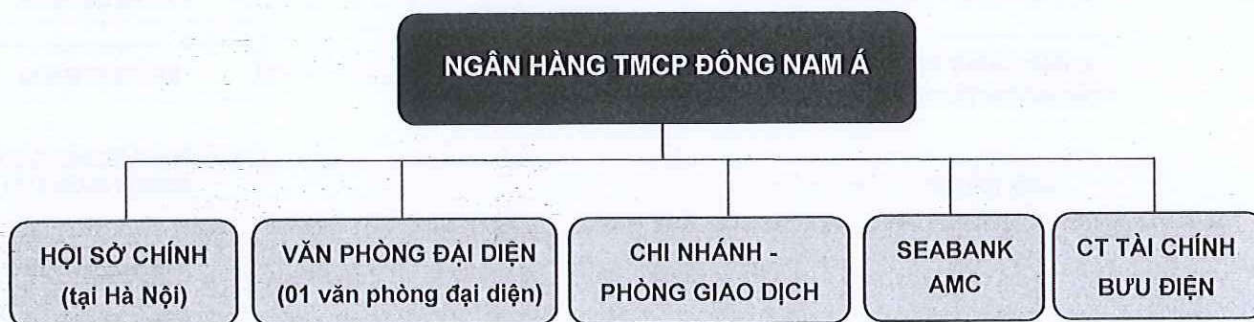
Với mong muốn lan tỏa hơn nữa tới cộng đồng thông điệp sống có trách nhiệm với môi trường, phát triển bền vững, Ngân hàng SeABank đã triển khai chuỗi hoạt động vì môi trường “Let's Go Green with SeABank”.

(Nguồn: SeABank)

3. Cơ cấu tổ chức của SeABank

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 16/06/2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Các hoạt động của SeABank tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức Tín dụng và Điều lệ SeABank được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hình 5. Cơ cấu tổ chức của SeABank



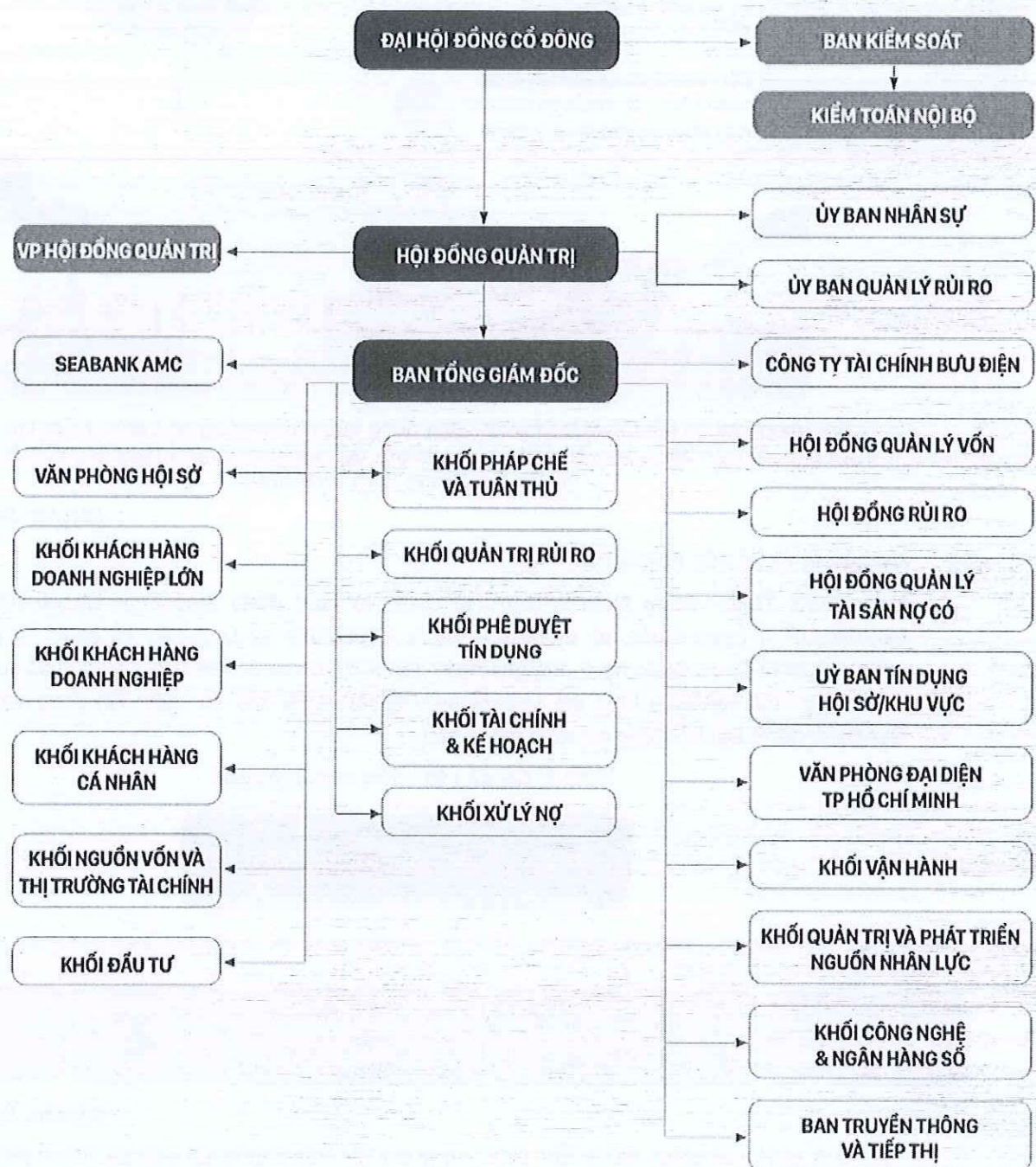
(Nguồn: SeABank)

SeABank có Hội sở chính tại Hà Nội, 02 Công ty con, 01 Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và 173 Chi nhánh, Phòng Giao dịch trải rộng trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

- Hội sở chính: Số 25 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 3 Cao ốc Văn phòng, số 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh - Phòng Giao dịch: 173 chi nhánh/phòng giao dịch tại 29 tỉnh thành phố trên cả nước.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của SeABank

Hình 6. Sơ đồ tổ chức



(Nguồn: SeABank)

Diễn giải sơ đồ

- **Đại hội đồng cổ đông** là cơ quan quyết định cao nhất của SeABank, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết.
- **Hội đồng Quản trị ("HĐQT")** là cơ quan quản trị SeABank, có toàn quyền nhân danh SeABank để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của SeABank mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có nhiệm vụ xác định và xây dựng các kế hoạch và chính sách như chính sách quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh và các kế hoạch phát triển chung của SeABank.

Hội đồng quản trị hiện tại có 08 thành viên:

Lê Văn Tàn	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT
Hoàng Minh Tân	Thành viên HĐQT
Bùi Trung Kiên	Thành viên HĐQT
Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập HĐQT
Faussier Loic Michel Marc	Thành viên độc lập HĐQT

Hiện tại SeABank có 02 thành viên độc lập HĐQT phù hợp quy định tại Điều 62 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), và Điều 276, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- **Ban Kiểm soát ("BKS") và Phòng Kiểm toán nội bộ:**
 - (i) BKS thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của SeABank, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
 - (ii) BKS có bộ phận giúp việc là Phòng Kiểm toán Nội bộ được sử dụng các nguồn lực của SeABank, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình. Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong SeABank; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm SeABank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Ban kiểm soát hiện tại của SeABank bao gồm 03 thành viên:

Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát
Vũ Quốc Việt	Thành viên Ban Kiểm soát

- **Ban Tổng Giám đốc:** gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm quản lý điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của SeABank.

- (i) Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của SeABank, chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT, BKS về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- (ii) Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của SeABank theo sự phân công, phân cấp thẩm quyền và ủy quyền của HĐQT, Tổng Giám đốc.
- (iii) Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của SeABank theo Điều Lệ của SeABank và theo sự phân công, phân cấp thẩm quyền và ủy quyền của HĐQT, TGD SeABank. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT.

Ban Tổng Giám đốc của SeABank hiện tại gồm 01 Tổng Giám đốc và 08 Phó Tổng Giám đốc:

Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Lê Quốc Long	Phó Tổng Giám Đốc Thường trực
Vũ Đình Khoán	Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám Đốc
Trần Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám Đốc
Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám Đốc
Đặng Thu Trang	Phó Tổng Giám Đốc

- **Kế toán trưởng:** giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của SeABank, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Kế toán trưởng của SeABank hiện tại là:

Nguyễn Thị Hoài Phương	Kế toán trưởng
------------------------	----------------

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của SeABank, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SeABank, những công ty mà SeABank nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Danh sách công ty mẹ của SeABank: Không có.

5.2. Danh sách công ty con

Tính đến 30/06/2021, SeABank có 2 công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank và Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

❖ **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank**

Tên doanh nghiệp	:	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank
Giấy CNĐKKD số	:	0103099985 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/12/2008
Trụ sở chính	:	Số 254C phố Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vốn Điều lệ đăng ký	:	500.000.000.000 VND
Vốn Điều lệ thực góp	:	500.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu của SeABank	:	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Quản lý nợ và khai thác tài sản

Ngày 03/12/2008, SeABank đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận thành lập Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - SeABank. Theo đó, SeABank AMC ra đời nhằm phục vụ nhu cầu quản lý nợ và khai thác tài sản của SeABank thông qua việc tiếp nhận, quản lý và thu hồi các khoản nợ phải thu, nợ khó đòi từ phía ngân hàng, đảm bảo kinh doanh an toàn và bền vững của ngân hàng. Bên cạnh đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ của SeABank, SeABank AMC cũng sử dụng các kỹ năng chuyên sâu của mình để phục vụ nhu cầu xử lý nợ và tài sản tồn đọng của các doanh nghiệp khác, giúp nguồn vốn trong nền kinh tế lưu chuyển minh bạch và thông thoáng hơn.

❖ **Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện ("PTF")**

(SeABank mua lại theo Quyết định số 1112/QĐ-NHNN ngày 22/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước)

Tên doanh nghiệp	:	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
Giấy CNĐKKD số	:	0100796508 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/2010
Trụ sở chính	:	Tầng 1, tầng 2 số 3 Đặng Thái Thân, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vốn Điều lệ đăng ký	:	1.050.000.000.000 VND

Vốn Điều lệ thực góp : 1.050.000.000.000 VND

Tỷ lệ sở hữu của SeABank : 100%

Ngành nghề kinh doanh chính : Tài chính tiêu dùng

Ngày 22/5/2018, SeABank và PTF đã được Thống đốc NHNN chấp thuận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông ("VNPT") tại PTF cho SeABank. Ngày 28/9/2018, Thống đốc NHNN đã cấp Giấy phép hoạt động mới cho PTF. Theo đó, PTF đã được chuyển mô hình hoạt động sang Công ty Tài chính Tín dụng Tiêu dùng. Việc mua lại toàn bộ phần vốn góp của VNPT tại PTF phù hợp với định hướng chiến lược phát triển thành một Tập đoàn Tài chính - Ngân hàng của SeABank trong thời gian tới và phù hợp với quy định của NHNN về việc TCTD phải thành lập Công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động tín dụng tiêu dùng. Đồng thời, giúp SeABank mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh và chuyên môn hóa, tối ưu hóa hoạt động tín dụng tiêu dùng của Ngân hàng. Vốn điều lệ hiện tại của PTF là 1.050 tỷ đồng, là một trong những công ty tài chính tiêu dùng đầu tiên có mức vốn điều lệ cao nhất thị trường.

5.3. Những công ty mà SeABank đang nắm giữ quyền kiểm soát, hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SeABank

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của SeABank

Kể từ thời điểm thành lập cho đến nay, SeABank đã có 22 lần tăng vốn điều lệ đạt mức vốn điều lệ 13.424.883,69 tỷ đồng vào tháng 08/2021. Quá trình tăng vốn điều lệ của SeABank thể hiện tại Bảng 3 như sau:

Bảng 3. Quá trình tăng vốn điều lệ

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập - Tháng 3/1994			3.000	3.000	Chào bán cho cổ đông sáng lập	- Giấy phép thành lập ngân hàng số 0051/GP-NH do NHNN Việt Nam cấp ngày 25/3/1994 - Giấy phép thành lập Công ty cổ phần số 000676 GP/TLDN-03 do UBND tỉnh Hải Phòng cấp ngày 04/4/1994.
1.	Năm 2001	3.000	47.010	50.010	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Quyết định số 619/QĐ-NHNN ngày 07/5/2001 về việc chuẩn y vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Hải Phòng. - Giấy chứng nhận ĐKKD CTCP số 055508 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 16/10/2002.
2.	Năm 2002	50.010	19.990	70.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Văn bản số 522/CV-QL ngày 22/12/2002 của NHNN Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng về việc chấp thuận tăng VĐL của SeABank. - Giấy chứng nhận ĐKKD CTCP số 055508 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 30/12/2002
3.	Năm 2003	70.000	15.000	85.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 492/CV-NHNN-HAP7 ngày 24/12/2003 về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của SeABank - Giấy chứng nhận ĐKKD CTCP số 055508 đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 30/12/2003

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
4.	Năm 2004 - đợt 1	85.000	35.000	120.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 269/NHNN-HAP7 ngày 28/6/2004 của NHNN Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng. - Giấy chứng nhận ĐKKD CTCP số 055508 đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28/6/2004
5.	Năm 2004 - đợt 2	120.000	30.000	150.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 491/NHNN-HAP7 ngày 18/10/2004 của NHNN Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng về việc chấp thuận cho SeABank tăng VDL đợt 2 từ 120 tỷ VNĐ lên 150 tỷ VNĐ. - Giấy chứng nhận ĐKKD CTCP số 055508 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 04/11/2004
6.	Năm 2005 - đợt 1	150.000	50.000	200.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 441/NHNN-HAN7 ngày 22/6/2005 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL trong năm 2005 - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 29/7/2005
7.	Năm 2005 - đợt 2	200.000	50.000	250.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 813/NHNN-HAN7 ngày 07/12/2005 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL đợt II trong năm 2005 - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 14/12/2005

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á



STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
8.	Năm 2006 - đợt 1	250.000	100.000	350.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 377/NHNN-HAN7 ngày 22/5/2006 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL trong năm 2006. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 30/5/2006.
9.	Năm 2006 - đợt 2	350.000	150.000	500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 377/NHNN-HAN7 ngày 22/5/2006 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL trong năm 2006. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 26/10/2006.
10.	Năm 2007 - đợt 1	500.000	500.000	1.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 187/NHNN-HAN7 ngày 27/2/2007 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VDL đợt I trong năm 2007. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 01/3/2007.

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á



STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
11.	Năm 2007 - đợt 2	1.000.000	500.000	1.500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 317/NHNN-HAN7 ngày 03/4/2007 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VĐL trong năm 2007 của SeABank. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 26/6/2007.
12.	Năm 2007 - đợt 3	1.500.000	500.000	2.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 317/NHNN-HAN7 ngày 03/4/2007 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VĐL trong năm 2007 của SeABank. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 26/9/2007.
13.	Năm 2007 - đợt 4	2.000.000	550.000	2.550.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 317/NHNN-HAN7 ngày 03/4/2007 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VĐL trong năm 2007 của SeABank. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 22/10/2007.

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á



STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
14.	Năm 2007 - đợt 5	2.550.000	450.000	3.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank	- Công văn số 317/NHNN-HAN7 ngày 03/4/2007 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VĐL trong năm 2007 của SeABank. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 28/12/2007.
15.	Năm 2008	3.000.000	1.068.545,45	4.068.545,45	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi, phát hành cho cổ đông chiến lược và chia cổ tức bằng cổ phiếu	- Công văn số 545/NHNN-HAN7 ngày 29/4/2008 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận cho SeABank thay đổi mức VĐL trong năm 2008 của SeABank. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 30/12/2008
16.	Năm 2009	4.068.545,45	1.000.000	5.068.545,45	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi	- Công văn số 1236/NHNN-HAN7 ngày 07/7/2009 của NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ từ 4.068.545.450.000 đồng lên 5.068.545.450.000 đồng của SeABank. - Giấy CNĐKKD CTCP số 0103006488 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 31/12/2009
17.	Năm 2010	5.068.545,45	266.110,55	5.334.656	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Công văn số 6381/NHNN-TTGSNH ngày 23/8/2010 của NHNN Việt Nam về việc tăng VĐL năm 2010 của NH Đông Nam Á. - Giấy CNĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 15/10/2010.

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
18.	Năm 2013	5.334.656	131.169,89	5.465.825,89	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Công văn số 8474/NHNN-TTGSNH ngày 14/11/2013 của NHNN Việt Nam về việc tăng VDL của SeABank. - Công văn số 7967/UBCK-QLPH ngày 13/12/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Giấy CNĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 24/01/2014.
19.	Năm 2018	5.465.825,89	2.222.174,11 Chi tiết: 549.534,61	7.688.000	Chi tiết: - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV (thường cổ phiếu và phát hành cổ phiếu cho CBNV)	- Công văn số 9108/NHNN-TTGSNH ngày 29/11/2018 của NHNN Việt Nam về việc SeABank đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ. - Công văn số 8409/UBCK-QLCB ngày 24/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Công văn số 9108/NHNN-TTGSNH ngày 29/11/2018 của NHNN Việt Nam về việc SeABank đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ. - Công văn số 8510/UBCK-QLCB ngày 28/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

BÀN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á



STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
			1.442.639,50		- Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	- Công văn số 9108/NHNN-TTGSNH ngày 29/11/2018 của NHNN Việt Nam về việc SeABank đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ. - Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán số 74/GCN-UBCK ngày 05/12/2018. - Công văn số 8509/UBCK-QLCB ngày 28/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng - Giấy CN ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 28 ngày 11/06/2019
20.	Năm 2019	7.688.000	1.681.000	9.369.000	- Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	- Công văn số 6462/NHNN-TTGSNH ngày 19/8/2019 của NHNN Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ của SeABank. - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 69/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/8/2019. - Công văn số 5899/UBCK-QLCB ngày 27/09/2019 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán CP ra công chúng - Giấy CN ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 29 ngày 31/12/2019
21.	Năm 2020	9.369.000	2.718.422,08 Chi tiết:	12.087.442,08	Chi tiết:	Chi tiết:

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á



STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
			1.311.660		- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Công văn số 4348/NHNN-TTGSNH ngày 15/6/2020 của NHNN Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ của SeABank - Công văn số 5475/UBCK-QLCB ngày 09/9/2020 của UBCKNN v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của SeABank
			1.406.782,08		- Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	- Công văn số 4348/NHNN-TTGSNH ngày 15/6/2020 của NHNN Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ của SeABank - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 186/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 9/9/2020. - Công văn số 6394/UBCK-QLCB ngày 26/10/2020 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán CP ra công chúng - Công văn số 7489/UBCK-QLCB ngày 22/12/2020 của UBCK v/v điều chỉnh báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của SeABank - Giấy CN ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 24/12/2020
22.	Năm 2021	12.087.442,08	1.337.441,61 Chi tiết:	13.424.883,69	Chi tiết:	Chi tiết:

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
			1.102.441,61		- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Công văn số 4430/NHNN-TTGSNH ngày 22/6/2021 của NHNN Việt Nam về việc chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ của SeABank - Công văn số 3251/UBCK-QLCB ngày 30/6/2021 của UBCKNN về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Công văn số 4491/UBCK-QLCB ngày 11/8/2021 của UBCKNN về việc kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của SSB
			235.000,00		- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV	- Công văn số 4430/NHNN-TTGSNH ngày 22/6/2021 của NHNN Việt Nam về việc chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ của SeABank - Công văn số 3252/UBCK-QLCB ngày 30/6/2021 của UBCKNN v/v phát hành cổ phiếu ESOP của SeABank - Công văn số 4832/UBCK-QLCB ngày 24/8/2021 của UBCKNN về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của SSB - Giấy CN ĐKDN số 0200253985 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 31 ngày 22/09/2021

(Nguồn: SeABank)

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của SeABank tại các doanh nghiệp khác

Không có khoản góp vốn, thoái vốn trong hai năm 2019 và 2020 có giá trị từ 10% vốn điều lệ của SeABank.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 01/09/2021

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổ chức	47	1.082.175.016	80,610%
	- Trong nước	45	1.082.166.819	80,609%
	- Nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	2	8.197	0,001%
	Trong đó Nhà nước	-	-	0,000%
2	Cá nhân	3.854	260.313.353	19,390%
	- Trong nước	3.851	260.188.053	19,381%
	- Nước ngoài	3	125.300	0,009%
	Tổng cộng	3.901	1.342.488.369	100,000%

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 01/09/2021)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Bảng 5. Các loại chứng khoán khác

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/06/2021	
		Giá trị (Triệu đồng)	Lãi suất (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Lãi suất (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Lãi suất (%)
1	Trái phiếu có kỳ hạn từ 12 tháng đến dưới 5 năm	7.550.000	6,60% - 7,40%	950.000	7,30%	3.200.000	3,60% - 4,00%
2	Trái phiếu có kỳ hạn trên 5 năm	4.966.000	8,00% - 9,90%	1.866.000	8,50% - 9,00%	1.866.000	7,80% - 9,00%
3	Chứng chỉ tiền gửi	3.163.180	5,00%- 8,60%	4.248.740	3,50%- 8,60%	3.114.010	3,60% - 8,60%
	Tổng cộng	15.679.180		7.064.740		8.180.010	

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank theo quy định pháp luật:

- ❖ Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo quy định của pháp luật là 30%, chi tiết như sau:

Theo Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của Chính Phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam quy định:

"Điều 7. Tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài

- 1. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.*
- 2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.*
- 3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.*
- 4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.*
- 5. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng phi ngân hàng Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết.*
- 6. Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém, gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng cổ phần yếu kém được cơ cấu lại vượt quá giới hạn quy định tại các Khoản 2, 3, 5 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể.*
- 7. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này bao gồm cả phần vốn nhà đầu tư nước ngoài ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.*
- 8. Nhà đầu tư nước ngoài chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng Việt Nam sang cổ phiếu phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần, điều kiện sở hữu cổ phần theo quy định tại Nghị định này."*

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ SeABank

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngày 20/07/2021 là 5%.

Theo công văn số 4449/UBCK-PTTT ngày 09/8/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank là 5%.

9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại SeABank hiện tại

Theo Danh sách cổ đông của SeABank ngày 01/09/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại là 0,01%. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại SeABank hiện tại đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Sản phẩm dịch vụ và chất lượng sản phẩm dịch vụ

❖ Dịch vụ tài chính Ngân hàng dành cho khách hàng cá nhân

Với mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất tại Việt Nam trên cơ sở chiến lược hội tụ số, SeABank luôn nỗ lực cung cấp tới các phân khúc khách hàng cá nhân một hệ thống dịch vụ, tiện ích tài chính - ngân hàng toàn diện. Không chỉ cạnh tranh về chất lượng dịch vụ, SeABank cũng là một trong những ngân hàng đi đầu về ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm số hóa sản phẩm, đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

✓ Sản phẩm dịch vụ ngân hàng số

Cùng với xu thế cuộc cách mạng 4.0 và SeABank xác định Hội tụ số là chiến lược phát triển ưu tiên đẩy mạnh của ngân hàng trong thời gian tới, các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số dành cho cá nhân của SeABank được phát triển đa dạng trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và an toàn bậc nhất thế giới, qua đó giúp rút ngắn thời gian giao dịch, gia tăng tiện ích và trải nghiệm của khách hàng. Trong 6 tháng đầu năm 2021, SeABank đã không ngừng nâng cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số gồm ứng dụng SeAMobile, dịch vụ ngân hàng trực tuyến SeANet với nhiều tính năng hấp dẫn:

- Nhận thấy nhu cầu về quản lý tài chính cá nhân đang là 1 trong những vấn đề được quan tâm trên toàn thế giới, SeABank đã xây dựng tính năng "Sức khỏe tài chính" bằng công nghệ AI, giống như một vị "Trợ lý ảo" cho Khách hàng. Vị "Trợ lý ảo" này giúp Khách hàng theo dõi, quản lý chi tiêu theo mô hình 6 Loại tài chính quốc tế hoàn toàn tự động, ngoài việc đưa ra các báo cáo tổng hợp, Vị "Trợ lý ảo" còn liên tục có những nhắc nhở, tư vấn sử dụng Tài chính hiệu quả cho Khách hàng; Ngoài ra, Khách hàng có thể tạo và theo dõi mục tiêu nhằm đạt được những mục tiêu ngắn hạn, dài hạn trong cuộc sống. Với khả năng tùy biến cao, Khách hàng hoàn toàn có thể tự điều chỉnh tỷ lệ 6 chiếc lọ cho phù hợp với tình hình tài chính của mình, tự thêm bớt các hạng mục chi tiêu, ngoài việc phân loại tự động đối với các giao dịch trên ứng dụng thì Khách hàng có thể tự nhập tay các khoản chi tiêu bằng tiền mặt ở bên ngoài.
- Với thời đại công nghệ phát triển như hiện nay, Khách hàng cần được phục vụ mà không cần phải đến Điểm giao dịch của Ngân hàng, SeABank phát triển Tính năng mở tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử 100% online bằng phương thức định danh điện tử (eKYC) thông qua việc ứng dụng công nghệ AI để nhận diện và so sánh sinh trắc học. Với tính năng này, chỉ cần vài thao tác đơn giản, Khách hàng đã có thể mở Tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ SeANet/ SeAMobile của SeABank mà không cần đến quầy giao dịch.
- Ngoài các tính năng thiết yếu, cơ bản như: Chuyển tiền, Tiết kiệm, Nạp tiền, Thanh toán hóa đơn điện, nước, internet, truyền hình... thì SeABank liên tục cập nhật, nghiên cứu các công nghệ mới nhằm mang lại cho Khách hàng những trải nghiệm tốt hơn, như: Tính năng thanh toán qua mã QR giúp khách hàng thanh toán hàng hóa, sản phẩm một cách đơn giản, thuận tiện và an toàn hơn, Tính năng Chuyển tiền qua mã QR, Chuyển tiền qua Số điện thoại giúp Khách hàng chuyển tiền mà không cần nhớ số tài khoản người nhận. Tính năng mua sắm Vàng AJC, SJC trực tuyến, mua sắm đầu tư, bảo hiểm Prudential trực tuyến giúp Khách hàng mua sắm, đầu tư thêm ở mọi nơi, mọi lúc.

Bên cạnh việc có thể dễ dàng thực hiện các giao dịch ngân hàng ở mọi lúc mọi nơi, an toàn và bảo mật. SeABank còn có các chính sách cực kỳ ưu đãi:

- Miễn 100% phí sử dụng dịch vụ, phí chuyển tiền qua kênh Ngân hàng số

- Gửi tiết kiệm trực tuyến được cộng thêm lãi suất

Trong thời gian tới, SeABank sẽ tiếp tục nghiên cứu để tích hợp hầu hết các sản phẩm ngân hàng truyền thống lên kênh online để giúp Khách hàng có mong muốn sử dụng sản phẩm dịch vụ sẽ được cung cấp Online ngay mà không phải đến các Điểm giao dịch, như: Thẻ tín dụng, thấu chi, vay tiêu dùng, vay có TSDB,... Song song với việc đó, SeABank cũng đang tiếp tục triển khai các giải pháp số hóa trên toàn hệ thống như Tự động hóa giao dịch tại quầy; xác thực khách hàng bằng video call; ứng dụng callbot trong chăm sóc khách hàng ...

✓ **Sản phẩm đầu tư**

Ngoài các sản phẩm tiết kiệm hiện nay, SeABank còn mang tới cho khách hàng nhiều sản phẩm đầu tư với khả năng sinh lời vượt trội so với các sản phẩm truyền thống hiện nay. Căn cứ vào kỳ vọng lợi nhuận, khách hàng có thể lựa chọn các sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp có khả năng sinh lời cao như: S-Bond, SeA-invest, SeABond, ...

Với đội ngũ chuyên gia thẩm định chuyên nghiệp, danh mục Trái phiếu đầu tư được SeABank giới thiệu, chào bán tới khách hàng luôn đảm bảo về tính thanh khoản cũng như mức độ an toàn cao, tạo niềm tin đối với khách hàng khi tham gia các sản phẩm đầu tư của SeABank.

✓ **Dịch vụ thanh toán**

SeABank có hệ thống sản phẩm thẻ đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu cho mọi phân khúc khách hàng và là thành viên của hai tổ chức thẻ có thị phần lớn nhất trên thị trường hiện nay là VISA và MasterCard. SeABank cũng là ngân hàng luôn đi đầu về xu hướng, phát triển công nghệ với việc áp dụng các tính năng hiện đại nhất như Contactless, Samsung Pay, công nghệ bảo mật 3D Secure, công nghệ bảo mật với chip đạt chuẩn EMV đã mang tới sự tiện dụng và hài lòng cho khách hàng.

Đón bắt xu hướng kích thích tiêu dùng “không dùng tiền mặt”, nhằm gia tăng lợi ích tối đa cho khách hàng, SeABank đã triển khai bộ tính năng hoàn tiền trên hầu hết các sản phẩm thẻ, bao gồm cả thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng với các mức hoàn tiền khác nhau, tối đa lên tới không giới hạn số tiền hoàn.

Đặc biệt, với sự hợp tác với tập đoàn BRG, SeABank đã phát triển đồng thời thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng đồng thương hiệu BRG Elite và Thẻ BRG Member Golf. Thẻ BRG Elite với slogan “Sống cùng tinh hoa” là chiếc thẻ toàn năng giúp Khách hàng tận hưởng các sản phẩm tinh hoa từ Tập đoàn BRG, với các ưu đãi hoàn tiền đồng thời giảm giá trực tiếp. Bên cạnh đó, Thẻ BRG Member Golf là dòng thẻ tín dụng 2 trong 1, vừa là thẻ tín dụng của ngân hàng, vừa là thẻ nhận diện Hội viên Golf của BRG với những ưu đãi đặc quyền về golf dành cho chủ thẻ.

Không chỉ thẻ tín dụng, SeABank là một trong các ngân hàng tiên phong áp dụng hoàn tiền cho sản phẩm thẻ ghi nợ. Khách hàng khi sử dụng sản phẩm thẻ ghi nợ Visa SeAPremium và Visa/MasterCard hạng Gold cũng được hoàn tiền hấp dẫn cho các giao dịch thanh toán lên tới 1%, tối đa 500.000 đồng/ tháng.

Song song với việc phát hành thẻ mới cho khách hàng, các chương trình ưu đãi chăm sóc dành riêng cho chủ thẻ của SeABank tiếp tục được mở rộng và phát triển. Các ưu đãi được cập nhật liên tục hàng tháng, chính sách trả góp 0% được mở rộng trên phạm vi toàn quốc với mong muốn mang lại nhiều ưu đãi hấp dẫn nhất cho khách hàng, cùng sự chăm sóc chuyên nghiệp. Các chương trình ưu đãi lớn trong năm đã mang tới cho khách hàng những ưu đãi lớn. Nổi bật là chuỗi ưu đãi trong chương trình “Wow Deals - Đại tiệc chào hè”, “Shopee-ing cùng thẻ SeAbank”. Ngoài ra là hàng loạt các ưu đãi tại các đối tác lớn trong các lĩnh vực như thương mại điện tử, du lịch, mua sắm, vận chuyển,

Với ứng dụng công nghệ thông minh Contactless & SamsungPay và công nghệ bảo mật với chip đạt chuẩn EMV, Thẻ SeABank là công cụ giúp cho chủ thẻ thực hiện giao dịch thanh toán nhanh chóng, tiện lợi, an toàn và bảo mật, đặc biệt là các giao dịch thanh toán trực tuyến.

✓ **Cho vay**

Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid, SeABank đã tiến hành các giải pháp hỗ trợ khách hàng và phát triển tín dụng theo các nội dung sau:

Triển khai áp dụng các chương trình ưu đãi giảm lãi suất, phí dịch vụ cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cơ cấu nợ hỗ trợ các khách hàng gặp khó khăn, suy giảm nguồn thu trong thời gian dịch bệnh theo đúng chủ trương, quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định pháp luật.

Về phân khúc khách hàng, SeABank tập trung cho vay vào các nhóm khách hàng ít bị ảnh hưởng nguồn thu nhập trong thời gian dịch bệnh: các khách hàng công chức, viên chức; các khách hàng có thu nhập từ lương làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp là Đối tác chiến lược của SeABank (BRG, VNPT, VNPost, ...); các khách hàng theo các kênh liên kết: hưu trí, hội viên hội phụ nữ; và các khách hàng hiện hữu được SeABank chọn lọc, đánh giá trong từng thời kỳ.

Với mục tiêu mang đến các giải pháp tài chính tối ưu và sáng tạo nhất cho KH, SeABank tập trung cải tiến các sản phẩm hiện hữu (cho vay mua nhà - SeAHome, mua xe - SeACar, tiêu dùng - SeAFlex) và phát triển các sản phẩm cho vay không/có tài sản bảo đảm mới theo hướng đơn giản, thuận tiện, linh hoạt, nhanh chóng và cạnh tranh: Cho vay cho khách hàng sở hữu hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, cho vay Top-up cho các khách hàng hiện hữu tại SeABank; các sản phẩm cho vay cho khách hàng thuộc hệ sinh thái của các đối tác chiến lược VNPT/VNPost.

Trong thời gian tới, SeABank tiếp tục cải tiến sản phẩm dịch vụ, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng, đẩy mạnh số hóa các sản phẩm cho vay. Khách hàng có thể tiến hành giao dịch vay vốn 100% qua kênh online: các sản phẩm cho vay thấu chi; cho vay cầm cố sổ tiết kiệm; và các sản phẩm cho vay khác.

✓ **Bancassurance (Phân phối bảo hiểm qua ngân hàng)**

Với mục tiêu đưa Bancassurance trở thành sản phẩm mũi nhọn, đóng góp lớn trong việc giúp Ngân hàng đẩy mạnh doanh thu phí, SeABank đã chính thức ký kết hợp tác chiến lược 20 năm với đối tác Prudential – đối tác đứng đầu thị trường kênh Bancas để triển khai cung cấp sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ đến khách hàng từ 10/03/2020 cho đến nay Doanh số Bảo hiểm năm 2020 đạt được là 252 tỷ đồng trong 9 tháng triển khai, phát hành thành công hơn 14.000 hợp đồng. Tính đến tháng 6/2021, SeABank đã đạt được 182 tỷ đồng tăng trưởng 105% so với cùng kỳ năm ngoái, bên cạnh tỷ lệ tăng trưởng của thị trường là 66% (theo đánh giá số liệu của hệ thống bảo hiểm).

Luôn hướng tới việc tối ưu hóa hành trình trải nghiệm của khách hàng, trong năm 2021, SeABank đã trở thành 1 trong 2 đối tác với Prudential có chỉ số hài lòng của Khách hàng đạt cao nhất của đối tác Prudential: NPS 70 so với trung bình của Bancas là 63. Nhằm đáp ứng công nghệ 4.0, SeABank đã cung cấp cho khách hàng sự tiện lợi khi sử dụng sản phẩm như Bảo hiểm kỹ thuật số Pru - Bảo vệ 24/7 thông qua nền tảng ngân hàng số của SeABank, bên cạnh những trải nghiệm quản lý, thay đổi thông tin và hạng mục đầu tư chủ động cho sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ Prudential, đảm bảo cho KH 1 dịch vụ trọn gói khi giao dịch với SeABank

Với phương châm hoạt động lấy khách hàng làm trọng tâm, SeABank tập trung cung cấp cho khách hàng các giải pháp tài chính tối ưu và bancassurance là một trong những công cụ để bảo vệ khách hàng cùng gia đình của họ, cũng như để đầu tư an toàn nhưng vẫn hiệu quả cho tương lai. SeABank là ngân hàng đầu tiên và duy nhất hiện nay có kênh chăm sóc KH 247 riêng dành cho Khách hàng tham gia sản phẩm Bancassurance để tiếp nhận và chủ động liên hệ với Khách hàng với mục tiêu chăm sóc và giải quyết những vướng mắc mà KH đang gặp phải chưa được giải quyết và hỗ trợ.

Mạng lưới độc quyền và nền tảng khách hàng rộng khắp sẽ giúp SeABank và Prudential Việt Nam gặt hái thành công và phát huy tốt mối quan hệ đối tác, đặc biệt đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

❖ **Dịch vụ tài chính ngân hàng dành cho khách hàng doanh nghiệp**

✓ **Tín dụng**

Bên cạnh các sản phẩm truyền thống dành cho doanh nghiệp như: Cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động, Cho vay trung dài hạn đầu tư tài sản cố định, Tài trợ dự án,... SeABank đã tạo ra sự khác biệt bằng việc không chỉ ban hành những sản phẩm tiêu chuẩn trên thị trường mà còn ban hành những sản phẩm “may đo” chuyên biệt theo từng lĩnh vực như cấp tín dụng cho Doanh nghiệp lĩnh vực Thi công xây lắp, Sản xuất kinh doanh Nhựa, hoặc lĩnh vực Vật tư - thiết bị y tế, Dược, Vật liệu xây dựng, Tài trợ theo Hợp đồng cung ứng, Tài trợ các dự án điện mặt trời,...

Hàng loạt chương trình ưu đãi dành cho Khách hàng doanh nghiệp được triển khai như Chương trình vay mua xe ô tô với lãi suất từ 6,49%/năm, Chương trình ưu đãi cho vay ngắn hạn Lãi suất giảm sốc - Giải ngân siêu tốc với lãi suất từ 6,5%/năm, ... mang lại nhiều lựa chọn cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm với nhiều chính sách phù hợp và ưu đãi vượt trội.

✓ **Dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ Thương mại**

SeABank cung cấp đầy đủ các dịch vụ Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại bao gồm: Chuyển tiền và nhận tiền về từ nước ngoài bằng điện (TTR), phát hành Thư tín dụng (L/C) nhập khẩu, thông báo, xử lý bộ chứng từ và thanh toán L/C xuất khẩu, nhờ thu chứng từ nhập khẩu trả ngay (D/P), nhờ thu chứng từ nhập khẩu trả chậm (D/A), xử lý và thanh toán bộ chứng từ nhờ thu xuất khẩu, ...

Bên cạnh các dịch vụ truyền thống, SeABank luôn không ngừng phát triển các sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại mới, hợp tác với các ngân hàng quốc tế đem lại các sản phẩm tối ưu cho khách hàng, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu như các sản phẩm: Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng, L/C trả chậm được phép thanh toán ngay (L/C UPAS), ...

Về chính sách, Khách hàng xuất nhập khẩu giao dịch tại SeABank luôn được tiếp cận nguồn vốn với lãi suất ưu đãi, cơ chế tỷ giá linh hoạt và mức phí cạnh tranh so với thị trường. Đặc biệt, năm 2020 là năm đầy khó khăn, biến động của toàn nền kinh tế nói chung và hoạt động ngoại thương nói riêng. Vì vậy, để hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu, SeABank đã triển khai thành công một số chương trình ưu đãi hấp dẫn như Chương trình đồng hành cùng Doanh nghiệp theo sản phẩm Cho vay VND lãi suất ngoại tệ, ... Bên cạnh đó, SeABank còn chú trọng nghiên cứu và phát triển các sản phẩm đặc thù cho từng khách hàng/nhóm khách hàng thuộc một số ngành nghề xuất nhập khẩu chủ lực như ngành Thủy sản, Gạo, ...

Về mặt chất lượng dịch vụ, SeABank đã và đang áp dụng đồng thời nhiều giải pháp như: đa dạng các hình thức thanh toán, đơn giản hóa thủ tục và hồ sơ, nâng cấp hệ thống công nghệ giúp rút ngắn thời gian tác nghiệp, đưa ra các quy chuẩn phục vụ khách hàng chuyên nghiệp, tăng cường quản trị để giảm thiểu rủi ro trong thương mại quốc tế.

✓ **Bảo lãnh**

SeABank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng, bảo đảm uy tín cho Khách hàng trong hoạt động sản xuất kinh doanh như Bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh đối ứng, ... Với thời gian phát hành thư bảo lãnh nhanh chóng, thủ tục đơn giản cùng đội ngũ chuyên viên giàu kinh nghiệm, SeABank có thể đáp ứng được mọi yêu cầu về bảo lãnh của khách hàng phù hợp với quy định Pháp luật và thông lệ quốc tế. Năm 2020, để nâng cao tính năng cho sản phẩm bảo lãnh, ngoài các kênh xác thực bảo lãnh truyền thống, SeABank

còn cung cấp đa dạng các kênh xác thực bảo lãnh online cho khách hàng như xác thực qua tin nhắn điện thoại, xác thực qua website SeABank hay xác thực thông qua tổng đài.

✓ **Quản lý tiền tệ và quản lý thu chi**

SeABank cung cấp đa dạng các kênh giao dịch, đáp ứng tối ưu mọi nhu cầu thanh toán và quản lý dòng tiền của doanh nghiệp như các dịch vụ chuyển tiền, nhận tiền gửi ký quỹ, các sản phẩm nộp thuế điện tử, thanh toán hóa đơn, thu hộ theo bảng kê, ...

✓ **Tiền gửi**

Các sản phẩm tiền gửi của SeABank phong phú đa dạng cho phép doanh nghiệp quản lý dòng tiền một cách chính xác, hiệu quả, tối ưu khả năng sinh lời của nguồn vốn nhàn rỗi cũng như đáp ứng nhu cầu thanh toán, chi tiêu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: như các sản phẩm tiền gửi thông minh, tiền gửi linh lãi cuối kỳ, tiền gửi linh lãi định kỳ, tiền gửi online.

✓ **Dịch vụ Ngân hàng điện tử**

Các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số dành cho doanh nghiệp của SeABank được phát triển đa dạng trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin và hạ tầng công nghệ hiện đại bậc nhất thế giới qua đó giúp rút ngắn thời gian giao dịch, gia tăng tiện ích và trải nghiệm của khách hàng. Dịch vụ ngân hàng trực tuyến dành cho doanh nghiệp SeANet, dịch vụ SMS và Email Banking của SeABank hiện tại với các tính năng đa dạng, tốc độ xử lý giao dịch trong vòng 03s/click giúp cho doanh nghiệp thực hiện giao dịch qua Ngân hàng nhanh chóng và tiện lợi.

Để nâng cao chất lượng dịch vụ ebank phù hợp với tốc độ phát triển công nghệ thế giới - xu hướng Digital banking, SeABank đang xây dựng dịch vụ SeAMobile dành cho Khách hàng doanh nghiệp. Theo đó, Khách hàng doanh nghiệp hoàn toàn thực hiện các giao dịch gửi tiền, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn, thanh toán dư nợ thẻ, ... trên chiếc điện thoại Smartphone.

Trong năm 2020, đồng thời với việc nâng cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số dành cho cá nhân gồm ứng dụng SeAMobile, dịch vụ ngân hàng trực tuyến SeANet lên phiên bản hoàn toàn mới mang lại trải nghiệm đồng nhất, với nhiều tính năng dẫn đầu, SeABank cũng đang tiến hành nâng cấp và đồng nhất trải nghiệm với các dịch vụ ngân hàng số dành cho khách hàng doanh nghiệp.

✓ **Thẻ doanh nghiệp**

Thẻ tín dụng Visa Corporate của SeABank với các tính năng, tiện ích và ưu đãi nổi bật trên thị trường hiện nay đang được xem là một trong những công cụ giúp doanh nghiệp quản lý nguồn vốn hiệu quả nhất. Hạn mức cấp tối đa 5 tỷ đồng góp phần vào nguồn vốn lưu động để doanh nghiệp có thể chi tiêu trước thanh toán sau với thời gian miễn lãi lên đến 55 ngày. Tính năng Thẻ giúp Doanh nghiệp tách bạch giữa chi tiêu cá nhân và chi tiêu công, không phải lo ngại việc quy đổi ngoại tệ và tạm ứng công tác phí cho những chuyến công tác nước ngoài, ... Bên cạnh đó, SeABank cũng triển khai công nghệ bảo mật theo chuẩn EMV hiện đại trong phát hành và thanh toán thẻ quốc tế Visa nhằm tăng cường an ninh, an toàn cho các giao dịch thanh toán trực tuyến (Ecommerce/online payment) tại các website thương mại điện tử có áp dụng chương trình Verified by Visa (VbV).

SeABank đã vinh dự nhận giải thưởng Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2020 Tạp chí International Business Magazine trao tặng.

10.1.2. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (theo báo cáo hợp nhất) năm 2020 đạt 10.696 tỷ đồng. Trong đó thu nhập lãi cho vay khách hàng chiếm tỷ trọng 83,59% và đạt giá trị là 8.941 tỷ

đồng. Thu nhập từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ cũng chiếm tỷ trọng 13,88% và đạt giá trị là 1.484 tỷ đồng

Trong 06 tháng đầu năm 2021, thu nhập từ lãi của SeABank đạt 5.967 tỷ đồng. Đóng góp chính trong khoản thu nhập này đến từ thu nhập lãi cho vay khách hàng với giá trị là 4.806 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 80,54%.

Bảng 6. Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Hợp nhất)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6T/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	130	1,27%	130	1,21%	208	3,49%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	8.439	82,67%	8.941	83,59%	4.806	80,54%
Thu nhập từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	1.524	14,93%	1.484	13,88%	870	14,59%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	38	0,37%	46	0,43%	36	0,60%
Thu nhập khác	78	0,76%	95	0,89%	47	0,78%
Tổng cộng	10.208	100,00%	10.696	100,00%	5.967	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Bảng 7. Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6T/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	130	1,27%	130	1,22%	208	3,52%
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	8.439	82,67%	8.929	83,57%	4.764	80,41%
Thu nhập từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	1.524	14,93%	1.484	13,89%	870	14,69%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	38	0,37%	46	0,43%	36	0,60%
Thu nhập khác	78	0,76%	95	0,89%	46	0,78%
Tổng cộng	10.208	100,00%	10.684	100,00%	5.925	100,00%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC riêng lẻ 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

10.1.3. Huy Động Vốn

Hoạt động huy động vốn của SeABank trong các năm gần đây tăng trưởng bền vững, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản của hệ thống. Tỷ trọng tiền gửi khách hàng chiếm hơn 69% danh mục cuối năm 2020. Tính đến 31/12/2020, tổng nguồn vốn huy động đạt 163.064 tỷ đồng, tăng 13,94% so với 31/12/2019.

Tại 30/06/2021, tiền gửi của khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt giá trị là 107.984 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 64,12%. Tiếp theo là tiền gửi của tổ chức tín dụng khác đạt 39.566 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 23,49%. Tỷ trọng tiền gửi của khách hàng cao chứng tỏ đây là kênh huy động vốn chính của SeABank.

Bảng 8. Nguồn vốn huy động của SeABank

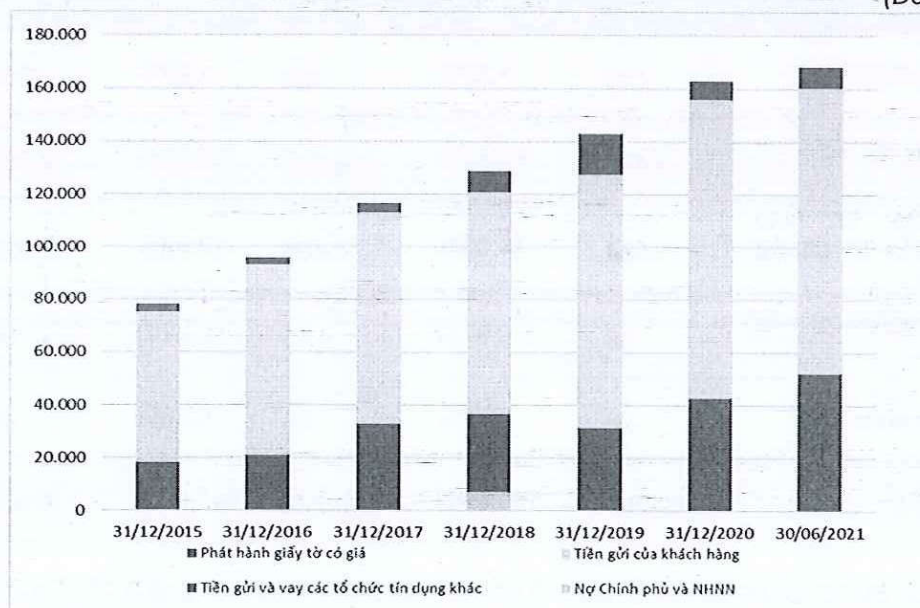
(Đơn vị: tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu	2019		2020		30/06/2021	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	239	0,17%	206	0,13%	190	0,11%
2	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	31.470	21,99%	42.517	26,07%	52.063	30,91%
-	Tiền gửi của tổ chức tín dụng khác	21.275	14,87%	25.388	15,57%	39.566	23,49%
-	Vay tổ chức tín dụng khác	10.195	7,12%	17.128	10,50%	12.497	7,42%
3	Tiền gửi của khách hàng	95.727	66,89%	113.277	69,47%	107.984	64,12%
4	Phát hành giấy tờ có giá	15.679	10,96%	7.065	4,33%	8.180	4,86%
Tổng cộng		143.115	100,00%	163.064	100,00%	168.417	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Hình 7. Cơ cấu huy động vốn của SeABank qua các năm

(Đơn vị: tỷ đồng)



(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015– 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Tiền gửi của khách hàng tăng trưởng bền vững qua các năm và đạt 107.984 tỷ đồng tại 30/06/2021. Xét theo kỳ hạn, tiền gửi khách hàng có kỳ hạn chiếm tỷ trọng 92,04%, còn lại tiền gửi khách hàng không kỳ hạn, tiền gửi vốn chuyên dùng, tiền ký quỹ chỉ chiếm tỷ trọng 7,96% giúp cơ cấu nguồn vốn duy trì an toàn.

Bảng 9. Cơ cấu tiền gửi của SeABank

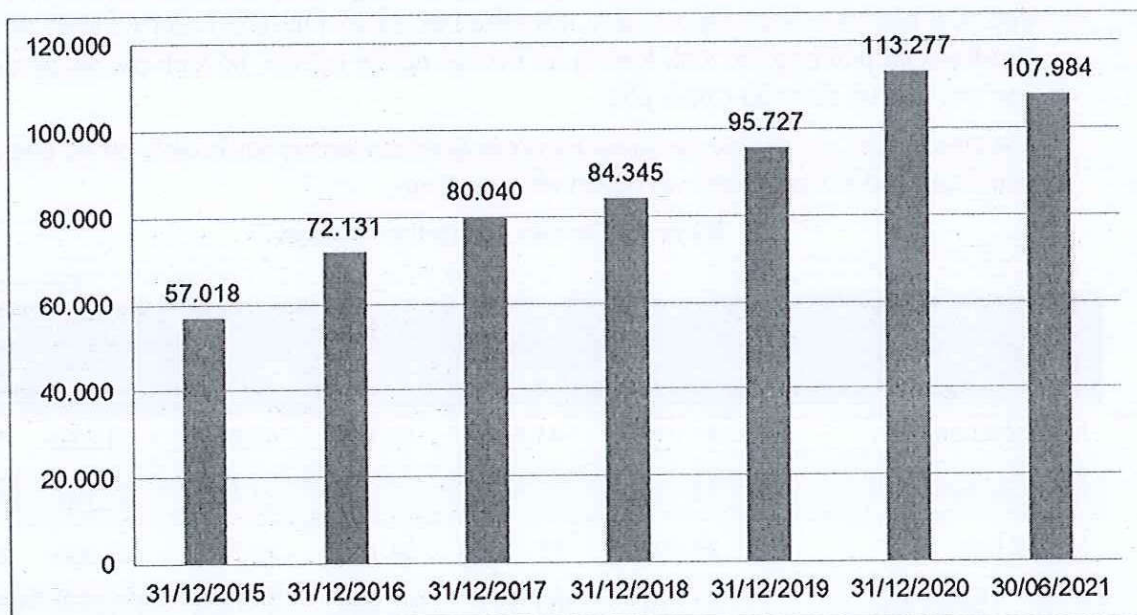
(Đơn vị: tỷ đồng)

TT	Chi tiêu	2019		2020		30/06/2021	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Tiền gửi không kỳ hạn	9.775	10,21%	11.094	9,79%	7.915	7,33%
	- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	8.594	8,98%	9.632	8,50%	7.195	6,66%
	- Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	1.180	1,23%	1.462	1,29%	720	0,67%
2	Tiền gửi có kỳ hạn	83.813	87,55%	101.535	89,63%	99.390	92,04%
	- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	81.413	85,05%	100.006	88,28%	98.118	90,86%
	- Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	2.400	2,51%	1.530	1,35%	1.272	1,18%
3	Tiền gửi vốn chuyên dùng	1.919	2,00%	359	0,32%	352	0,33%
4	Tiền gửi ký quỹ	222	0,23%	288	0,25%	327	0,30%
Tổng cộng		95.727	100,00%	113.277	100,00%	107.984	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Hình 8. Tình hình tiền gửi của khách hàng qua các năm

(Đơn vị: tỷ đồng)



(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015 – 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Ngoài ra, SeABank cũng tăng cường huy động nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế như Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và Tổ chức tài chính quốc tế (IFC). Theo đó, tháng 6 năm 2021, ADB đã nâng hạn mức tài trợ thương mại cho SeABank lên 30 triệu USD. Cũng trong thời gian này, IFC và SeABank đã ký kết thỏa thuận về gói tài trợ lên đến 150 triệu USD. Gói tài trợ này sẽ bao gồm khoản vay lên đến 130 triệu USD cùng với hạn mức tài trợ thương mại lên đến 20 triệu USD. Nguồn vốn huy động từ thỏa thuận với IFC sau khi được giải ngân (từ tháng 8 năm 2021) sẽ giúp SeABank mở rộng cho vay cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, gia tăng cơ hội tiếp cận tài chính khí hậu và thúc đẩy thương mại quốc tế.

10.1.4. Hoạt Động Tín Dụng

Hoạt động tín dụng tăng trưởng theo đúng định hướng của NHNNVN và luôn đảm bảo các chỉ tiêu an toàn. Tính đến cuối năm 2020, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 108.869 tỷ đồng, tăng 10,40% so với cuối năm 2019.

Đến 30/06/2021, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 111.578 tỷ đồng. Tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng đảm bảo theo đúng định hướng của NHNNVN và tiếp tục duy trì được khả năng thanh khoản cao.

Bảng 10. Hoạt động tín dụng của SeABank

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng/2021
Tổng dư nợ cho vay	98.614	108.869	111.578
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(1.129)	(1.108)	(1.411)
Dư nợ cho vay thuần	97.484	107.761	110.167

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

➤ Cơ cấu dư nợ của Ngân hàng

Đặt mục tiêu trọng tâm là khách hàng, SeABank thường xuyên cập nhật, phát triển các sản phẩm tín dụng phù hợp theo từng đối tượng Khách hàng. Tăng trưởng dư nợ khách hàng tăng đều qua các năm phù hợp với quy mô tăng trưởng về huy động vốn và tổng tài sản của SeABank và phù hợp với định hướng hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá nhân trong các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ.

Xét theo kỳ hạn, cơ cấu dư nợ khách hàng của SeABank tương đối ổn định, dư nợ phân bổ đồng đều ở các kỳ hạn và phù hợp với nguồn vốn huy động.

Bảng 11. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	2019		2020		6 tháng/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	41.017	41,59%	53.147	48,82%	52.372	46,94%
Nợ trung hạn	30.195	30,62%	30.973	28,45%	33.137	29,70%
Nợ dài hạn	27.402	27,79%	24.749	22,73%	26.069	23,36%
Tổng Cộng	98.614	100,00%	108.869	100,00%	111.578	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

➤ **Phân loại các nhóm nợ của Ngân hàng**

Chất lượng tín dụng của SeABank vẫn được kiểm soát tốt. Tỷ lệ nợ xấu luôn được SeABank kiểm soát dưới 3%.

Bảng 12. Phân loại nợ của Ngân hàng

Phân loại nợ	31/12/2019		31/12/2020		30/06/2021	
	Tỷ VND	%	Tỷ VND	%	Tỷ VND	%
Nợ đủ tiêu chuẩn (Nợ nhóm 1)	96.195	97,55%	106.726	98,03%	109.453	98,10%
Nợ cần chú ý (Nợ nhóm 2)	139	0,14%	121	0,11%	161	0,14%
Nợ dưới tiêu chuẩn (Nợ nhóm 3)	417	0,42%	307	0,28%	224	0,20%
Nợ nghi ngờ (Nợ nhóm 4)	757	0,77%	381	0,35%	380	0,34%
Nợ có khả năng mất vốn (Nợ nhóm 5)	1.105	1,12%	1.335	1,23%	1.359	1,22%
Tổng cộng	98.614	100,00%	108.869	100,00%	111.578	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Các khoản nợ quá hạn còn lại của SeABank hầu hết đều có tài sản đảm bảo, các tài sản vẫn được theo dõi và đánh giá định kỳ, khả năng phát mại tốt nên đảm bảo thu hồi nợ tối đa cho Ngân hàng.

Cơ cấu dư nợ theo loại hình cho thấy định hướng đa dạng hóa, chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng trưởng cho vay doanh nghiệp sản xuất kinh doanh là các Công ty cổ phần và Công ty TNHH cũng như đẩy mạnh cho vay các Hộ kinh doanh cá nhân.

Danh mục cho vay chiếm tỷ trọng lớn là cho vay các Công ty cổ phần và Công ty TNHH với dư nợ lần lượt là 46.476 tỷ đồng và 40.122 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 41,65% và 35,96% tại ngày 30/06/2021.

Bảng 13. Phân loại dư nợ cho vay theo loại hình kinh doanh

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/06/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Công ty Nhà nước	994	1,01%	1.518	1,39%	1.493	1,34%
Công ty TNHH khác	30.261	30,69%	37.024	34,01%	40.122	35,96%
Công ty cổ phần có Vốn Nhà nước trên 50%	1.649	1,67%	508	0,47%	1.845	1,65%
Công ty Cổ phần khác	42.072	42,66%	45.672	41,95%	46.476	41,65%
Công ty Hợp danh	40	0,04%	18	0,02%	12	0,01%
Doanh nghiệp tư nhân	224	0,23%	119	0,11%	102	0,09%

Chi tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/06/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	477	0,48%	443	0,41%	476	0,43%
Hợp tác xã và Liên hiệp hợp tác xã	8	0,01%	44	0,04%	24	0,02%
Hộ kinh doanh, cá nhân	22.887	23,21%	23.366	21,46%	21.024	18,84%
Thành phần kinh tế khác	2	0,00%	156	0,14%	6	0,01%
Tổng cộng	98.614	100,00%	108.869	100,00%	111.578	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

➤ **Hoạt động trích lập dự phòng**

Bên cạnh hoạt động tăng trưởng tín dụng, việc trích lập dự phòng luôn được SeABank chú trọng và tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Đặc biệt, SeABank đã hoàn thành xong việc mua lại trước thời hạn và xử lý toàn bộ dư nợ đã bán cho VAMC, qua đó giúp Ngân hàng chủ động theo dõi và xử lý nợ xấu, đồng thời tăng tính minh bạch của Báo cáo tài chính.

Bảng 14. Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của SeABank

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chi tiêu	Dự phòng chung			Dự phòng cụ thể			Tổng cộng		
	2019	2020	6T.2021	2019	2020	6T.2021	2019	2020	6T.2021
Số đầu kỳ	590	710	743	312	420	366	902	1.129	1.108
Dự phòng trích lập trong năm	120	33	82	3.093	645	336	3.213	677	418
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-	-	(2.985)	(699)	(115)	(2.985)	(699)	(115)
Số cuối kỳ	710	743	824	420	366	587	1.129	1.108	1.411

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Trích lập dự phòng rủi ro cụ thể trong năm 2019 cao là do SeABank thực hiện mua lại toàn bộ dư nợ VAMC, SeABank đã thực hiện chuyển nguồn quỹ dự phòng đã trích lập được theo dõi từ "Dự phòng cụ thể chứng khoán giữ tới ngày đáo hạn" về "Dự phòng rủi ro cụ thể" của các khoản tín dụng và trích lập bổ sung thêm dự phòng, sử dụng nguồn quỹ dự phòng đã trích lập để xử lý các khoản các khoản dư nợ VAMC mua về.

➤ **Tỷ lệ an toàn vốn theo Hiệp ước Basel II**

SeABank là một trong 18 ngân hàng đã được Thống đốc NHNN phê duyệt áp dụng trước thời hạn Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Đồng thời, SeABank đã hoàn thành các chương trình, dự án theo lộ trình triển khai Basel II của NHNNVN, cụ thể:

- **Trụ cột 1 Basel (Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về tỷ lệ an toàn vốn):** SeABank được NHNNVN phê duyệt áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN vào tháng 10/2019 (áp dụng trước thời hạn quy định 01/01/2020).
- **Trụ cột 2 Basel (Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ):** SeABank đã tổ chức hoàn thành các cấu phần theo quy định của Thông tư này và triển khai các chuẩn mực, nguyên tắc tương ứng được hướng dẫn bởi Ủy ban Basel. Tháng 7/2020, SeABank đã hoàn thành trụ cột 2 của Basel II - Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP).
- **Trụ cột 3 Basel:** SeABank tuân thủ kỷ luật thị trường theo Trụ cột 3 Basel thông qua việc định kỳ công bố thông tin và báo cáo tỷ lệ an toàn vốn, quản lý rủi ro theo quy định của Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và Thông tư số 11/2019/TT-NHNN. Với kết quả như vậy, SeABank là ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II.

10.1.5. Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ hiện đang là một trong những kênh kinh doanh hiệu quả của SeABank với mục tiêu đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng đồng thời tối đa hóa nguồn lực Ngân hàng. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ của SeABank tăng trưởng về cả số lượng giao dịch và doanh số.

Tất cả các hoạt động kinh doanh ngoại tệ đều được SeABank quản lý rủi ro chặt chẽ với các hạn mức và trạng thái được thiết lập theo khẩu vị rủi ro SeABank và đáp ứng các tiêu chuẩn yêu cầu của NHNN.

Bảng 15. Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Doanh thu từ kinh doanh ngoại hối	884.623	1.226.981	685.356
1.1	Hợp đồng tiền tệ giao ngay	439.421	692.217	449.497
1.2	Các công cụ phái sinh tiền tệ	444.802	534.132	235.340
1.3	Thu nhập kinh doanh vàng	400	632	519
2	Chi phí về kinh doanh ngoại hối	874.322	1.152.252	591.524
2.1	Hợp đồng tiền tệ giao ngay	10.503	6.828	27.679
2.2	Các công cụ phái sinh tiền tệ	863.762	1.145.424	563.617
2.3	Chi phí kinh doanh vàng	57	-	228
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	10.301	74.729	93.832

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

10.1.6. Hoạt động đầu tư

(i) Hoạt động kinh doanh vốn và giấy tờ có giá:

Giá trị đầu tư của SeABank vào các loại giấy tờ có giá ổn định qua các năm. SeABank tập trung đầu tư vào các giấy tờ có giá có mức rủi ro rất thấp, tính thanh khoản cao, chủ yếu là trái phiếu Chính phủ hoặc trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh. Về hoạt động kinh doanh vốn, giá trị các khoản

tiền gửi và cho vay tại NHNN và trên thị trường liên ngân hàng không ngừng gia tăng cùng với sự phát triển về quy mô của SeABank.

(ii) Chứng khoán đầu tư

Bảng 16. Chứng khoán đầu tư của SeABank

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020		30/06/2021	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Chứng khoán sẵn sàng để bán	20.368	98,62%	31.901	99,13%	21.937	98,63%
a	Chứng khoán Nợ	20.283	98,20%	31.818	98,88%	21.854	98,25%
-	Chứng khoán Chính phủ (Trái phiếu Chính phủ)	11.943	57,82%	20.801	64,64%	11.155	50,15%
-	Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	2.212	10,71%	2.532	7,87%	3.650	16,41%
-	Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	4.329	20,96%	5.032	15,64%	4.571	20,55%
-	Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành	1.800	8,71%	3.453	10,73%	2.478	11,14%
b	Chứng khoán vốn	85	0,41%	83	0,26%	83	0,37%
-	Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	85	0,41%	83	0,26%	83	0,37%
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	319	1,55%	319	0,99%	369	1,66%
-	Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	319	1,55%	319	0,99%	369	1,66%
3	Dự phòng chứng khoán đầu tư	(33)	-0,16%	(40)	-0,12%	(64)	-0,29%
-	Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán (*)	(33)	-0,16%	(38)	-0,12%	(61)	-0,27%
-	Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	-	(2)	-0,01%	(2)	-0,01%
Tổng cộng		20.654	100,00%	32.180	100,00%	22.243	100,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Trong bối cảnh thu nhập lãi thuần bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, để đề phòng rủi ro SeABank lựa chọn gia tăng hoạt động đầu tư Chứng khoán nợ, đặc biệt là Trái phiếu Chính phủ. Theo đó, khoản mục Chứng khoán sẵn sàng để bán gia tăng từ 20.368 tỷ đồng trong năm 2019 lên 31.901 tỷ đồng trong năm 2020 và đạt 21.937 tỷ đồng tại 30/06/2021.

(iii) Hoạt động đầu tư dài hạn

Bảng 17. Góp vốn, đầu tư dài hạn của SeABank

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Đầu tư và công ty liên kết	-	-	-
2	Đầu tư dài hạn khác	148	132	127
3	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(27)	(29)	(30)
	Tổng cộng	121	103	97

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

10.1.7. Hoạt động dịch vụ khác

(i) Dịch vụ thanh toán và tài trợ thương mại:

Với chiến lược hội tụ số, SeABank liên tục nghiên cứu phát triển hệ thống, chuyển đổi công nghệ - nâng tầm dịch vụ với mong muốn trở thành Ngân hàng dẫn đầu về chất lượng dịch vụ và Top 3 Ngân hàng về hoạt động E-payment. Ngoài ra, SeABank đã tập trung hợp tác với các đối tác cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến, thanh toán cước, phí định kỳ, ... Hiện nay, SeABank đã kết nối với các công ty trung gian cung cấp dịch vụ Thanh toán hóa đơn là VNPAY, VNPTPay, ... Việc kết nối này có thể cho phép khách hàng thanh toán tất cả các hóa đơn trên toàn quốc.

Với dịch vụ thanh toán quốc tế, SeABank cung cấp đầy đủ các phương thức thanh toán cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu như chuyển tiền bằng điện (T/T), Thư tín dụng dự phòng (Standby L/C), thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay (UPAS L/C), chuyển tiền CAD.

Hoạt động Thanh toán quốc tế của SeABank ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây, đồng thời vẫn đảm bảo yêu cầu an toàn, ổn định và bền vững.

(ii) Dịch vụ bảo lãnh:

SeABank cung cấp dịch vụ bảo lãnh nhanh chóng, an toàn và đảm bảo uy tín với các doanh nghiệp, đối tác trong và ngoài nước. Các hình thức bảo lãnh bao gồm: bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh đối ứng, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh vay vốn, ...

(iii) Dịch vụ thẻ:

Hiện tại SeABank đang là thành viên chính thức của các tổ chức thẻ và tổ chức thanh toán lớn trong và ngoài nước như: NAPAS, VISA, MasterCard. Thẻ ghi nợ nội địa (Debit card) vẫn là sản phẩm thẻ chiếm tỷ trọng chủ yếu trong số lượng thẻ phát hành của SeABank. Các sản phẩm thẻ của SeABank được chấp nhận thanh toán hàng hóa dịch vụ tại tất cả các máy POS trong liên minh NAPAS và tại ATM trên khắp Việt Nam. Ngoài ra, tất cả các thẻ Quốc tế của SeABank đã đáp ứng tiêu chuẩn an toàn bảo mật EMV, thẻ nội địa của SeABank đã đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật VCCS theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. SeABank cũng triển khai thành công phương thức bảo mật trực tuyến cho thẻ quốc tế Visa và hệ thống thẻ của SeABank đạt chuẩn bảo mật PCI-DSS quốc tế. Đây là các tiêu chuẩn an toàn được xác lập bởi hội đồng tiêu chuẩn bảo mật gồm các thành viên là tổ chức thẻ uy tín trên thế giới.

Cuối năm 2020, mạng lưới bao gồm 344 ATM & 893 POS. Tính đến 30/06/2021, số lượng ATM đang hoạt động là 340 máy, giảm 04 máy so với cuối năm 2020 với lý do quy hoạch lại các điểm không hiệu quả để tiến tới triển khai tại các điểm đem lại tiềm năng lớn hơn trong thời gian tới. Số lượng POS đang hoạt động toàn Ngân hàng tính đến thời điểm 30/06/2021 là 967 máy, tăng thêm

74 máy POS tương ứng tăng trưởng 8,3% so với cuối năm 2020. Trong năm 2021, toàn bộ hệ thống ATM/POS của SeABank đều đạt chuẩn bảo mật EMV.

Tính đến thời điểm hiện tại, hệ thống thanh toán thẻ của SeABank đã kết nối thành công với tổ chức chuyển mạch duy nhất tại Việt Nam là NAPAS và 02 tổ chức thẻ quốc tế thông dụng nhất trên thế giới là Visa, MasterCard và 03 loại thẻ quốc tế khác là: Amex, Diners Club, JCB.

(iv) Sản phẩm, dịch vụ gia tăng khác:

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng, SeABank đã tích cực liên kết với các đối tác nhằm triển khai các chương trình, sản phẩm hữu hiệu phục vụ khách hàng.

SeABank đã tập trung hợp tác với các đối tác cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến, thanh toán cước, phí định kỳ, ... Hiện nay, SeABank đã kết nối với các công ty trung gian cung cấp dịch vụ Thanh toán hóa đơn là VNPay, VNPT Pay, Moca, Gotadi, VED, ... qua đó nâng tổng số website chấp nhận thanh toán thẻ do SeABank phát hành lên đến hơn 2.000 đơn vị. Việc kết nối này có thể cho phép khách hàng thanh toán tất cả các hóa đơn trên toàn quốc. Trong thời gian tới, SeABank sẽ không ngừng gia tăng dịch vụ, mở rộng hợp tác với các đối tác thanh toán điện tử như: Payoo, MOMO, ZALOPAY, ... nhằm phát triển, mở rộng hệ sinh thái thanh toán và cũng để tạo tiền đề thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trên thị trường Việt Nam.

10.2. Tài sản

Tài sản cố định của SeABank tại 31/12/2020 và 30/06/2021 như sau:

Bảng 18. Tài sản cố định (hợp nhất)

(Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2020			30/06/2021		
	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)
TSCĐ hữu hình	739.271	283.496	38,35%	755.687	276.285	36,56%
Nhà cửa, vật kiến trúc	18.127	13.874	76,54%	18.127	13.460	74,25%
Máy móc, thiết bị	339.061	143.868	42,43%	342.597	136.523	39,85%
Phương tiện vận tải	275.924	107.355	38,91%	283.383	106.588	37,61%
Thiết bị văn phòng	93.393	15.451	16,54%	98.196	16.292	16,59%
TSCĐ hữu hình khác	12.766	2.948	23,09%	13.384	3.422	25,57%
TSCĐ vô hình	741.512	578.991	78,08%	767.078	590.916	77,03%
Quyền sử dụng đất	377.995	377.995	100,00%	377.995	377.995	100,00%
Phần mềm máy tính	363.517	200.996	55,29%	374.081	207.524	55,48%
TSCĐ vô hình khác	-	-	-	15.002	5.397	35,98%
Tổng cộng	1.480.783	862.487	58,25%	1.522.765	867.201	56,95%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Bảng 19. Tài sản cố định (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: triệu đồng)

Chi tiêu	31/12/2020			30/06/2021		
	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)
TSCĐ hữu hình	735.732	282.780	38,44%	752.148	275.687	36,65%
Nhà cửa, vật kiến trúc	18.127	13.874	76,54%	18.127	13.460	74,25%
Máy móc, thiết bị	338.843	143.742	42,42%	342.380	136.407	39,84%
Phương tiện vận tải	275.564	107.289	38,93%	283.023	106.522	37,64%
Thiết bị văn phòng	90.430	15.001	16,59%	95.233	15.951	16,75%
TSCĐ hữu hình khác	12.768	2.874	22,51%	13.385	3.347	25,01%
TSCĐ vô hình	739.349	578.362	78,23%	764.614	590.157	77,18%
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	377.996	377.996	100,00%	377.996	377.996	100,00%
Phần mềm máy tính	361.353	200.366	55,45%	386.618	212.161	54,88%
TSCĐ vô hình khác	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	1.475.081	861.142	58,38%	1.516.762	865.844	57,09%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2020 đã kiểm toán và BCTC riêng lẻ 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

❖ **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần khi SeABank mua lại công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện ("PTF") từ VNPT, phù hợp với quy định tại Điều 10 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng giá trị lợi thế thương mại là 712.055 triệu đồng, được phân bổ trong 10 năm. Số dư còn lại chưa phân bổ tại các thời điểm 31/12/2019, 31/12/2020 và 30/06/2021 lần lượt là 623.048 triệu đồng, 551.843 triệu đồng và 516.240 triệu đồng.

Bảng 20. Giá trị lợi thế thương mại qua các năm của SeABank

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Tổng giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")	712.055	712.055	712.055
2	Thời gian phân bổ (năm)	10	10	10
3	Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	694.254	623.048	551.843
-	LTTM phát sinh trong năm	-	-	-
-	Lợi thế thương mại giảm trong năm	71.206	71.206	35.603
	Tổng giá trị LTTM chưa phân bổ cuối kỳ	623.048	551.843	516.240

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

10.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

10.3.1. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong hoạt động của SeABank. Do đó, SeABank rất chú trọng đến việc thường xuyên đánh giá và cải thiện các chính sách và quy trình quản lý rủi ro cũng như tiến hành những thay đổi cần thiết trong toàn bộ cơ cấu tổ chức để tăng cường hiệu quả của công tác quản lý rủi ro, đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018. SeABank tổ chức 3 tuyến phòng thủ để quản trị rủi ro bao gồm i) Tuyến 1 với chức năng nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, được thực hiện bởi các Đơn vị kinh doanh và các Đơn vị có chức năng hỗ trợ kinh doanh (ii) Tuyến 2 với vai trò xây dựng chính sách, công cụ quản trị rủi ro và kiểm soát việc tuân thủ, được thực hiện bởi Khối Quản trị rủi ro và Khối Pháp chế Tuân thủ và (iii) Tuyến 3 với chức năng kiểm toán nội bộ, nhằm mục đích giám sát và đánh giá độc lập về quản trị rủi ro tổng thể của ngân hàng. Việc quản lý rủi ro của SeABank được thực hiện thông qua hệ thống thông tin tập trung với các quy trình quản lý rủi ro ở tất cả các mảng kinh doanh, là một quá trình liên tục cần được thực hiện ở mọi cấp độ và là yêu cầu bắt buộc để SeABank có thể đạt được các mục tiêu đề ra, duy trì một môi trường kiểm soát có kỷ luật, bảo đảm khả năng tăng trưởng bền vững và sự minh bạch về tài chính cho SeABank.

Khối Quản trị rủi ro chịu trách nhiệm quản lý các rủi ro chung trên tất cả các phân khúc kinh doanh và triển khai các hoạt động quản trị rủi ro hàng ngày. Các hoạt động của Khối Quản trị rủi ro được giám sát bởi Ủy ban Quản lý rủi ro, được thành lập bởi Hội đồng quản trị và Hội đồng rủi ro, được thành lập bởi Tổng giám đốc và có chức năng hỗ trợ giám sát cho Tổng giám đốc.

Khối Quản trị Rủi Ro thực hiện chức năng tư vấn và hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc trong công tác quản lý các rủi ro trọng yếu của Ngân hàng bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, xây dựng và ban hành các quy định, chính sách quản lý rủi ro, đánh giá mức độ rủi ro có thể chấp nhận và phát triển các công cụ đánh giá, giám sát rủi ro cho toàn hệ thống.

Quản lý rủi ro tín dụng

SeABank nhìn nhận rủi ro tín dụng là rủi ro trọng yếu nhất bởi tín dụng vẫn là hoạt động cốt lõi của Ngân hàng. Rủi ro tín dụng của SeABank được quản lý thông qua việc xây dựng và duy trì một chính sách tín dụng hợp lý và hiệu quả. Trên cơ sở mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể, chính sách tín dụng của SeABank bao gồm các nội dung chính sau:

Chiến lược, định hướng hoạt động tín dụng

Chiến lược phát triển tín dụng và chính sách tín dụng phù hợp được nghiên cứu xây dựng dựa trên chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ, trong đó xác định vị trí của SeABank, đối tượng khách hàng mục tiêu và thị trường cần hướng tới. Căn cứ vào chiến lược tín dụng, tình hình hoạt động kinh doanh cũng như nhu cầu vốn dự kiến, các chỉ tiêu như: kế hoạch về cơ cấu tín dụng; giới hạn tín dụng theo từng sản phẩm, loại tiền, lĩnh vực, thành phần kinh tế và khách hàng sẽ được phân giao cho các đơn vị thành viên với mục tiêu kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn và hiệu quả tối ưu.

SeABank đã xây dựng các chỉ tiêu định hướng hoạt động tín dụng cho các giai đoạn ngắn, trung và dài hạn với các mục tiêu cụ thể: Tăng trưởng tín dụng gắn với huy động vốn, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, gắn công tác tín dụng với nhiệm vụ huy động vốn và phát triển dịch vụ; Xây dựng nền tảng khách hàng vững chắc, ưu tiên hướng vào thị trường mới là khối khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ có

chất lượng cao, sử dụng đa dạng các tiện ích của SeABank; Thực hiện đa dạng hoá hơn nữa danh mục tín dụng theo ngành nghề, chú trọng hơn vào các ngành có tiềm năng phát triển dài hạn, hạn chế cho vay những ngành có rủi ro cao.

Thiết lập các tiêu chuẩn rủi ro tín dụng

SeABank đã thiết lập các tiêu chuẩn rủi ro tín dụng trên cơ sở quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng và tuân thủ các hạn mức được xác định trước, bao gồm các hạn mức rủi ro tập trung và hạn mức rủi ro tín dụng. SeABank xác định và quản trị rủi ro tín dụng trong tất cả các hoạt động và sản phẩm có rủi ro tín dụng tiềm ẩn, không thực hiện cung cấp các sản phẩm tín dụng mới cho đến khi có hiểu biết đầy đủ về sản phẩm đó cũng như các rủi ro và các biện pháp kiểm soát thích hợp đã được xây dựng và triển khai. SeABank đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ dự phòng tín dụng theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

Tổ chức hệ thống quản lý rủi ro tín dụng khép kín

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng của SeABank được triển khai ở tất cả các cấp độ hoạt động, từ các Đơn vị thuộc trụ sở chính đến bộ phận phát triển kinh doanh các đơn vị của từng phân khúc kinh doanh. Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro tín dụng, SeABank tổ chức hệ thống quản lý rủi ro tín dụng bao gồm:

- Hệ thống thẩm định, phê duyệt tín dụng;
- Hệ thống xếp hạng tín dụng khách hàng;
- Hệ thống định giá và quản lý tài sản bảo đảm;
- Tối ưu hóa hệ thống cảnh báo rủi ro tín dụng sớm để phát hiện sớm và phòng ngừa rủi ro chủ động;
- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu để xây dựng các công cụ quản lý rủi ro hữu hiệu và phân loại rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Hệ thống giám sát và báo cáo về chất lượng tín dụng;
- Hệ thống thu hồi nợ, cơ cấu nợ và xử lý nợ.

Xử lý rủi ro tín dụng

SeABank đã xây dựng và thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu như sau:

- Đánh giá khách hàng và phân loại nợ một cách chính xác theo thông lệ quốc tế;
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng tới từng khoản vay, từng khách hàng;
- Xây dựng các biện pháp ứng xử phù hợp đối với từng khách hàng có nợ xấu;
- Cơ cấu lại nợ đối với những khoản nợ mà khách hàng có thiện chí và có khả năng trả nợ;
- Tiến hành thu hồi nợ xấu;
- Xử lý rủi ro đối với những khoản nợ không còn khả năng thu hồi.

Quản lý rủi ro hoạt động

Đối với rủi ro hoạt động, SeABank đã xây dựng các quy định, quy trình, hệ thống ứng dụng nhằm nhận biết, đánh giá, đo lường các rủi ro hoạt động đáp ứng yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN theo đó rủi ro hoạt động được nhận diện, đánh giá và xếp loại rủi ro theo thang điểm 5 dựa trên mức độ tổn thất tài chính và phi tài chính:

- Tài chính: căn cứ vào giá trị tổn thất theo nhóm hoạt động kinh doanh và khả năng gây ra tổn thất;
- Phi tài chính: dựa trên tác động uy tín, danh tiếng, phát sinh nghĩa vụ pháp lý và gián đoạn hoạt động kinh doanh.

Với mỗi mức độ trong thang điểm sẽ có một mức độ báo cáo lên cấp thẩm quyền nhất định phê duyệt phương án xử lý, khắc phục rủi ro hoạt động nhằm giảm thiểu tổn thất và ngăn ngừa rủi ro hoạt động phát sinh trên toàn hệ thống.

Công tác quản lý rủi ro hoạt động được SeABank thực hiện thường xuyên, liên tục đối với mọi hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, phòng ngừa, giám sát rủi ro đồng thời các báo cáo quản lý rủi ro hoạt động được thực hiện định kỳ hoặc khi có phát sinh.

SeABank cũng đã xây dựng và quản lý hạn mức rủi ro hoạt động để đáp ứng yêu cầu quản trị nội bộ cũng như tuân thủ Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Tổn thất từ rủi ro hoạt động của SeABank các năm vừa qua vẫn nằm trong giới hạn hạn mức rủi ro được thiết lập.

Quản lý rủi ro thị trường

SeABank đánh giá rủi ro thị trường trên cơ sở giao dịch hàng ngày và định kỳ để đưa ra quyết định kịp thời về giảm thiểu rủi ro thị trường và phòng ngừa hiệu quả. SeABank điều chỉnh khẩu vị rủi ro thị trường định kỳ hàng năm bằng cách đặt hạn mức và thước đo định lượng về mức rủi ro tối đa cho từng phân khúc kinh doanh cũng như toàn bộ Ngân hàng.

SeABank đã xây dựng chính sách quản lý trạng thái ngoại tệ tập trung tại hội sở, ban hành khẩu vị rủi ro ngoại hối cụ thể hóa bằng những hạn mức nắm giữ trạng thái ngoại tệ với từng đồng tiền đồng thời xác lập cơ chế kiểm soát và quy trình vận hành các giao dịch kinh doanh ngoại tệ theo tiêu chuẩn quốc tế trong đó chuẩn hóa và phân tách chức năng giữa các bộ phận kinh doanh, bộ phận quản trị rủi ro và bộ phận vận hành nhằm đảm bảo tính độc lập, kiểm soát chéo nhằm giảm thiểu rủi ro. Về công cụ kiểm soát rủi ro ngoại hối, SeABank đã áp dụng mô hình tính giá trị rủi ro (VaR) và triển khai hệ thống phần mềm giao dịch ngoại tệ nội bộ giữa hội sở và chi nhánh hướng đến quản lý trạng thái ngoại hối theo thời gian thực, đây cũng là cơ sở cho phép đội ngũ kinh doanh, quản trị rủi ro của SeABank có thể quản lý trực tiếp danh mục theo giá trị thị trường và có thể ra quyết định an toàn và hiệu quả. Ngoài ra, SeABank triển khai xây dựng kho lưu trữ dữ liệu lịch sử của thị trường ngoại hối nhằm đưa ra định hướng, phân tích xu thế và mô hình hóa biến động của thị trường trong tương lai. Đây là một cơ sở dữ liệu hỗ trợ SeABank trong xây dựng tình huống căng thẳng của thị trường ngoại hối và giúp SeABank có định hướng về nguồn vốn an toàn cần thiết cho hoạt động của toàn hệ thống.

Đối với rủi ro lãi suất, SeABank đã triển khai đầy đủ các công cụ quản trị rủi ro lãi suất theo quy định của NHNN và tiến tới nghiên cứu, đưa vào triển khai một số phương pháp nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II.

SeABank đã triển khai dự án xây dựng hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP cho phép tối ưu hóa việc sử dụng và phân bổ nguồn vốn trong toàn hệ thống. Những công nghệ và chính sách áp dụng trong quản lý rủi ro lãi suất đi theo định hướng minh bạch hóa và tạo hiệu quả sử dụng vốn góp phần tăng hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Bên cạnh đó, SeABank đã xây dựng hệ thống dữ liệu thị trường để chủ động trong công tác phân tích ảnh hưởng của chính sách, quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như chỉ số kinh tế Việt Nam đến lãi suất hiện hành và dự báo cho tương lai. SeABank cũng đã đưa mô hình đo lường độ nhạy của rủi ro lãi suất theo từng thị trường lãi suất riêng biệt và xây dựng kịch bản thay đổi lãi suất trong ngắn hạn, trong tình huống căng thẳng để kiểm tra sức chịu đựng của Ngân hàng nhằm mục tiêu đảm bảo ngân hàng luôn có đầy đủ khả năng phòng thủ trước những tình huống không thuận lợi của thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

SeABank đã thiết lập chính sách quản lý và hệ thống cơ sở dữ liệu theo hai danh mục sổ kinh doanh và sổ ngân hàng nhằm tối ưu hóa việc cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về khe hở tài sản nhạy cảm với lãi suất nhằm phục vụ hiệu quả quản trị rủi ro lãi suất. SeABank đã triển khai hệ

thống phần mềm ALM. Đồng thời SeABank thiết lập quy trình, quy định quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo định hướng của Basel và hướng đến cơ chế chủ động điều chỉnh kỳ hạn thay đổi lãi suất của các khoản vay phù hợp với kỳ hạn thay đổi lãi suất của nguồn vốn cung cấp nhằm quản lý rủi ro lãi suất theo khung hạn mức chênh lệch kỳ hạn lãi suất theo chính sách từng thời kỳ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

SeABank triển khai quy định và quy trình về quản lý thanh khoản trong đó thiết lập quy định về quản lý khe hở thanh khoản theo các thang của kỳ hạn, các chỉ số hạn mức rủi ro thanh khoản, các kịch bản căng thẳng thanh khoản, xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản để chủ động các biện pháp xử lý trong tình huống thị trường có biến động. Ngân hàng xây dựng báo cáo MCO (Maximum cumulative Outflow) về dòng tiền ra để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đang đáp ứng những chỉ số theo các Thông tư hướng dẫn của NHNN. Báo cáo được xây dựng hàng ngày dựa trên các số liệu trên hệ thống và áp dụng một số các giả định như chỉ số Core Deposit, Prepayment Rate.

Ngân hàng cũng đã hoàn thành dự án ALM để vận hành báo cáo quản trị rủi ro thanh khoản hàng ngày theo hướng tự động hóa và xây dựng các kịch bản stress test căng thẳng thanh khoản kèm theo để phân tích và đưa ra phương án dự phòng. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, SeABank chủ trương đa dạng hóa nguồn vốn huy động cũng như xây dựng hệ thống báo cáo cân đối vốn và báo cáo dòng tiền để tính toán trạng thái thanh khoản hàng ngày của ngân hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng triển khai nghiên cứu mô hình hành vi của khách hàng để tính toán các tỷ lệ trả trước, tỷ lệ quay vòng tiết kiệm và tỷ lệ dòng tiền ổn định nhằm đưa ra các phân tích, dự báo về tình trạng thanh khoản trong tương lai và từ đó đưa ra các biện pháp phòng vệ và sử dụng dòng tiền một cách hiệu quả. Hoạt động quản lý thanh khoản của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo hướng tuân thủ các quy định của NHNN và các tiêu chí quản lý thanh khoản nội bộ của ngân hàng cho hai đồng tiền chính (VND, USD) trên danh mục huy động và cho vay. Chính sách của SeABank là duy trì khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện thông thường và căng thẳng, đồng thời SeABank cũng thiết lập và duy trì quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.

Quản lý rủi ro tập trung

SeABank thực hiện quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và hoạt động giao dịch tự doanh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Đối với hoạt động cấp tín dụng, SeABank thiết lập các giới hạn tín dụng theo sản phẩm, ngành, khách hàng và người có liên quan của khách hàng để đảm bảo duy trì một danh mục cấp tín dụng đa dạng, không tập trung cao vào một nhóm sản phẩm, ngành hoặc khách hàng.

Đối với hoạt động tự doanh, SeABank xác định hạn mức giao dịch theo đối tác giao dịch, sản phẩm và loại tiền tệ để đảm bảo mức độ đa dạng và mức độ tương tác phù hợp.

Quản trị rủi ro ngoại bảng

Các hoạt động ngoại bảng của SeABank chủ yếu phát sinh từ các hoạt động cấp L/C, cam kết cho vay, cam kết bảo lãnh, ... Để giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động ngoại bảng, SeABank đã không ngừng nâng cao năng lực của bộ phận thẩm định cũng như của các bộ phận liên quan nhằm kiểm tra thẩm định chặt chẽ đối với các khách hàng được cấp các cam kết ngoại bảng. Đồng thời nâng cao hiệu quả trong công tác phối hợp quản trị rủi ro giữa các bộ phận.

Công tác Phòng chống rửa tiền

SeABank luôn nỗ lực đi đầu trong việc triển khai Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Phòng, chống khủng bố, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước về Phòng, chống rửa tiền như Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, Chống rửa tiền, Nghị định số 87/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật phòng, chống rửa tiền; Nghị định số 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ Quy định về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc NHNN hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền, Thông tư số 31/2014/TT-NHNN ngày 11/11/2014 của Thống đốc NHNN sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2013/TT-NHNN (trước đó là Nghị định số 74/2005/NĐ-CP, Thông tư số 22/2009/TT-NHNN, Thông tư số 41/2011/TT-NHNN), Thông tư số 20/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền SeABank luôn hợp tác đầy đủ với Cơ quan thanh tra, Cục Phòng chống rửa tiền trong việc báo cáo giao dịch đáng ngờ, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý. SeABank luôn chú trọng thực hiện công tác đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về phòng chống rửa tiền cho các cán bộ trong toàn hệ thống, đặc biệt là các cán bộ quản lý khách hàng, cán bộ trực tiếp thực hiện giao dịch với khách hàng. Bên cạnh đó, SeABank đã và đang triển khai có hiệu quả một số công cụ Phòng chống rửa tiền như công cụ lọc điện thanh toán quốc tế, tra cứu thông tin danh sách đen của Liên Hợp quốc, Liên minh Châu Âu, Mỹ, ..., công cụ thống kê phân tích dữ liệu phục vụ phòng chống rửa tiền, nhằm bảo đảm an toàn trong hoạt động của SeABank, ngăn chặn các hành vi lợi dụng SeABank để thực hiện rửa tiền, tài trợ khủng bố. Hàng năm, SeABank đều thực hiện kiểm toán nội bộ công tác phòng, chống rửa tiền tại Trụ sở chính và các chi nhánh.

Công tác tuân thủ

Công tác tuân thủ của SeABank được triển khai bài bản, mạnh mẽ trên toàn hệ thống thông qua đội ngũ Tuân thủ thuộc Khối Pháp chế & Tuân thủ - đơn vị nghiệp vụ tái cơ cấu và hoàn thiện trên cơ sở Phòng Kiểm soát Nội bộ trước đây. Tuân thủ thực hiện kiểm soát tuân thủ các Đơn vị trên toàn hệ thống gồm Hội sở, Đơn vị Kinh doanh và các Công ty con; kiểm tra tuân thủ toàn diện hoặc theo chuyên đề trọng yếu trong từng thời kỳ; xây dựng định hướng, chính sách, khung chính sách và tiêu chí đánh giá hiệu quả chốt kiểm soát nội bộ nhằm quản trị tuân thủ đối với các Đơn vị trên toàn hệ thống; giám sát, đánh giá trạng thái tuân thủ của toàn hệ thống; thực hiện điều tra, xác minh và xử lý các vụ việc sai phạm nội bộ; thực hiện giám sát tuân thủ từ xa tập trung các chuyên đề rủi ro trọng yếu: nghiệp vụ tín dụng, vận hành, nghiệp vụ kế toán giao dịch,...

SeABank đã ban hành Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của SeABank (Quyết định số 1338/2020/QĐ-HĐQT) trên cơ sở cập nhật các quy định của NHNN tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Quy định này quy định các vấn đề cốt lõi và nền tảng trong hoạt động kiểm soát nội bộ của SeABank. Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ được ban hành đã giúp SeABank thiết lập và triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống một hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, giúp toàn bộ hoạt động của SeABank an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, đồng thời đáp ứng yêu cầu của NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ.

Giao dịch với các bên có liên quan

SeABank tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thủ tục theo các quy định hiện hành về quản trị Ngân hàng đối với giao dịch với các bên có liên quan.

10.3.2. Các Quy Định Về Bảo Đảm An Toàn và Giám Sát

SeABank cũng như tất cả các tổ chức nhận tiền gửi tại Việt Nam được NHNN cấp phép đều phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn và chịu sự giám sát của NHNN.

Các tỷ lệ về đảm bảo an toàn và giám sát trong hoạt động bao gồm (a) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; (b) Giới hạn tín dụng đối với khách hàng; (c) Tỷ lệ khả năng chi trả; (d) Giới hạn góp vốn và mua cổ phần; (e) Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn được quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN ban hành ngày 20/11/2014 của Thống đốc NHNN Quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 06/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016 và Thông tư số 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 của Thống đốc NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 có hiệu lực từ 01/01/2020 và Thông tư 41/2016/TT-NHNN ban hành ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN Quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Ngoài ra, SeABank phải tuân thủ các quy định về dự phòng rủi ro, trạng thái ngoại tệ.

10.3.3. Các quy định về bảo đảm an toàn

Thông tư 22/2019/TT-NHNN ban hành ngày 15/11/2019 của Thống đốc NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 41/2016/TT-NHNN ban hành ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN Quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có quy định như sau:

Sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn theo tỷ lệ tối đa sau đây:

- a) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2020: 40%
- b) Từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2021: 37%
- c) Từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2022: 34%
- d) Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022: 30%

Tỷ lệ dự trữ thanh khoản

Ngân hàng thương mại phải đảm bảo duy trì tỷ lệ dự trữ thanh khoản ở mức tối thiểu 10%. SeABank đảm bảo tuân thủ tỷ lệ này tại mọi thời điểm trong năm.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Ngân hàng có công ty con phải duy trì:

- Tỷ lệ an toàn vốn xác định trên cơ sở báo cáo tài chính của ngân hàng tối thiểu 8%;
- Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của ngân hàng tối thiểu 8%. Trường hợp ngân hàng có công ty con là công ty kinh doanh bảo hiểm thì tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của ngân hàng nhưng không hợp nhất công ty con là công ty kinh doanh bảo hiểm theo nguyên tắc hợp nhất của pháp luật về kế toán và báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng.

Giới hạn cấp tín dụng

Trừ trường hợp ngoại lệ, tổ chức tín dụng phải tuân thủ các giới hạn cấp tín dụng áp dụng đối với một khách hàng và nhóm khách hàng liên quan, cụ thể như sau:

Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng; Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 25% vốn tự có của ngân hàng; Tổng mức dư nợ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá 5% vốn điều lệ, vốn được cấp của ngân hàng; Tổng mức dư nợ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu không được vượt

quá 5% vốn điều lệ, vốn được cấp của ngân hàng; Tổng mức cho vay và bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với một công ty con, công ty liên kết hoặc doanh nghiệp thuộc quyền kiểm soát của tổ chức tín dụng đó không được vượt quá 10% vốn tự có của tổ chức tín dụng; Tổng mức cho vay và bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với tất cả các công ty con, công ty liên kết, doanh nghiệp thuộc quyền kiểm soát của tổ chức tín dụng không được vượt quá 20% vốn tự có của tổ chức tín dụng đó.

Giới hạn góp vốn, mua cổ phần

Mức góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng vào một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng được phép góp vốn, mua cổ phần (trừ trường hợp công ty con, công ty liên kết là công ty quản lý quỹ góp vốn, mua cổ phần từ nguồn vốn của các quỹ do công ty quản lý) không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận góp vốn.

Tổng mức góp vốn mua cổ phần của ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, kể các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại.

Dự phòng rủi ro

Theo Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN Quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/3/2014 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN.

Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013, rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được khấu trừ theo các tỷ lệ được quy định, cụ thể:

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Nhóm dư Nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể trong các trường hợp khó khăn về tài chính của tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ bị suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Các khoản nợ sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối quý cho ba quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho quý bốn trong năm tài chính.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu.

Trạng thái ngoại tệ

Được quy định theo Thông tư số 07/2012/TT-NHNN ngày 20/03/2012 của Thống đốc NHNN về trạng thái ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối, theo đó tổng trạng thái ngoại tệ dương và tổng trạng thái ngoại tệ âm cuối ngày không được vượt quá 20% vốn tự có của Tổ chức tín dụng tại thời điểm đó. Các trường hợp đặc biệt duy trì trạng thái ngoại tệ vượt giới hạn cho phép phải được sự chấp thuận của NHNN từng thời kỳ.

Trạng thái ngoại tệ hàng ngày phải báo cáo NHNN trước 14h mỗi ngày giao dịch hôm sau.

Trạng thái vàng

Được quy định theo Thông tư số 38/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012 của Thống đốc NHNN về trạng thái vàng của các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh mua bán vàng miếng, theo đó tổng trạng thái vàng cuối ngày không được vượt quá 2% vốn tự có của Tổ chức tín dụng tại thời điểm đó. Các trường hợp đặc biệt duy trì trạng thái vàng vượt giới hạn cho phép phải được sự chấp thuận của NHNN từng thời kỳ.

Trạng thái vàng hàng ngày phải báo cáo NHNN trước 14h mỗi ngày giao dịch hôm sau.

Bảo hiểm tiền gửi

SeABank phải mua bảo hiểm tiền gửi tại Bảo Hiểm Tiền Gửi Việt Nam với mức phí bảo hiểm bằng 0,15% đối với tất cả tiền gửi bằng tiền Đồng của người gửi tiền là cá nhân.

Giám sát

NHNN giám sát hoạt động của SeABank thông qua giám sát từ xa, thanh tra tại chỗ và xử phạt vi phạm hành chính do Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước thực hiện.

Giám sát từ xa

Căn cứ vào các báo cáo cân đối kế toán, các chỉ tiêu thống kê ngoài cân đối và các loại báo cáo khác do các tổ chức tín dụng gửi theo quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-NHNN của Thống đốc NHNN Quy định các báo cáo thống kê đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng và các bộ phận nghiệp vụ liên quan xử lý số liệu, tổng hợp và phân tích các báo cáo để đánh giá các nội dung sau:

- Diễn biến về cơ cấu tài sản Nợ và tài sản Có;
- Chất lượng tài sản Có;
- Vốn tự có;
- Tình hình thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh;
- Việc thực hiện qui định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng và các qui định khác của pháp luật;

Thanh tra

Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng/Thanh tra NHNN tỉnh, thành phố có thể tiến hành thanh tra tại chỗ định kỳ hoặc thanh tra đột xuất đơn vị trực thuộc của Ngân hàng.

Xử phạt vi phạm hành chính

Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các tổ chức tín dụng vi phạm theo quy định tại Nghị định 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

10.3.4. Hệ thống thông tin quản lý

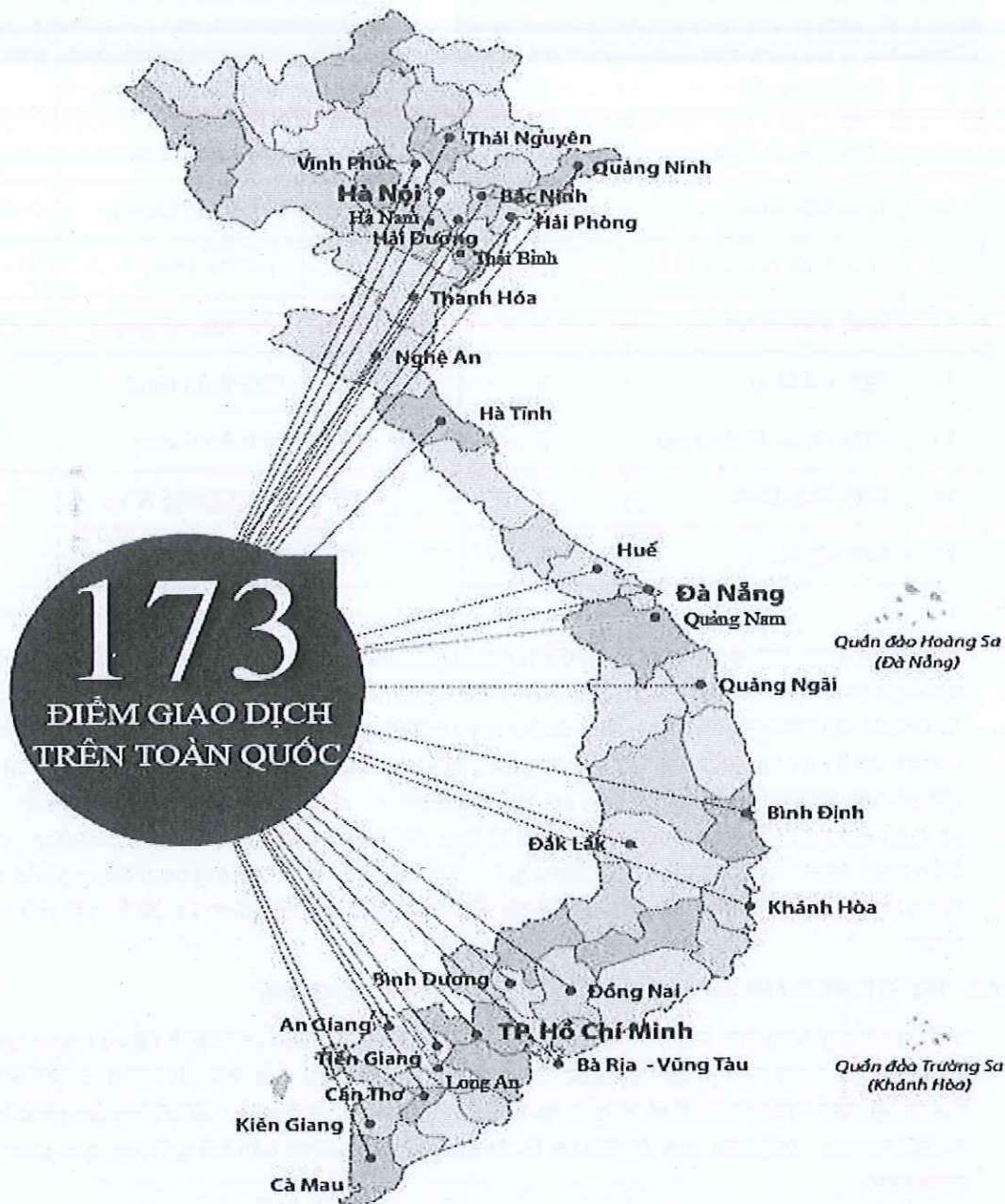
Để quản lý rủi ro hiệu quả, SeABank đã xây dựng hệ thống thông tin quản lý bao gồm các yếu tố sau:

- Thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, xây dựng, gửi, tiếp nhận và xử lý các báo cáo về quản lý rủi ro. Các thông tin rủi ro trọng yếu và các yêu cầu của NHNN Việt Nam, và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ được ưu tiên xử lý. Các thông tin về sản phẩm mới, thị trường mới, các tổn thất và nguy cơ tổn thất sẽ được chuyển kịp thời tới Khối Quản trị Rủi ro theo các quy trình báo cáo tổn thất và thu thập tổn thất.
- Đảm bảo việc trao đổi thông tin tới mọi cá nhân ở tất cả các cấp (từ HĐQT đến cấp thực thi), các bộ phận có liên quan trong hoạt động quản lý rủi ro nhằm hiểu rõ, nhận thức thống nhất và đầy đủ các chính sách, quy định, mục tiêu quản lý rủi ro của Ngân hàng. Cụ thể, các chính sách, quy định, mục tiêu quản lý rủi ro của Ngân hàng khi được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung sẽ luôn được Chiến lược Quản trị Rủi ro thực hiện truyền thông dưới nhiều hình thức khác nhau tới tất cả các cán bộ nhân viên trong hệ thống qua hệ thống email, hệ thống ban hành văn bản của Ngân hàng hoặc các kênh truyền thông nội bộ như SeANews v.v,... hoặc Khối Quản trị Rủi ro phối hợp với Học viện SeABank tổ chức các chương trình đào tạo, các workshop, tọa đàm chia sẻ,... để giới thiệu và hướng dẫn CBNV trên toàn hệ thống triển khai, áp dụng các chính sách, quy định, mục tiêu quản lý rủi ro của Ngân hàng.
- Thông tin, dữ liệu được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN về quản lý rủi ro; các nguồn thông tin được kiểm tra mức độ tin cậy. Ngân hàng tổ chức hệ thống thông tin tập trung tại Hội sở (Văn phòng Hội sở, Văn phòng HĐQT) nhằm đảm bảo sự đồng nhất thông tin trong báo cáo và quản lý rủi ro tại các cấp.
- Hệ thống thông tin được bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu và có hệ thống dự phòng để đảm bảo việc lưu trữ, sử dụng thông tin được an toàn, hiệu quả và không bị gián đoạn theo quy định của NHNN; Hệ thống thông tin được đánh giá định kỳ và được nâng cấp, cập nhật theo yêu cầu quản lý và mức độ phức tạp của hồ sơ rủi ro của Ngân hàng; Hệ thống thông tin báo cáo đảm bảo nguyên tắc cung cấp thông tin với tần suất càng cao đối với rủi ro cao.

10.4. Thị trường hoạt động

10.4.1. Mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch

Tính đến 30/6/2021, SeABank đã thành lập 01 Hội sở, 01 Văn phòng Đại diện và 173 điểm giao dịch tại 29 tỉnh, thành phố trên khắp cả nước, trong đó bao gồm 44 Chi nhánh và 129 Phòng Giao dịch.



Bảng 21. Chi nhánh - Phòng giao dịch theo vị trí địa lý

STT	Vị trí địa lý	Số lượng CN/PGD
1	Hà Nội	53
2	TP. Hồ Chí Minh	29
3	TP Hải Phòng	13
4	Tp Đà Nẵng	8
5	Tỉnh Hải Dương	7
6	Tỉnh Hà Tĩnh	3

STT	Vị trí địa lý	Số lượng CN/PGD
16	Tỉnh Khánh Hòa	6
17	Tỉnh Quảng Ninh	3
18	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4
19	Tỉnh Bình Dương	4
20	Tỉnh Đắk Lắk	4

STT	Vị trí địa lý	Số lượng CN/PGD
7	Tỉnh Nghệ An	5
8	Tỉnh Thanh Hóa	4
9	Tỉnh Bắc Ninh	4
10	Tỉnh Thái Nguyên	3
11	Tỉnh Vĩnh Phúc	2
12	Tỉnh Cà Mau	2
13	Tỉnh Thừa Thiên Huế	2
14	Tỉnh Thái Bình	1
15	Tỉnh Hà Nam	1

STT	Vị trí địa lý	Số lượng CN/PGD
21	Tỉnh Quảng Ngãi	4
22	Tỉnh Đồng Nai	2
23	Tỉnh Tiền Giang	1
24	Tp Cần Thơ	2
25	Tỉnh Kiên Giang	1
26	Tỉnh Bình Định	2
27	Tỉnh An Giang	1
28	Tỉnh Quảng Nam	1
29	Tỉnh Long An	1

Nguồn: SeABank

Với chiến lược mở rộng mạng lưới điểm giao dịch nhằm giúp người dân tiếp cận gần hơn nữa với các sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại và thuận tiện của SeABank, tháng 9 năm 2021, SeABank đã trình Ngân hàng Nhà nước xem xét phê duyệt cho SeABank thành lập mới 05 Chi nhánh và 03 Phòng giao dịch. Nếu được NHNN Việt Nam chấp thuận đề xuất trên thì ngoài mở rộng mạng lưới tại các địa bàn hiện có, SeABank sẽ mở rộng mạng lưới tới 03 tỉnh/thành phố chưa có hiện diện của SeABank như tỉnh Bắc Giang, Nam Định và Bình Phước. SeABank dự kiến sẽ triển khai đưa các Chi nhánh và Phòng giao dịch mới này khai trương hoạt động trong năm 2022, nâng tổng số điểm giao dịch của SeABank lên 182 điểm và hiện diện tại 32 tỉnh/thành phố trên cả nước.

10.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Trong những năm qua với nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, SeABank đã có mạng lưới hơn 1,6 triệu khách hàng trên khắp cả nước. Nhằm đẩy mạnh phát triển khách hàng, SeABank cũng đã thành lập các Trung tâm Kinh doanh tại khắp ba miền nhằm chuyên biệt công tác phát triển khách hàng cho các vùng/khu vực. Ngoài ra, SeABank còn triển khai bán hàng thông qua các kênh phân phối sau:

- **Đội ngũ Bán hàng trực tiếp (Direct Sales):** Đội ngũ nhân viên bán hàng trực tiếp là kênh bán hàng chính tại các thành phố lớn và chi nhánh lớn của SeABank. Đội ngũ này phụ trách bán các sản phẩm như cho vay vốn lưu động, cho vay thực hiện chuỗi cung ứng và quản lý tiền mặt. Tất cả các nhân viên được đào tạo chuyên về từng ngành và phân khúc khách hàng cụ thể. Điều này cho phép đội ngũ thực hiện bán sản phẩm hiệu quả và cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện. Bên cạnh đó, đội ngũ này cũng phụ trách bán các sản phẩm đặc biệt khác tùy theo các chiến lược và chiến dịch đang diễn ra tại thời điểm hiện tại.
- **Đại lý:** Các đại lý là kênh bán hàng chính của SeABank ở các tỉnh. Đại lý phụ trách bán các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ cho khách hàng mới. Tại các thành phố lớn, các đại lý chính là đại lý xe hơi và đại lý bất động sản hỗ trợ SeABank trong việc giới thiệu cho khách hàng các khoản vay ô tô và vay thế chấp. Các đại lý không được phân loại như nhân viên của SeABank vì các đại lý nhận thưởng bằng hoa hồng.
- **Tổng đài Contact Center:** SeABank với sự hỗ trợ của các chuyên gia của cổ đông chiến lược nước ngoài Societe Generale đã xây dựng và đưa hoạt động Contact Center 24/7 từ năm

2008 để nhận, hướng dẫn và giải quyết các yêu cầu về sản phẩm và các chương trình khuyến mãi đang triển khai. Nếu khách hàng quan tâm đến một sản phẩm nhất định, Tổng đài sẽ chuyển cuộc gọi tới đội bán hàng phù hợp theo yêu cầu hay kết nối người gọi tới nhóm bán hàng tương ứng thông qua hệ thống web nội bộ. Khách hàng có thể liên hệ đường dây nóng 24 giờ một ngày và 7 ngày một tuần. Đồng thời, đội ngũ Contact Center 24/7 còn được đào tạo chủ động gọi điện bán hàng cho khách hàng trong những chiến dịch bán hàng cụ thể.

- Ngân hàng trực tuyến - Internet Banking (SeANet) là dịch vụ ngân hàng trực tuyến cho phép khách hàng tiến hành các giao dịch tài chính bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào. Các dịch vụ hiện có trên SeANet của SeABank rất đa dạng bao gồm tra cứu số dư, chuyển tiền, dịch vụ tiền gửi, yêu cầu thanh toán và truy vấn thẻ, yêu cầu vay tiền, hóa đơn và các dịch vụ thanh toán khác, và đang tiếp tục được SeABank cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp.
- Ngân hàng qua điện thoại - Mobile Banking: Ứng dụng SeAMobile New - Trợ lý tài chính tin cậy đã được SeABank ra mắt vào tháng 10/2020 cung cấp cho khách hàng là những người sử dụng điện thoại thông minh khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính suốt 24 giờ mỗi ngày, thoải mái trải nghiệm các tiện ích với chi phí 0 đồng và các tiện ích vượt trội lần đầu tiên tại Việt Nam trong việc chăm sóc sức khỏe tài chính của khách hàng. Theo đó, lần đầu tiên tại Việt Nam, ứng dụng SeAMobile New của SeABank không chỉ đơn thuần là một công cụ mà còn là một trợ lý tài chính tin cậy chăm sóc sức khỏe tài chính của Khách hàng với các tính năng như phân tích sức khỏe tài chính của khách hàng theo mô hình 06 lọ của T. Harv Eker, đưa ra tư vấn cảnh báo chỉ tiêu cho khách hàng, đưa ra gợi ý sử dụng sản phẩm dịch vụ phù hợp nhu cầu, ...
- Mạng lưới ATM và POS: Tính đến 30/06/2021, số lượng ATM là 340 máy và 967 máy POS trên toàn quốc. Toàn bộ hệ thống ATM/POS của SeABank đều đạt chuẩn bảo mật EMV.

SeABank đã luôn nỗ lực xây dựng hệ thống dịch vụ toàn diện và hệ sinh thái các sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng gồm dịch vụ ngân hàng bán buôn, ngân hàng bán lẻ, dịch vụ ngân hàng dành cho doanh nghiệp và các tổ chức khác, dịch vụ tài chính cá nhân. Đồng thời, SeABank cũng phát triển các kênh giao dịch điện tử internet banking, mobile banking, hỗ trợ thanh toán hóa đơn và thanh toán qua các website bán hàng trên mạng tại thị trường Việt Nam. Các sản phẩm, dịch vụ cũng thường xuyên được đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tới Khách hàng, phù hợp với định hướng chiến lược lấy Khách hàng là trọng tâm.

Ứng dụng hệ sinh thái tiên phong, SeABank tiếp tục thúc đẩy hợp tác chiến lược và toàn diện với các Tập đoàn, Tổng công ty bao gồm Tập đoàn BRG, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (Vietnam Post), ... với hệ sinh thái hơn 30 triệu khách hàng tiềm năng. Bên cạnh đó, SeABank cũng có hợp tác chiến lược về kinh doanh với các doanh nghiệp lớn như Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas), Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines), Central Retail, Coca - Cola, Prudential Việt Nam, Tổng Công ty Viễn thông MobiFone, ...

Chiến lược khai thác hệ sinh thái được củng cố bởi cách tiếp cận công nghệ số để thay đổi trải nghiệm của khách hàng, từ đó mang đến các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, hấp dẫn, giúp gia tăng lượng khách hàng và đóng góp cho sứ mệnh trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất tại Việt Nam của SeABank.

10.4.3. Vị thế của SeABank trong ngành Ngân hàng

10.4.3.1. Vị thế cạnh tranh và tiềm năng phát triển

Trải qua 27 năm phát triển, SeABank đã khẳng định được vị thế của một trong những ngân hàng tiêu biểu Việt Nam về quy mô vốn điều lệ, mức độ nhận biết thương hiệu, tốc độ tăng trưởng ổn định với mạng lưới hoạt động hơn 170 điểm giao dịch, phục vụ hơn 1,6 triệu khách hàng trên toàn

quốc. SeABank cũng được đánh giá là một trong 17 ngân hàng thuộc nhóm các tổ chức tín dụng có tầm quan trọng trong hệ thống ngân hàng năm 2021 căn cứ Quyết định số 397/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 22/3/2021. Đây là tiền đề giúp SeABank bứt phá mạnh mẽ trong thời gian tới.

❖ **Hoàn thiện mô hình hoạt động**

Trong giai đoạn 2008 - 2018, trên cơ sở tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật toàn diện, chuyển giao công nghệ về quản trị ngân hàng và quản lý rủi ro; chiến lược phát triển các sản phẩm - dịch vụ ngân hàng bán lẻ; phát triển mạng lưới; công tác nhân sự và đào tạo;... từ đối tác chiến lược nước ngoài Societe Generale - Tập đoàn Tài chính Ngân hàng hàng đầu Châu Âu, cũng như quá trình phân tích xu thế phát triển của thị trường và thị hiếu khách hàng, SeABank đã hoàn thiện bộ máy tổ chức theo mô hình Ngân hàng bán lẻ quốc tế, tập trung đặc biệt vào khách hàng cá nhân, đồng thời phát triển mảng doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như doanh nghiệp lớn với các sản phẩm, dịch vụ được thiết kế đa dạng phù hợp với nhu cầu và năng lực tài chính của từng đối tượng và phân khúc khách hàng.

❖ **Chiến lược Hội tụ số và đầu tư hệ thống CNTT**

Ngay từ những năm đầu của thế kỷ XXI, SeABank đã xác định công nghệ là một trong những yếu tố then chốt để góp phần đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tăng tốc độ xử lý giao dịch và tạo khả năng cạnh tranh trên thị trường. Năm 2006, SeABank là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam đầu tư ứng dụng phần mềm lõi core banking T24 - Temenos. Năm 2008 ra mắt dịch vụ Internet banking, cho phép khách hàng thực hiện mọi giao dịch với ngân hàng qua internet mà không cần đến quầy giao dịch. Đồng thời Ngân hàng cũng liên tục đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ tiên tiến như hệ thống Datacenter theo tiêu chuẩn quốc tế TIE III, hệ thống chuyển mạch Cisco Nexus 7000, hệ thống Server IBM P595 và hệ thống Storage cao cấp HP XP 2400, ... Sự đầu tư đồng bộ này góp phần đảm bảo các hoạt động hỗ trợ công nghệ thông tin cho hoạt động Ngân hàng an toàn và ổn định. SeABank cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam ứng dụng triển khai ảo hóa hệ thống các máy chủ với cơ sở hạ tầng là các máy chủ phiên mỏng (Blade). Bên cạnh đó, SeABank cũng tích cực trong việc nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, công nghệ mới đột phá nhằm mang lại trải nghiệm cao nhất cho khách hàng theo hướng số hóa, trí tuệ nhân tạo.

Hướng đầu tư đúng đắn và sự chuẩn bị kỹ lưỡng này đã mang lại nền tảng phát triển vững chắc cho chiến lược Hội tụ số của SeABank thời gian tới với việc tập trung mạnh mẽ phát triển các dịch vụ ngân hàng số SeAMobile, tự động hóa giao dịch tại quầy, xác thực khách hàng bằng video call, ứng dụng callbot trong chăm sóc khách hàng, ... góp phần không ngừng số hóa sản phẩm dịch vụ và gia tăng trải nghiệm của khách hàng.

SeABank đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật như: xếp hạng trong nhóm 5 ngân hàng dẫn đầu về Công nghệ thông tin tại Việt Nam năm 2011; Giải thưởng chuyển đổi số Việt Nam - Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc do Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) trao tặng và Top 30 công ty ứng dụng Công nghệ tốt nhất Châu Á năm 2020 ("30 Best Tech Companies in Asia 2020") do Tạp chí The Silicon Review trao tặng; Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc 2021 do Tạp chí The International Bussiness Magazine trao tặng

❖ **Chất lượng sản phẩm và dịch vụ**

Trên nền tảng công nghệ tiên tiến, SeABank đi tiên phong trong việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng hiện đại nhằm phục vụ tất cả nhu cầu giao dịch và đảm bảo lợi ích của khách hàng như Internet Banking, Mobile Banking, SMS Banking, Call Centre, Autobank, thẻ ATM,... SeABank cũng là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam trở thành thành viên chính thức của cả hai tổ chức thẻ quốc tế hàng đầu Visa và MasterCard, đồng thời cũng là đại lý của Western Union tại Việt Nam; là ngân hàng triển khai đồng bộ xác thực theo chuẩn EMV hiện đại trong phát hành và thanh toán thẻ

quốc tế Visa, MasterCard; ngân hàng triển khai hiệu quả đồng bộ dịch vụ ngân hàng tự động - Autobank đa dịch vụ,...

Các giải thưởng quốc tế đa dạng như Ngân hàng Bán lẻ được yêu thích nhất 2019, Nhãn hiệu Asean 2019 hay Top 500 ngân hàng lớn nhất châu Á - Thái Bình Dương ghi nhận sự phát triển lớn mạnh về quy mô, kết quả kinh doanh, đồng thời khẳng định uy tín thương hiệu của SeABank. Đặc biệt, SeABank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Liên Đoàn Doanh nghiệp thế giới (Worldcob) và nhận chứng nhận Doanh nghiệp xuất sắc năm 2019 của tổ chức này.

Năm 2020, SeABank vinh dự đạt giải thưởng "Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng tốt nhất Việt Nam 2020" do International Business Magazine và "Ngân hàng mang tới sự hài lòng và hạnh phúc của khách hàng" do tổ chức Global Banking and Finance Review trao tặng tháng 03/2020; Thương hiệu tiêu biểu châu Á- Thái Bình Dương do Tạp Chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương bình chọn tháng 06/2020.

Đặc biệt, ngân hàng số SeAMobile của SeABank đã được các tổ chức quốc tế uy tín trên thế giới trao tặng nhiều giải thưởng: "Ngân hàng số sáng tạo năm 2020" (The European), "Ứng dụng Mobile Banking tốt nhất Việt Nam 2020" (International Finance Magazine), "Ngân hàng số tốt nhất Việt Nam 2021" (World Business Outlook).

❖ **Hệ sinh thái đối tác và mạng lưới khách hàng đa dạng**

Mạng lưới khách hàng phong phú và đa dạng, phủ khắp toàn quốc giúp cho SeABank đẩy mạnh phát triển dịch vụ bán lẻ cho khách hàng cá nhân và phát triển khách hàng Doanh nghiệp. SeABank đang phục vụ hơn 1,6 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại hơn 170 điểm giao dịch trên toàn quốc.

Ứng dụng hệ sinh thái tiên phong, SeABank tiếp tục thúc đẩy hợp tác chiến lược và toàn diện với các Tập đoàn, Tổng công ty bao gồm Tập đoàn BRG, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (Vietnam Post), ... với hệ sinh thái hơn 30 triệu khách hàng tiềm năng. Bên cạnh đó, SeABank cũng có hợp tác chiến lược về kinh doanh với các doanh nghiệp lớn như Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas), Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines), Central Retail, Coca - Cola, Prudential Việt Nam, Tổng Công ty Viễn thông MobiFone, ...

Chiến lược khai thác hệ sinh thái được củng cố bởi cách tiếp cận công nghệ số để thay đổi trải nghiệm của khách hàng, từ đó mang đến các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, hấp dẫn, giúp gia tăng lượng khách hàng và đóng góp cho sứ mệnh trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất tại Việt Nam của SeABank.

❖ **Nguồn nhân lực và văn hóa tổ chức**

Đội ngũ lãnh đạo trong HĐQT và Ban Điều hành của SeABank là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực quản trị Tài chính - Ngân hàng. Đội ngũ nhân sự kết hợp những cán bộ có kinh nghiệm và đội ngũ cán bộ trẻ, năng động, nhiều hoài bão, nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn, năng lực tốt và trung thành, gắn bó với SeABank.

Công tác đánh giá, quy hoạch và phát triển nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự tổng thể của SeABank nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường làm việc nơi mỗi CBNV được tạo cơ hội tối đa để phát huy năng lực, được ghi nhận và phát triển lộ trình công danh của cá nhân cùng với sự phát triển của Ngân hàng, từ đó, tăng mức độ gắn kết của CBNV với Ngân hàng. Trong năm 2019, 2020 các hoạt động quy hoạch nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp (Career roadmap) và khung quy hoạch nhân tài (Talent pool) dựa trên đánh giá năng lực (Competency) tiếp tục được triển khai đa dạng qua hệ thống các chương trình/công cụ đánh giá, sàng lọc và lựa chọn nhân sự.

SeABank luôn đẩy mạnh xây dựng văn hóa doanh nghiệp đề cao tinh thần đồng chí hướng và phát huy sức mạnh trí tuệ tập thể; tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết, hợp tác trên mọi phương diện, đồng thời xây dựng văn hóa làm việc cởi mở và cầu tiến. Ở SeABank, các cuộc thảo luận, họp bàn được tổ chức thường xuyên trên nhiều quy mô, từ đó các công việc được thảo luận, trao đổi và cùng tìm ra các giải pháp phù hợp trên tinh thần hợp tác, cùng đạt mục tiêu, tạo tâm lý làm việc tích cực, sáng tạo, chủ động và năng động.

❖ **Quản trị rủi ro**

SeABank luôn tiên phong trong việc đáp ứng theo các tiêu chuẩn quốc tế qua đó giúp khẳng định vị thế, tiềm lực phát triển và uy tín thương hiệu của Ngân hàng, tạo sự an tâm, tin tưởng cho khách hàng. SeABank là một trong 5 ngân hàng Việt Nam đầu tiên hoàn thành cả 3 trụ cột của Basel II trước thời hạn quy định 01/01/2021; được Moody's xếp hạng tín nhiệm mức B1 và liên tục trong các năm 2019, 2020 2021 với triển vọng phát triển Tích cực. Bên cạnh đó, về mặt công nghệ, SeABank đáp ứng chuẩn bảo mật PCI-DSS từ 2016 và ISO/IEC 27001:2013 từ 2014. SeABank là một trong những Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam sử dụng công nghệ chip bảo mật EMV hàng đầu thế giới cho thẻ ATM từ năm 2012.

Không chỉ có vậy, SeABank là một trong ít nhà băng đầu tư ứng dụng phần mềm quản trị lõi ngân hàng T24 Temenos Thụy Sĩ, hệ thống Core Banking phổ biến và hiện đại nhất, với chi phí nhiều triệu đô la từ năm 2006, đồng thời liên tục nâng cấp core banking và là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam nâng cấp lên phiên bản R18 mới nhất trên thế giới vào cuối năm 2019.

Bên cạnh đó, SeABank cũng đang từng bước tiếp cận với những thông lệ quốc tế toàn diện hơn, bao gồm Basel II IRB, Basel III, chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS 9, ... và bước đầu đạt được kết quả nhất định tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

❖ **Phát triển bền vững và an sinh xã hội**

Trong suốt 27 năm hình thành và xây dựng, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường được coi là mục tiêu và chiến lược của SeABank. Nhiều hoạt động thiết thực được SeABank triển khai như tiết kiệm điện, nước, trồng cây xanh phủ xanh rừng cháy, ... cùng nhiều chương trình ý nghĩa tại các điểm giao dịch trên toàn quốc như: Thu gom phân loại rác, trang bị thêm cây xanh trong văn phòng, tặng khách hàng các quà tặng thân thiện với môi trường, ...

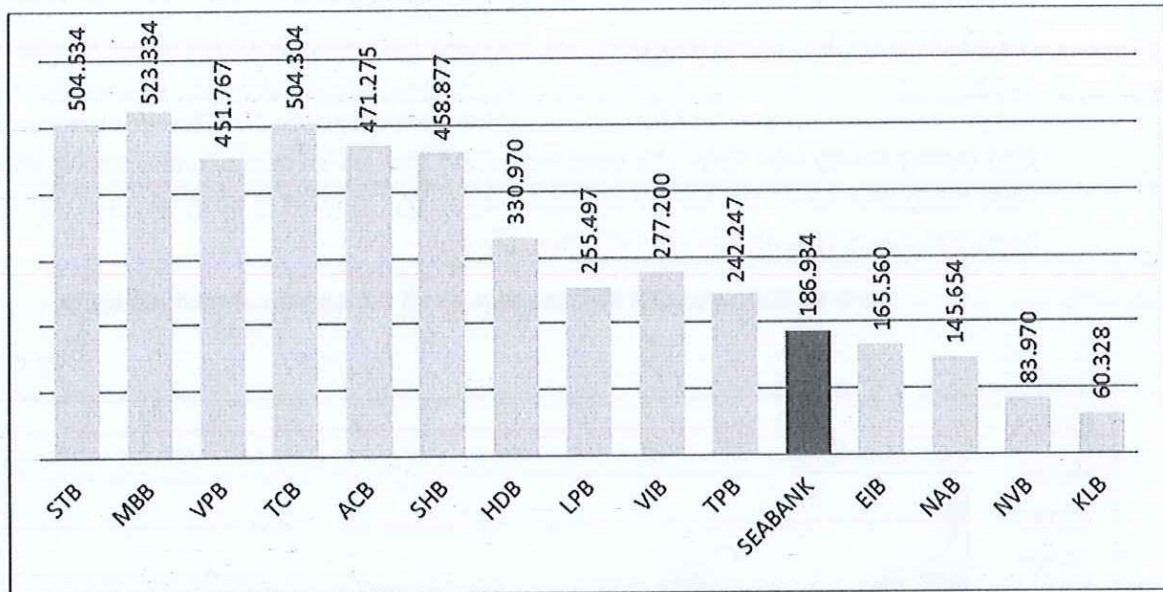
Bên cạnh đó, Ngân hàng luôn chú trọng phát triển các hoạt động an sinh xã hội song song với phát triển kinh tế với ngân sách hàng chục tỷ đồng mỗi năm. Hàng năm, các hoạt động thiện nguyện của SeABank thường xuyên được tổ chức tại các địa bàn có điểm giao dịch của Ngân hàng, trong đó bao gồm nhiều chương trình từ thiện thường niên cũng như các hoạt động an sinh xã hội theo kêu gọi của Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan, tổ chức đã giúp hình ảnh SeABank trở nên gần gũi trong lòng khách hàng. Vì cộng đồng cũng là một trong 5 giá trị cốt lõi luôn được CBNV SeABank thấm nhuần và là tôn chỉ cho mọi hành động luôn gắn kinh doanh với trách nhiệm xã hội.

❖ **Quy mô tổng tài sản**

Trong quá trình hoạt động, SeABank luôn nỗ lực đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng lưới hoạt động, giữ vững uy tín thương hiệu nên luôn được khách hàng an tâm, tin tưởng sử dụng sản phẩm dịch vụ. Đến thời điểm 30/06/2021, tổng tài sản của SeABank đạt 186.934 tỷ đồng và hiện nay đứng trong nhóm các NHTMCP có quy mô tổng tài sản từ trên 100.000 tỷ đồng, thuộc nhóm ngân hàng có quy mô trung bình trong hệ thống ngân hàng. SeABank cũng đã được NHNN xếp hạng trong Nhóm các TCTD, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống năm 2019 và năm 2020.

Hình 9. Tổng tài sản của một số ngân hàng thời điểm 30/06/2021

(Đơn vị: tỷ đồng)



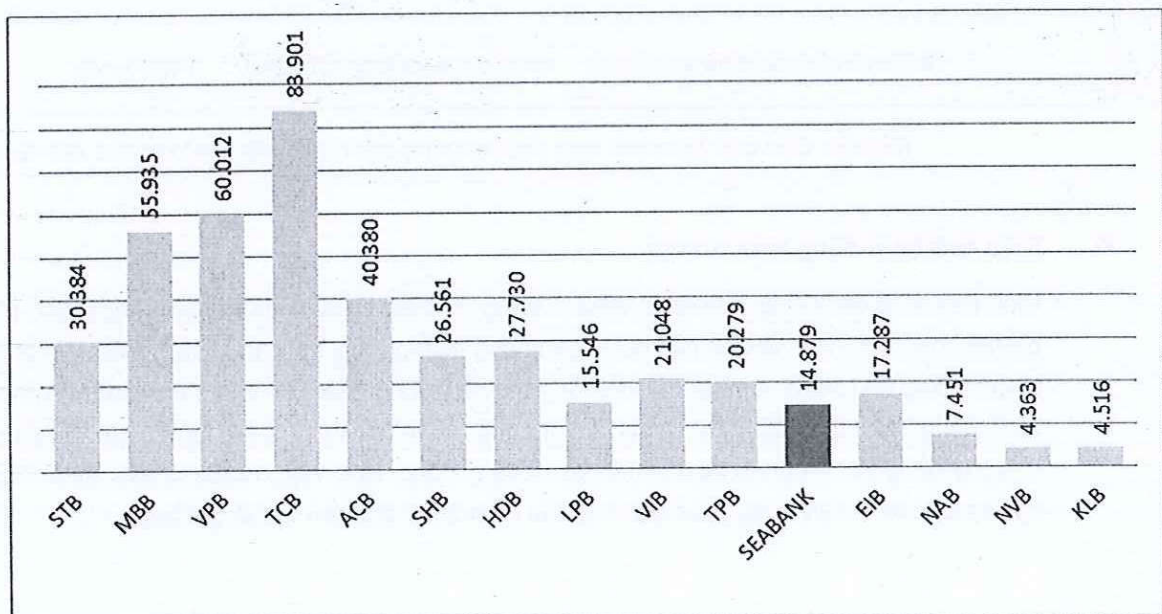
(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2021 đã soát xét của các Ngân hàng)

❖ Quy mô vốn chủ sở hữu

Bên cạnh tăng trưởng quy mô tổng tài sản, quy mô nguồn vốn chủ sở hữu của SeABank cũng tăng trưởng tương ứng. Đến 30/06/2021, vốn chủ sở hữu của SeABank đạt 14.879 tỷ đồng. Mặc dù quy mô vốn chủ sở hữu của SeABank còn thấp so với các Ngân hàng khác nhưng việc gia tăng quy mô vốn chủ sở hữu luôn tương ứng với tốc độ gia tăng của tổng tài sản để có thể sử dụng vốn hiệu quả và đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông.

Hình 10. Quy mô vốn chủ sở hữu của một số ngân hàng thời điểm 30/06/2021

(Đơn vị: tỷ đồng)



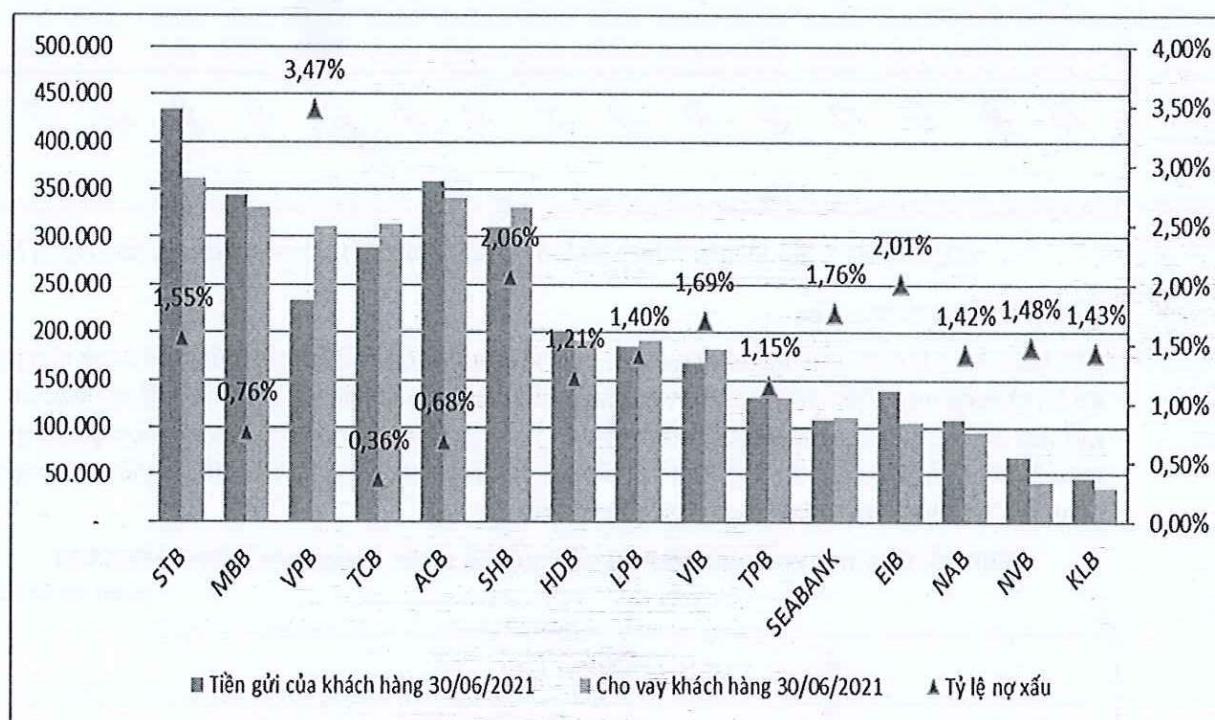
(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2021 đã soát xét của các Ngân hàng)

❖ **Hoạt động huy động tiền gửi và cho vay khách hàng**

SeABank luôn tăng trưởng bền vững và đảm bảo các quy định an toàn trong các hoạt động cho vay và nhận tiền gửi. Nhờ việc ký kết hợp tác chiến lược với các đối tác là các tổ chức lớn trong và ngoài nước, SeABank đã sở hữu nền tảng khách hàng lớn và ổn định. Đến 30/06/2021, số dư tiền gửi của khách hàng tại SeABank là 107.984 tỷ đồng. Cùng với đó, mảng tín dụng của SeABank tăng trưởng nhưng luôn được chú trọng khâu quản trị rủi ro và đảm bảo quy định về cho vay của Ngân hàng Nhà nước. Dư nợ cho vay khách hàng đạt 111.578 tỷ đồng tại 30/06/2021 và Ngân hàng luôn duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo quy định.

Hình 11. Tiền gửi của khách hàng và số dư nợ cho vay khách hàng

(Đơn vị: tỷ đồng)



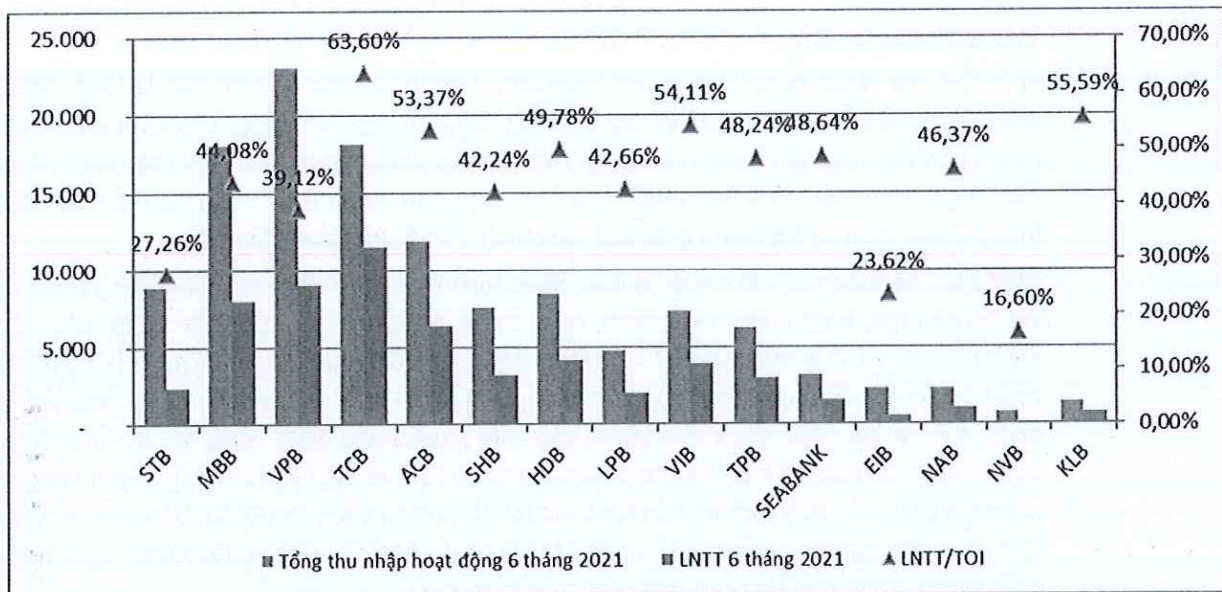
(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2021 đã soát xét của các Ngân hàng)

❖ **Hiệu quả hoạt động kinh doanh**

Dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới toàn bộ nền kinh tế trong nửa đầu năm 2021 nhưng hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng thương mại nói chung và SeABank nói riêng vẫn tăng trưởng ấn tượng. Cả hai chỉ tiêu tổng thu nhập hoạt động (TOI) và lợi nhuận trước thuế lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 đều có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, TOI đạt 3.199 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 1.556 tỷ đồng. Như vậy, SeABank vào top những Doanh nghiệp có Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2021 đạt trên 1.000 tỷ đồng.

Hình 12. Kết quả hoạt động kinh doanh của một số ngân hàng lũy kế 6 tháng đầu năm 2021

(Đơn vị: tỷ đồng)



(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2021 đã soát xét của các Ngân hàng)

10.4.3.2. Triển vọng phát triển của ngành

❖ Ngành ngân hàng đang ở trong giai đoạn phát triển nhanh

Với đặc thù của một nền kinh tế đang phát triển, dựa nhiều vào vốn, ngành Ngân hàng Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển nhanh. Với tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm trong khoảng từ 5% đến 7% trong 10 năm qua (2009 - 2019), ngoại trừ năm 2020 do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 (GDP năm 2020 tăng 2,91%), dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam theo IMF năm 2021 là khoảng 6,5%, ngành Ngân hàng sẽ tiếp tục phát triển bền vững.

Sự tăng trưởng tích cực của nền kinh tế là yếu tố thu hút nhà đầu tư, nguồn vốn FDI, tạo ra sự nhộn nhịp trong hoạt động thương mại quốc tế, từ đó, ngân hàng là nơi hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xuất nhập khẩu, hậu cần, ... Trong bối cảnh COVID-19, Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, Tính chung 6 tháng đầu năm nay, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 316,73 tỷ USD, tăng 32,2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, tùy vào tình hình kiểm soát COVID-19 ở các nước (đặc biệt là Mỹ và Châu Âu) sẽ quyết định đến mức độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam trong cả năm 2021 và những năm tiếp theo.

Sự phát triển của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và việc tham gia các FTA thế hệ mới như CPTPP và FTA Việt Nam - Liên minh châu Âu được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển kinh tế cho Việt Nam, thông qua việc mở rộng xuất khẩu, đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ. Việt Nam đang tiếp tục tận dụng các FTA đã có hiệu lực và tiếp tục đàm phán, ký kết để mở rộng thị trường Quốc tế.

Bên cạnh đó, sự chuyển đổi nhanh hơn của mô hình tăng trưởng theo hướng năng suất, chất lượng và hiệu quả, với động lực chính là khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ giúp duy trì mức tăng trưởng cao và ổn định cho nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.

❖ Chính sách, chiến lược phát triển nhằm nâng cao tính an toàn, lành mạnh của hệ thống Ngân hàng, tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật theo chuẩn mực quốc tế

Ngày 08 tháng 08 năm 2018, Chính phủ ban hành Quyết định số 986/QĐ-TTg Phê duyệt "Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" với những nội dung chủ yếu sau:

▪ **Mục tiêu tổng quát**

Hiện đại hóa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; thực hiện mục tiêu ưu tiên là kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng bền vững; bảo đảm an toàn, lành mạnh hệ thống các tổ chức tín dụng, giữ vai trò chủ chốt bảo đảm ổn định tài chính; thực thi vai trò giám sát các hệ thống thanh toán, là trung tâm thanh toán và quyết toán cho các hệ thống thanh toán và hệ thống giao dịch tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế.

Phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng: các tổ chức tín dụng trong nước đóng vai trò chủ lực; hoạt động minh bạch, cạnh tranh, an toàn, hiệu quả bền vững; cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô, loại hình; dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế, hướng tới đạt trình độ phát triển của nhóm 4 nước dẫn đầu khu vực ASEAN vào năm 2025; năng động, sáng tạo để thích ứng với quá trình tự do hóa và toàn cầu hóa; đáp ứng nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng ngày càng gia tăng của nền kinh tế, tiến tới tài chính toàn diện vào năm 2030, bảo đảm mọi người dân và doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận đầy đủ, thuận tiện các dịch vụ tài chính, ngân hàng có chất lượng, đóng góp tích cực cho phát triển bền vững.

▪ **Mục tiêu cụ thể**

✓ **Giai đoạn 2021 - 2025:**

Nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh, tăng sự minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt trong quản trị và trong hoạt động của các tổ chức tín dụng. Phấn đấu đến cuối năm 2025: Có ít nhất từ 2 - 3 ngân hàng thương mại nằm trong nhóm 100 ngân hàng lớn nhất (về tổng tài sản) trong khu vực châu Á;

Tất cả các ngân hàng thương mại áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn, triển khai thí điểm áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao;

Tăng hiệu quả phân bổ nguồn vốn tín dụng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển "tín dụng xanh", "ngân hàng xanh" để góp phần chuyển đổi nền kinh tế sang hướng tăng trưởng xanh, tăng tỷ trọng vốn tín dụng ngân hàng đầu tư vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các bon. Lồng ghép các nội dung về phát triển bền vững, biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh trong các chương trình, dự án vay vốn tín dụng.

Từng bước nâng cao vị thế của Việt Nam tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế về tiền tệ ngân hàng, phục vụ cho phát triển ngành Ngân hàng, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế.

Trong năm 2020, do nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi Covid 19, thêm vào đó, các Ngân hàng áp dụng Basel II và sự ra đời của Thông tư 22/2019/TT-NHNN nhằm siết chặt hơn chất lượng tài sản của hệ thống, tăng trưởng tín dụng toàn Ngành sẽ ở mức thấp hơn các năm trước. Việc tăng trưởng tín dụng liên tục giảm kể từ năm 2018 tạo ra sự phân hóa khá mạnh trong Ngành khi chỉ những ngân hàng hoạt động hiệu quả, chất lượng tài sản tốt, nợ xấu giảm mới được nói tỷ lệ tăng trưởng tín dụng, trong khi ở các ngân hàng yếu, kém, việc tăng trưởng sẽ khó khăn hơn. Tăng trưởng tín dụng sẽ tập trung phần lớn vào các ngân hàng đã đáp ứng Basel II hoặc đáp ứng được hệ số an toàn theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN. Nhóm ngân hàng thương mại cổ phần, có nhiều cơ hội gia tăng tín dụng nhờ trần hệ số huy động/cho vay (LDR) được tăng từ 80% lên 85%. Nhóm này sẽ tối ưu hóa hiệu quả bằng việc phân bổ lại tài sản theo quy định của Basel II nhằm gia tăng lợi nhuận trong điều kiện khó nâng vốn, tập trung tăng trưởng tín dụng tiêu dùng. Ngân hàng Nhà nước dự

kiến sẽ cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng cao hơn so với bình quân ngành cho nhóm này khi tỷ lệ an toàn vốn được đảm bảo.

Dù đang trong quá trình tái cơ cấu, nhưng kết quả kinh doanh của các ngân hàng được dự báo duy trì ở mức ổn định, với hệ số thu nhập lãi cận biên (NIM) bình quân khoảng 3,2 - 3,4%. Thu nhập ròng từ lãi (NII) đang được cải thiện nhờ việc cơ cấu các khoản vay, hướng đến nhóm bán lẻ, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

❖ **Ngân hàng số - xu thế phát triển**

Các ngân hàng Việt Nam đã và đang tăng tốc đầu tư ngân hàng số, xu hướng phát triển tất yếu của thời đại 4.0. Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về số người sử dụng internet và điện thoại thông minh, chính sách khuyến khích giao dịch không dùng tiền mặt của Chính phủ, số lượng khách hàng có tài khoản và thẻ ngân hàng tăng trưởng mạnh. Thống kê của Ngân hàng Nhà nước cho thấy, tăng trưởng số lượng và giá trị giao dịch thanh toán điện tử đến tháng 10/2020 qua kênh mobile banking lần lượt là 123,9% và 125,4%; các kênh internet banking và ví điện tử cũng đều tăng trưởng khoảng 37 - 86% so với cùng kỳ; hiện tại số lượng người sử dụng Smartphone vào khoảng 45% dân số - đứng thứ 15 trên thế giới; 99% doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử. Giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt tăng tốc là động lực cho sự tăng trưởng của các ngân hàng.

Cơ cấu thu nhập trong lĩnh vực Ngân hàng trong những năm gần đây bắt đầu có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng truyền thống và nâng cao dần tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động, dịch vụ ngân hàng hiện đại; giảm đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực rủi ro cao, tăng thu từ hoạt động phi tín dụng, là hoạt động có tính bền vững cao và ít rủi ro hơn. Tăng trưởng thu nhập từ thu nhập ngoài lãi của ngân hàng đến từ dư địa của kênh Bancassurance, thu phí dịch vụ ngân hàng và chiến lược đẩy mạnh ngân hàng bán lẻ, ngân hàng số.

10.4.3.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của SeABank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới ngày càng có nhiều biến động ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn, định hướng chiến lược của SeABank hướng tới tăng trưởng bền vững trên cơ sở phát triển các nguồn lực nhằm đáp ứng tình hình thực tiễn của thị trường. Qua đó, SeABank hướng đến mục tiêu làm gia tăng giá trị của doanh nghiệp dựa trên các nền tảng cơ bản, bao gồm: nguồn nhân lực, hệ thống Công nghệ, vận hành và quản trị rủi ro, phù hợp với các chính sách của Nhà nước, định hướng của ngành Ngân hàng và xu thế phát triển chung trên thế giới.

Bên cạnh yếu tố tăng trưởng, SeABank cũng rất chú trọng đến vấn đề ổn định, an toàn và hiệu quả trong hoạt động. Dựa trên nền tảng hiện có, SeABank tiếp tục đầu tư vào xây dựng hệ thống công nghệ, kỹ thuật tiên tiến nhằm hiện đại hóa và phù hợp với yêu cầu hội nhập, kết hợp với việc xây dựng khung quản trị rủi ro toàn diện cho Ngân hàng để hạn chế các rủi ro có thể xảy ra và đảm bảo ứng phó kịp thời trước các nguy cơ tác động từ nền kinh tế. SeABank tin tưởng rằng, sự phát triển của Ngân hàng sẽ góp phần vào sự phát triển của Ngành nói riêng và xu thế phát triển của nền kinh tế nói chung.

▪ **Mục tiêu của SeABank**

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 986/QĐ-TTg, SeABank cũng đã ban hành Chiến lược phát triển đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 với các mục tiêu và chiến lược như sau:

Về mục tiêu trong giai đoạn 2021-2025, SeABank định hướng trở thành ngân hàng dẫn đầu về chất lượng dịch vụ, trong đó tập trung vào lĩnh vực giao dịch điện tử và bảo hiểm; đạt được hiệu quả và khả năng sinh lời ở mức dẫn đầu thị trường thông qua việc kết hợp giữa tăng trưởng và quản lý hiệu quả chi phí; tăng cường hiệu quả tổ chức thông qua phát triển văn hóa công bằng và cơ cấu quản trị phù hợp, trở thành ngân hàng dẫn đầu về văn hóa tổ chức, và trở thành ngân hàng dẫn đầu về đóng góp cho cộng đồng.

Để hiện thực hóa các mục tiêu trên, SeABank đã xây dựng chiến lược cho giai đoạn 2021-2025 là cung cấp cho khách hàng trải nghiệm tuyệt vời thông qua đội ngũ nhân viên chuyên môn hóa cao và tăng lợi ích lâu dài của các cổ đông, với 05 trụ cột chính là: trụ cột 1 - Văn hóa chia sẻ tạo ra sự khác biệt của SeABank; trụ cột 2 - Sản phẩm dịch vụ riêng phục vụ những mảng khách hàng riêng biệt; trụ cột 3 - Dịch vụ ngân hàng số đáp ứng nhu cầu của khách hàng; trụ cột 4 - Đơn giản hóa hoạt động của ngân hàng với khả năng triển khai hoạt động mạnh; trụ cột 5 - Tăng cường khả năng tài chính và quản trị rủi ro, tăng khả năng sinh lời.

▪ **Các dự án trọng điểm quốc gia mà SeABank tham gia tài trợ**

Hoạt động trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, SeABank luôn phát triển và vận hành cùng nền kinh tế Việt nam, đồng hành cùng các Tập đoàn, Tổng công ty để tham gia tài trợ các dự án trọng điểm quốc gia, góp phần phát triển kinh tế xã hội cho đất nước và mang lại hiệu quả kinh doanh cho Ngân hàng.

- Đối với Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau (viết tắt là GPP) của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV GAS): là dự án với Tổng mức đầu tư trên 10.000 tỷ VND, trong đó SeABank tham gia tài trợ cùng một số tổ chức tín dụng khác, Số tiền SeABank đã cấp tín dụng cho Dự án là 2.000 tỷ đồng.

Dự án GPP Cà Mau có công suất xử lý 6,2 triệu m³ khí/ngày từ nguồn khí PM3-CAA, cùng hệ thống kho có sức chứa 8.000 tấn LPG, 3.000 m³ condensate và hệ thống cảng xuất sản phẩm. Sau khi hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành, GPP Cà Mau cung cấp ra thị trường khoảng 600 tấn LPG/ngày, tương đương 200.000 tấn LPG/năm, cung cấp 35 tấn Condensate/ngày, tương đương 12.000 tấn Condensate/năm, đáp ứng được khoảng 10% nhu cầu thị trường trong nước. Với yêu cầu cao về mặt kỹ thuật và công nghệ, công trình khi hoàn thành có công nghệ tiên tiến hàng đầu, đem lại hiệu suất thu hồi LPG cao so với các dự án tương tự từ trước tới nay; phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế; đảm bảo vận hành an toàn và bảo vệ môi trường.

GPP Cà Mau được đưa vào hoạt động đã giúp PV GAS thực hiện đúng mục tiêu chiến lược: đóng vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp Khí Việt Nam và phát triển ra thị trường quốc tế. Đây là khâu hoàn thiện cuối cùng để Cụm công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau đồng bộ phục vụ sự nghiệp phát triển ở miền Tây.

- Đối với Dự án lô 433a & 416b - Algeria của Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP): Đây là Dự án khai thác dầu khí ngoài khơi Việt Nam. SeABank tham gia đồng tài trợ cùng một số tổ chức tín dụng khác, số tiền SeABank tham gia tài trợ là 50 triệu USD.

Dự án lô 433a & 416b là một trong những dự án mở đường trong chiến lược phát triển không chỉ trong nước và thị trường quốc tế của PVEP và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, dự án đón dòng dầu đầu tiên (first oil) vào năm 2015. Dự án được đánh giá là bước đột phá, mở rộng hoạt động mở rộng tìm kiếm thăm dò, gia tăng trữ lượng, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của đất nước.

- Đối với Dự án Di dân tái định cư Thủy điện Sơn La - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN): Đây là Dự án phục vụ cho Dự án Thủy điện Sơn La - tại thời điểm triển khai, đây là Dự án Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất Đông Nam Á.

SeABank tham gia tài trợ cho Dự án di dân tái định cư Thủy điện Sơn La 700 tỷ đồng.

Để nhường đất cho nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất Đông Nam Á, số dân phải di chuyển, bố trí tái định cư lớn nhất đất nước từ trước tới nay, với 20.340 hộ và 93.201 người của 248 bản, tổ dân phố, 31 xã, phường, 8 huyện, thị xã của 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu. Thủy điện Sơn La là công trình hợp lòng dân, nhân dân đồng tình ủng hộ, do vậy việc triển khai dự án di dân, tái định cư được triển khai thành công.

Việc tham gia tài trợ thành công và hiệu quả cho những Dự án Trọng điểm Quốc gia cho thấy SeABank hiểu rõ vai trò của các ngân hàng trong việc đồng hành cùng Chính phủ trong phát triển kinh tế, đồng thời thể hiện các Tập đoàn, Tổng công ty đánh giá cao sự tham gia của SeABank.

10.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Bảng 22. Các dự án SeABank đã và đang thực hiện

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
Thiết lập định hướng chiến lược tổng thể cùng mô hình kinh doanh tối ưu	Với sứ mệnh: “Phục vụ với sự tận tâm nhiệt huyết để mang đến cuộc sống hạnh phúc hơn và một tương lai thịnh vượng cho cộng đồng” SeABank đã hoàn thiện xây dựng định hướng chiến lược tổng thể cùng mô hình kinh doanh tối ưu: - Chiến lược “Hội tụ số”, bao gồm áp dụng các công nghệ mới, tối ưu hóa và tự động hóa quy trình trên nền tảng lấy khách hàng làm trọng tâm, trong năm 2020 và những năm tới SeABank sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào nhiều dự án công nghệ: SeaMobile New - Trợ lý tài chính cá nhân tin cậy, Chatbot, eKYC, Smart-form nhằm hỗ trợ khách hàng mọi lúc mọi nơi trong quá trình sử dụng dịch vụ ngân hàng. - Chiến lược kinh doanh theo chuỗi và hệ sinh thái nhằm gia tăng mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng khách hàng. - Chiến lược đẩy mạnh doanh thu phí thông qua các sản phẩm thu phí. - Hoàn thiện chiến lược kinh doanh theo phân khúc khách hàng cá nhân, tập trung vào hành trình trải nghiệm của khách hàng, quản trị tốt hiệu quả vòng đời sản phẩm và đơn giản, tối ưu hóa chu trình vận hành sản phẩm.	Dự án bắt đầu được triển khai từ tháng 09/2019 và tầm nhìn chiến lược của dự án tới năm 2025 Tổng mức đầu tư 50 triệu USD, trong đó: + Phần tư vấn: 5 triệu USD. + Phần triển khai: 45 triệu USD.
Dự án Basel II	Năm 2019, NHNN đã phê duyệt chấp thuận cho SeABank triển khai áp dụng Thông tư 41 trước thời hạn từ 01/11/2019, theo đó tỷ lệ an toàn vốn của SeABank đã được tính toán tự động và kết quả luôn đạt trên 10%. Với việc hoàn thành triển khai toàn bộ 3 trụ cột của Basel II, SeABank sẽ tạo lập mối quan hệ gắn kết giữa rủi ro và lợi nhuận, nâng cao khả năng dự báo và lập kế hoạch cũng như hiệu quả giám sát cấp cao trong nội bộ, đồng thời tạo nền tảng để tiếp tục nâng cấp khi thực hiện các phương pháp đo lường theo các chuẩn tiên tiến, khẳng định được sự lành mạnh về tài chính	Dự án được bắt đầu triển khai vào năm 2017. Hiện tại, Dự án đã hoàn thiện và đang đi vào giai đoạn tổng kết để có thể áp dụng các tiêu chuẩn nâng cao của Basel II. Trong thời gian tới, SeABank sẽ tiếp tục nâng cấp hệ thống Basel II để tối đa hóa tỷ lệ CAR, đồng thời triển khai quy trình đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn – ICAAP.

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
		SeABank xây dựng hệ thống tính CAR theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư 41 và báo cáo ICAAP (đánh giá nội bộ mức đủ vốn) tại Thông tư 13 bằng nguồn lực nội bộ và trên các nền tảng hệ thống công nghệ thông tin sẵn có, do vậy SeABank không mất chi phí cho việc mua/thuê các giải pháp từ bên ngoài. Chi phí phát sinh cho dự án Basel II chủ yếu là chi phí nhân sự.
Ra mắt ứng dụng tài chính thông minh SeAMobile	SeABank không ngừng hoàn thiện và bổ sung mất ứng dụng SeAMobile phiên bản mới - ứng dụng Ngân hàng Điện tử trên thiết bị di động dành cho khách hàng cá nhân với nhiều tính năng ưu việt, thân thiện đáp ứng nhu cầu của thị trường và yêu cầu của người sử dụng như: Chuyển tiền không cần nhớ số tài khoản (khách hàng có thể thực hiện chuyển tiền cho người hưởng thông qua số điện thoại hoặc mã QR), thanh toán bằng mã QR, mua vé máy bay, vé xem phim, đặt phòng khách sạn, thanh toán các loại hóa đơn, nạp tiền nhiều loại dịch vụ, cá thể hóa giao dịch nhanh,... Đặc biệt, SeAMobile phiên bản mới là ứng dụng ngân hàng số đầu tiên tại Việt Nam mang đến một công cụ vô cùng hữu ích cho người dùng - tính năng Chăm sóc khỏe tài chính.	Ứng dụng SeAMobile được quyết định nghiên cứu và triển khai vào năm 2019, đã ra mắt vào tháng 10/2020. Tổng mức đầu tư: 8,3 tỷ đồng. 
Dự án ALM & FTP	* Dự án Quản lý tài sản nợ - tài sản có được phân chia thành hai cấu phần (i) cấu phần vận hành hai chức năng của dự án ALM là Quản trị rủi ro thanh khoản và Quản trị rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng (IRRBB); và (ii) cấu phần vận hành các giải pháp của dự án ALM trên hệ thống (phần mềm Oracle OFSAA ALM), đồng thời quản trị và tối ưu hóa cơ cấu của bảng cân đối tài sản, tài sản Nợ - Có, nguồn và sử dụng nguồn, quản lý hiệu quả rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất. * Dự án này mang lại nhiều lợi ích cho SeABank, gồm: - Cung cấp công cụ thể thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN tại Thông tư 13/2018/TT/NHNN; Thông tư 22/2019/TT/NHNN.	Dự án đã đưa vào triển khai trong thực tế và đang trong giai đoạn tổng kết, rút kinh nghiệm và tiếp tục được cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tế của Ngân hàng. Thời gian bắt đầu thực hiện dự án: 2019. Thời gian hoàn thành: Cuối tháng 06/2020. Tổng mức đầu tư: 21,9 tỷ đồng.

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
	- Cung cấp thông tin phục vụ phân tích và dự báo để hỗ trợ ra quyết định Chiến lược Bảng cân đối được vận hành trong chức năng của ALCO. - Cung cấp công cụ phân tích để thực hiện tối ưu bảng cân đối thông qua kinh doanh chênh lệch gap. - Cung cấp thông tin cơ sở để xác định chi phí thanh khoản cho các khoảng kỳ hạn cần bù đắp để đưa vào giá thành FTP. - Cung cấp công cụ đo lường biến động giá trị kinh tế của Vốn chủ sở hữu và biến động lợi nhuận của Bảng cân đối khi lãi suất trên thị trường thay đổi tác động vào kế hoạch lợi nhuận của ngân hàng, để từ đó SeABank có những điều tiết/ điều chỉnh phù hợp. - Cung cấp công cụ trong quản trị rủi ro theo khẩu vị rủi ro, bao gồm các mô hình hành vi và cả phân tích dự báo, thử nghiệm căng thẳng và lên kế hoạch phòng ngừa phù hợp.	
Dự án chuyển đổi Báo cáo tài chính theo chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế (IFRS)	Với bối cảnh xu thế toàn cầu hóa về hợp tác và phát triển kinh tế, các doanh nghiệp trên thế giới hiện nay ngoài việc áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc gia thì đều áp dụng cả Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) khi lập và trình bày báo cáo tài chính. Nhận thức rõ IFRS là xu hướng và là lợi ích, SeABank chủ động thực hiện chiến lược chuyển đổi áp dụng sớm IFRS nhằm đưa ngân hàng hướng tới những tiêu chuẩn quốc tế cao nhất, tiên phong trên thị trường trong việc xây dựng một giải pháp tự động hóa đồng bộ trên nền tảng Công nghệ thông tin hiện đại nhất hiện nay, song song với việc chuyển đổi toàn diện về hệ thống, quy trình, chính sách, và nâng cao năng lực nội bộ theo các yêu cầu của IFRS. Lợi ích của việc triển khai áp dụng IFRS: - Tăng khả năng so sánh quy mô và kết quả kinh doanh với các đối thủ quốc tế. - Tăng khả năng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. - Hỗ trợ quản lý rủi ro nhờ công cụ tính toán giá trị hợp lý của tài sản và công nợ của Ngân hàng. - Nâng cao khả năng đo lường và quản lý kết quả kinh doanh dựa trên các chỉ số đo lường hiệu quả chính. Sử dụng chung ngôn ngữ báo cáo tài chính toàn cầu kết hợp tính minh bạch được nâng cao sẽ mở rộng cánh cửa đưa SeABank nhanh chóng hội nhập quốc tế với những lợi ích kinh tế to lớn, nâng cao vị thế và tính cạnh tranh của ngân hàng trên thị trường;	Dự án đang trong giai đoạn triển khai làm việc với các đơn vị tư vấn và giải pháp. Thời gian bắt đầu thực hiện dự án: tháng 4/2020. Dự kiến thời gian hoàn thành: tối đa 1,5 năm. Tổng mức đầu tư: 23,5 tỷ đồng.

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
	thay đổi tích cực hệ thống quản trị và kiểm soát rủi ro, phối hợp chặt chẽ chức năng rủi ro và tài chính; đồng thời tạo dựng cơ sở phân bổ hợp lý nguồn lực để tăng hiệu quả sử dụng vốn, tối đa hóa lợi nhuận cho ngân hàng.	
Dự án phát triển hệ thống Thanh toán điện tử Liên ngân hàng Citad và Hệ thống Corebanking tiền đi; tiền đến theo chuẩn IBPS 2.5	Để theo kịp xu hướng và yêu cầu phát triển trong hoạt động thanh toán của nền kinh tế quốc gia và trên đường hội nhập quốc tế, NHNN đã xây dựng và bắt buộc ngành Ngân hàng phải nâng cấp, phát triển mới hệ thống Thanh toán điện tử Liên ngân hàng quốc gia Trước tình hình đó, SeABank cũng tiếp nhận, lập dự án và triển khai phân tích, nâng cấp và phát triển hệ thống nhằm đáp ứng kịp tiến độ mà NHNN đề ra. Những lợi ích đem lại khi hoàn thành dự án: - SeABank là 1 trong 4 ngân hàng đầu tiên và là Ngân hàng TMCP duy nhất nâng cấp hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng mới và là ngân hàng duy nhất được chọn thí điểm chuyển tiền thông luồng ngoại tệ. - Bổ sung đầy đủ các tính năng chuyển tiền đi, chuyển tiền đến liên ngân hàng tại SeABank theo yêu cầu hiện đại hóa kênh thanh toán điện tử liên ngân hàng từ NHNN. - Bổ sung đầy đủ hơn các dịch vụ chuyển tiền đi, chuyển tiền đến liên ngân hàng như Chuyển tiền đến ngoại tệ, quyết toán theo lô Napas, ... giúp phục vụ đầy đủ, nhanh chóng hơn và đa dạng hơn cho khách hàng. - Hỗ trợ xử lý các giao dịch của Khối Nguồn vốn theo hướng tự động hóa giúp Khối nguồn vốn nhanh chóng kiểm soát luồng tiền tại SeABank phục vụ kinh doanh. - Bổ sung thêm một số thông tin giao dịch, giúp thanh toán trong nước kiểm soát và hạch toán tiền về cho khách hàng được nhanh hơn khoảng 70%, an toàn hơn.	- Hoàn thành nâng cấp hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng vào tháng 3/2020 - Citad. - Hoàn thành xây dựng và phát triển hệ thống xử lý tiền về đáp ứng theo chuẩn IBPS 2.5 giai đoạn 1 vào tháng 7/2020. - Hoàn thành các hạng mục chính của hệ thống Corebanking tiền đi. Test Giai đoạn 1 bắt đầu trong tháng 12/2020. - Tổng mức đầu tư: 3 tỷ đồng.
Dự án hoàn thiện trung tâm dữ liệu dự phòng, phòng chống thảm họa của SeABank	Triển khai trung tâm dữ liệu dự phòng, phòng chống thảm họa nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục của Ngân hàng; Đáp ứng tuân thủ các quy định, chính sách Nhà nước về hoạt động kinh doanh Ngân hàng.	- Thời gian triển khai: từ tháng 12/2019 - Tổng đầu tư phần cứng: 133 tỷ - Tiến độ thực hiện: + Đã hoàn thành thuê vị trí lắp đặt, triển khai hạ tầng Trung tâm dữ liệu dự phòng. + Đã hoàn thành triển khai hạ tầng, đường truyền mạng cho Trung tâm dữ liệu dự phòng.

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
Dự án Tự động hóa giao dịch quầy (giai đoạn I)	Đẩy mạnh việc tự động hóa nhận diện thông tin khách hàng dựa trên AI (thông qua hình ảnh khuôn mặt, vân tay) để rút ngắn thời gian giao dịch, đem lại trải nghiệm mới cho Khách hàng của SeABank Thống nhất nội dung cũng như phương thức nhập liệu nhằm tạo tính đồng bộ, giảm thiểu tối đa rủi ro trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ tại quầy của Giao dịch viên. Giải phóng nhập liệu thủ công thông qua ứng dụng OCR bóc tách thông tin GTTT. Các thông tin KH, thông tin do GDV nhập liệu sẽ được kéo thả và tự động điền vào các biểu mẫu giao dịch tương ứng để chuyển khách hàng ký Đơn giản hóa quá trình thực hiện giao dịch: cho phép GDV đăng ký đồng thời nhiều dịch vụ kết hợp trên 1 màn hình duy nhất và thao tác trên 1 hệ thống duy nhất Giúp minh bạch trong quá trình nhập liệu: giúp KH quan sát trực tiếp quá trình nhập liệu thông tin từ đó phản hồi điều chỉnh và xác nhận thông tin trước khi ký biểu mẫu đăng ký giao dịch	+ Đang thực hiện triển khai các hệ thống, ứng dụng tương tự trung tâm dữ liệu chính (Data Center- 25 Trần Hưng Đạo). - Thời gian hoàn thành dự kiến Quý III - IV năm 2021. Thời gian triển khai: Tháng 8/2020 Tổng đầu tư: 3 tỷ Tháng 6/2021: Hoàn thiện 8 chức năng và triển khai thí điểm tại Sở Giao dịch Tháng 8/2021: Triển khai thí điểm tại 5 điểm giao dịch tiếp theo. Dự kiến tháng 2/2022: đánh giá triển khai dự án giai đoạn 1.
Dự án Văn phòng điện tử	Hỗ trợ trao đổi thông tin, điều hành tác nghiệp, quản lý trình và duyệt văn bản, quản lý công việc và các công tác hành chính khác nhằm hiện đại hóa phương thức quản trị truyền thống. Giúp thông tin được truyền tải tới toàn bộ cán bộ nhân viên một cách đồng nhất, thuận tiện và nhanh chóng và giảm thiểu, tiết kiệm chi phí văn phòng Nâng cao hiệu quả quản lý của lãnh đạo cũng như tăng năng suất lao động của cán bộ nhân viên, cải thiện chất lượng công việc Giúp khi ký duyệt văn bản nhanh chóng ngay khi không ngồi tại bàn làm việc, mọi lúc mọi nơi và không bị giới hạn bởi không gian, thời gian làm việc.	Thời gian triển khai: tháng 6/2020 Tổng đầu tư: 2,2 tỷ Tháng 6/2021: triển khai chính thức tại Khối Vận hành và Khối CNNHS Tháng 7/2021: truyền thông đào tạo cho CBNV toàn hàng
Dự án Xây dựng hệ thống phần mềm SeAOps	Ứng dụng công nghệ AI để hỗ trợ kiểm soát chứng từ thay thế cho cách thức kiểm soát thủ công truyền thống nhằm hạn chế lỗi chứng từ của ĐVKD. Tự động hóa luồng chứng từ end-to-end và khép kín luồng theo dõi chứng từ giúp giảm chi phí in ấn, giảm thiểu rủi ro trong quá trình kiểm soát. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân và giúp quản lý khách hàng sau cấp tín dụng chính xác, nhanh chóng	Thời gian triển khai: tháng 5/2021 Tổng đầu tư: 6,4 tỷ Dự kiến tháng 10/2021: triển khai chính thức.

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
Dự án Trung tâm giám sát an ninh (SOC)	thông qua tự động hóa tính toán và cập nhật dữ liệu khách hàng sau cấp tín dụng.	
	Cải thiện khả năng phát hiện sự cố bảo mật thông qua giám sát và phân tích liên tục hoạt động dữ liệu, đảm bảo phát hiện và ứng phó kịp thời các sự cố bảo mật. Giúp Ngân hàng chủ động hơn trong việc đối phó với các mối đe dọa về an ninh mạng.	Thời gian triển khai: 12/2020 Tổng đầu tư: 18 tỷ/ 3 năm Tháng 6/2021: đưa vào hoạt động chính thức.

(Nguồn: SeABank)

10.6. Chiến lược kinh doanh

Định hướng phát triển

Xây dựng và phát triển trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất là chiến lược phát triển cốt lõi của SeABank trong thời gian tới.

- SeABank đặt mục tiêu đến 2025 có 5 triệu khách hàng, 36% doanh thu ngoài lãi, tỷ lệ giao dịch online chiếm 50%, tỷ lệ chi phí trên doanh thu chiếm 40%, tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn dưới 3%.
- SeABank đặt mục tiêu trở thành ngân hàng dẫn đầu về sự đóng góp với cộng đồng và trở thành ngân hàng dẫn đầu về văn hóa tổ chức.

Định hướng kinh doanh của SeABank năm 2021

Năm 2020, dịch Covid-19 đang tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu và khu vực cũng như kinh tế Việt Nam. Đông Nam Á hiện là một trong những khu vực đang đứng trước nguy cơ cao nhất vì có mối quan hệ chặt chẽ với nền kinh tế địa phương khổng lồ của Trung Quốc. Chính phủ yêu cầu thực hiện "mục tiêu kép", vừa quyết liệt phòng, chống, khống chế dịch, vừa tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Nghị quyết của Chính phủ đề ra một số chỉ tiêu chủ yếu: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6%. GDP bình quân đầu người khoảng 3.700 USD. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%. Vì vậy, ngành Ngân hàng cần có những biện pháp thích hợp để đối mặt với khó khăn như hỗ trợ khách hàng về thời hạn trả nợ, lãi suất, giảm phí, các chính sách tín dụng phù hợp và đồng thời đề ra các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

Bên cạnh đó, với mặt bằng lãi suất thấp, khả năng kiểm soát dịch bệnh bằng vắc xin đã hiện hữu, nhu cầu tiêu dùng trong nước gia tăng, đầu tư công được đẩy mạnh, thị trường chứng khoán năm 2021 được kỳ vọng có mức tăng trưởng tương đối tốt, thuận lợi cho việc phát triển kinh tế.

Căn cứ trên các đánh giá về hình tình kinh tế - xã hội, với chiến lược đẩy mạnh số hóa, năm 2021, mục tiêu kinh doanh của SeABank như sau:

- Tập trung huy động CASA (không kỳ hạn) để giảm giá vốn huy động.
- Tập trung và đẩy mạnh thu phí dịch vụ và các khoản thu thuần ngoài lãi: thu thuần bảo hiểm, phí, ngoại hối, đầu tư.
- Tập trung khai thác các sản phẩm/khách hàng có biên độ và khả năng sinh lời cao kết hợp với quản trị rủi ro chặt chẽ.
- Tối ưu hóa và tiết kiệm chi phí hoạt động, tập trung đầu tư dự án công nghệ trọng điểm hướng tới chiến lược hội tụ số.
- Chú trọng tập trung nguồn lực và triển khai có hiệu quả các giải pháp xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu phát sinh mới trong năm 2021, đảm bảo tín dụng an toàn, hiệu quả.

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2021

- Tăng trưởng tổng tài sản: dự kiến tăng trưởng 10%, đạt 198.229 tỷ đồng vào cuối năm 2021
- Tăng trưởng dư nợ tín dụng: tăng trưởng ròng 14.109 tỷ đồng tương ứng tăng 13% so với năm 2020. Tăng trưởng dư nợ tín dụng đảm bảo phù hợp với quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng: kế hoạch đạt 2.413,6 tỷ đồng, tăng trưởng 39.6% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng: kế hoạch đạt 1.931 tỷ đồng.
- Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát theo quy định nhỏ hơn 3%.

Bảng 23. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2021

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Tăng trưởng so với 2020	
		2020	2021	Tăng ròng	%
1	Tổng tài sản	180.207	198.229	18.022	10%
2	Dư nợ cho vay khách hàng	108.869	122.978	14.109	13%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.729	2.414	685	39,6%
4	Lợi nhuận sau thuế	1.360	1.931	571	42%
5	Tỷ lệ nợ xấu	1,86%	<3%		

(Nguồn: SeABank)

Tổng tài sản

Tăng trưởng tổng tài sản theo hướng tăng trưởng hợp lý, đảm bảo khả năng tăng trưởng các tài sản sinh lời và giảm dần các tài sản không mang lại lợi nhuận cho SeABank.

Tiền gửi của khách hàng

Thực hiện chính sách huy động dựa trên nhu cầu sử dụng vốn, đảm bảo cân đối được nguồn giải ngân, đảm bảo thanh khoản.

Kiểm soát chặt chẽ giá vốn huy động bình quân trong năm; tăng trưởng huy động không kỳ hạn, tối ưu hóa nguồn huy động, đảm bảo mang lại hiệu quả sử dụng nguồn tốt nhất cho toàn hệ thống tại từng thời điểm cụ thể trong năm.

Đảm bảo tỷ lệ LDR theo quy định của NHNN.

Dư nợ cho vay khách hàng

Tăng trưởng dư nợ tín dụng phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo định hướng của SeABank trong năm 2021 và phù hợp với quy định của NHNN.

Chuyển đổi cơ cấu dư nợ khi chuyển trọng tâm sang khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ để hạn chế rủi ro tập trung và tăng biên độ sinh lời toàn hàng.

Tập trung phát triển sản phẩm có margin sinh lời cao.

Tập trung phát triển dư nợ ngắn hạn.

Thu phí dịch vụ

Đa dạng sản phẩm cho khách hàng, cải thiện và phát triển các khoản thu ngoài lãi: phí dịch vụ, bảo hiểm, ngoại hối trên khách hàng là trọng tâm kinh doanh của năm 2021.

Xây dựng các giải pháp ngân hàng giao dịch dành riêng theo từng chuỗi, hệ sinh thái của các KHDN nhằm tăng nguồn thu phí từ khách hàng. Đồng thời, phát triển các sản phẩm ngoại hối nhằm gia tăng nguồn thu dịch vụ.

Quản trị chi phí hoạt động

SeABank chú trọng tối ưu hóa và tiết kiệm chi phí, đồng thời tiếp tục kiểm soát chỉ số CIR (chi phí trên tổng thu nhập thuần) của toàn hệ thống < 50% trong năm 2021, nhỏ hơn 35% đến năm 2025. Chi phí được tối ưu hóa và tiết kiệm đảm bảo cân đối hoạt động của Ngân hàng và thực hiện các dự án chiến lược của Ngân hàng về chiến lược hội tụ số, các khoản chi đầu tư công nghệ thiết yếu và chi phí di chuyển trụ sở mới năm 2021.

11. Chính sách đối với người lao động

Với quan điểm con người là trọng tâm của tổ chức, SeABank đã và đang đặt vấn đề nguồn nhân lực là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá sự phát triển của Ngân hàng.

Để duy trì và giữ chân nhân sự, SeABank xây dựng hệ thống chế độ phúc lợi, đãi ngộ cạnh tranh song song với hệ thống đánh giá hiệu quả công việc và đánh giá năng lực, xây dựng lộ trình công danh kết hợp chính sách đào tạo phát triển cho toàn bộ các chức danh nhằm tạo cơ chế đánh giá, ghi nhận công bằng và cơ hội phát triển cho tất cả các CBNV trong Ngân hàng, cụ thể như sau:

11.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Ngân hàng

Bảng 24. Số lượng và cơ cấu người lao động bình quân(*)

Trình độ	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng/năm 2021	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Trên đại học	171	4,3%	167	4,2%	178	4,3%
Đại học	3.468	86,4%	3.399	86,2%	3.565	85,9%
Cao đẳng	233	5,8%	253	6,4%	279	6,7%
Trung cấp	55	1,4%	52	1,3%	64	1,5%
PTTH	84	2,1%	75	1,9%	67	1,6%
Tổng cộng	4.011	100%	3.946	100%	4.153	100%

(*) Số liệu này không bao gồm số liệu các công ty con.

(Nguồn: SeABank)

11.2. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Bên cạnh việc đảm bảo các phúc lợi, đãi ngộ theo đúng quy định của Luật Lao động và Luật bảo hiểm xã hội, SeABank xây dựng chính sách đãi ngộ tổng thể (Total Rewards) gắn liền với chiến lược kinh doanh và chiến lược nhân sự nhằm đạt được chiến lược phát triển cốt lõi là trở thành ngân hàng bán lẻ dẫn đầu và được yêu thích nhất; với mục tiêu mang đến cho các CBNV các chính sách đãi ngộ cạnh tranh, tương xứng với đóng góp, cống hiến của từng Cá nhân đối với sự phát triển của SeABank:

❖ Điều chỉnh lương định kỳ:

Cấu trúc lương 3P của SeABank được xây dựng với sự tham gia tư vấn của Talentnet - Mercer dựa trên các nguyên tắc cạnh tranh với thị trường và công bằng trong nội bộ, phù hợp với chiến lược kinh doanh và chiến lược con người của Ngân hàng. Hàng năm, SeABank đều tiến hành các đợt điều chỉnh lương định kỳ và điều chỉnh lương theo các đợt nâng bậc/bổ nhiệm tập trung với các nguyên tắc xem xét trọng tâm vào vị trí đảm nhiệm, hiệu quả làm việc và thâm niên công tác của từng cá nhân để có chính sách lương cạnh tranh với thị trường và công bằng nội bộ.

❖ **Chính sách thưởng:**

Hệ thống chính sách thưởng của SeABank được cấu trúc bao gồm nhiều chính sách thưởng khác nhau dựa trên năng lực làm việc, kết quả làm việc, thành tích và đóng góp, cống hiến của từng cá nhân cho sự phát triển của Ngân hàng. SeABank đảm bảo cán bộ nhân viên có thành tích tốt sẽ được khen thưởng xứng đáng và kịp thời với hệ thống các chính sách thưởng đa dạng và gắn kết trực tiếp với kết quả, hiệu quả làm việc:

- Thưởng thi đua kinh doanh đối với các CBNV có thành tích xuất sắc theo các chương trình thi đua, thúc đẩy kinh doanh của Ngân hàng;
- Chính sách Lương kinh doanh bổ sung đối với lực lượng bán với sự tư vấn của đối tác Mercer Singapore và Talentnet nhằm thúc đẩy kết quả kinh doanh của lực lượng bán theo chiến lược phát triển của Ngân hàng, đảm bảo thu nhập cạnh tranh với thị trường;
- Chính sách thưởng hiệu quả công việc dựa trên hiệu quả làm việc của từng Đơn vị, Cá nhân và mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng;
- Các chính sách thưởng thành tích đặc biệt cho các Cá nhân, Đơn vị hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phân công, giao phó, thưởng ý tưởng và giải pháp sáng tạo, ...

❖ **Các chính sách phúc lợi:**

Hệ thống chính sách phúc lợi của SeABank ngày càng được mở rộng và nâng cao nhằm mang lại giá trị đãi ngộ tốt nhất cho CBNV; đồng thời tạo được sự khác biệt về chính sách theo thâm niên, kết quả làm việc, thúc đẩy văn hóa hướng đến hiệu quả, thu hút và giữ chân nhân tài:

- Chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện PVICare cho Cán bộ nhân viên và người thân với phạm vi và quyền lợi bảo hiểm được mở rộng, nâng cao hàng năm;
- Chương trình khám sức khỏe định kỳ cho CBNV được tổ chức hàng năm tại các cơ sở y tế uy tín, chất lượng dịch vụ cao với danh mục khám sức khỏe được mở rộng hàng năm nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho CBNV;
- Chính sách vay vốn ưu đãi dành cho CBNV SeAStaff Privileged với hạn mức và lãi suất ưu đãi cạnh tranh;
- Chính sách về chế độ nghỉ phép năm mở rộng số ngày nghỉ phép năm ghi nhận các nhân sự có thâm niên làm việc tại Ngân hàng.

❖ **Các chế độ khác:**

Các CBNV trong hệ thống được thường xuyên tham các sự kiện lớn, gia các hoạt động kết nối của SeABank được tổ chức quy mô, ấn tượng như lễ kỷ niệm ngày thành lập SeABank; Hội nghị Sơ kết Quý, 6 tháng; Hội nghị Tổng kết năm; các chương trình, hoạt động quy mô chào mừng những ngày lễ lớn trong năm như Ngày Quốc tế Thiếu nhi, Tết Trung thu, Giáng sinh - Năm mới; hội thao toàn Ngân hàng SeALeague, SeAWomen League và SeALeader League, hội thao SeASport, Ngày hội Gia đình - SeAFamily Day,... Đặc biệt, nhằm tri ân và vinh danh các CBNV có thời gian làm việc lâu năm với ngân hàng, SeABank triển khai chương trình Vinh danh thâm niên - SeAProud với những món quà và lời chúc ý nghĩa dành tặng CBNV đạt các mốc làm việc 3, 5, 10, 15, 20 năm tại ngân hàng.

Ngoài ra, hàng năm SeABank còn chú trọng tổ chức các hoạt động từ thiện được phát động trên toàn hệ thống với 3 quỹ từ thiện lớn (Ươm mầm ước mơ, One Day - One Smile, SeALove - Lan tỏa yêu thương) và nhiều hoạt động xã hội thường niên (Xuân yêu thương, SeABankers vì trẻ thơ, Tuần lễ Công dân, Chấn ách đầu đông và SeABank Run For The Future, Hiến máu nhân đạo) cùng các hoạt động khác nhằm mang những món quà thiết thực và ý nghĩa cho cộng đồng. Đặc biệt, trong năm 2020 và đầu năm 2021, SeABank đã tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ CBNV trên toàn hệ

thống bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 thông qua: Quỹ One Day - One Smile, Quỹ SeABank phòng chống Covid-19, ... Chuỗi các hoạt động kết nối đồng nghiệp, các hoạt động an sinh xã hội là một trong những niềm tự hào của SeABank về Văn hóa tổ chức của mình - đại diện cho tinh thần, hình ảnh SeABank muốn đem tới cho khách hàng và cũng là chìa khóa quan trọng cho việc gắn kết và giữ chân nhân sự.

11.3. Phát triển nguồn lực

Công tác đánh giá, quy hoạch và phát triển nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp luôn là một trong những mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự tổng thể của SeABank; hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường làm việc nơi mỗi CBNV được tạo cơ hội tối đa để phát huy năng lực, được ghi nhận và phát triển lộ trình công danh của cá nhân cùng với sự phát triển của Ngân hàng. Trong năm 2020, các hoạt động quy hoạch nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp (Career roadmap) và khung quy hoạch nhân tài (Talent pool) dựa trên đánh giá năng lực (Competency) tiếp tục được triển khai đa dạng qua hệ thống các chương trình/công cụ đánh giá, sàng lọc và lựa chọn nhân sự:

- ✓ Đánh giá kiến thức: các chương trình sát hạch nghiệp vụ định kỳ đánh giá trình độ chuyên môn và kiến thức nghiệp vụ theo từng vị trí chức danh.
- ✓ Đánh giá hiệu quả làm việc theo KPIs gắn liền với kết quả làm việc của CBNV: ghi nhận năng lực, kết quả làm việc và mức độ đóng góp của từng Cá nhân.
- ✓ Đánh giá năng lực, tiềm năng phát triển và quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự nội bộ thông qua hệ thống các **Chương trình đánh giá năng lực và quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp** đối với từng nhóm chức danh trên toàn hệ thống: đã đánh giá và quy hoạch đội ngũ nhân sự có năng lực, kinh nghiệm để bổ nhiệm vào các vị trí khuyết thiếu trong hệ thống theo lộ trình nghề nghiệp của CBNV tại Đơn vị kinh doanh và Hội sở; đáp ứng sự chuyển đổi mạnh mẽ của hệ thống mạng lưới của Ngân hàng.
- ✓ Chương trình **Đánh giá năng lực và quy hoạch bổ nhiệm đội ngũ Trưởng nhóm kinh doanh năm 2020** được triển khai với mục tiêu tập trung phát triển đội ngũ cán bộ nguồn tại ĐVKD, đảm bảo nâng cao năng lực triển khai chiến lược tại các Chi nhánh trong dài hạn. Bên cạnh đó, chương trình đánh giá cũng tái khẳng định tính hệ thống trong việc xây dựng chính sách đãi ngộ theo năng lực, đảm bảo sẵn sàng nguồn lực kế cận khi có các vị trí quản lý khuyết thiếu, đáp ứng nhu cầu của hệ thống.

Trong năm 2020 ghi nhận 387 lượt CBNV được bổ nhiệm giữ các vị trí cao hơn theo lộ trình nghề nghiệp (trong đó, 47 lượt CBNV được bổ nhiệm nắm giữ các vị trí quản lý cấp cao/trung trong hệ thống; 25 lượt CBNV được bổ nhiệm giữ các vị trí quản lý sơ cấp, chuyên gia; 315 lượt CBNV được nâng bậc lên các vị trí Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên chính theo lộ trình nghề nghiệp).

11.4. Chính sách đào tạo phát triển

Trong 6 tháng đầu năm 2021 mặc dù ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng hoạt động đào tạo tại SeABank vẫn đạt được những thành quả đáng ghi nhận như sau:



(Số liệu cập nhật đến thời điểm 30/06/2021)

So với năm 2020, cơ bản các số liệu đào tạo đều cao hơn, đặc biệt đào tạo Online - Phương pháp đào tạo mới, phù hợp với xu thế thời đại công nghiệp 4.0, gắn kết với chiến lược hội tụ số cũng đã được SeABank triển khai trong thời gian qua. SeABank là đơn vị tiên phong trong hệ thống các ngân hàng tại Việt Nam áp dụng Webex Training trong đào tạo Online. Chỉ trong 3 tuần SeABank đã cứu, xây dựng, triển khai ngay phương pháp đào tạo này nhằm cập nhật kiến thức, kỹ năng cho các SeABanker một cách kịp thời và hiệu quả nhất khi đại dịch Covid-19 bùng phát.

Năm 2020 và đầu năm 2021, các chương trình, khóa đào tạo mới không chỉ tăng về lượng mà còn về nội dung, chất lượng, sát với năng lực chức danh công việc. Đặc biệt **Chương trình đào tạo Quản lý cấp trung SeAManagers** được chuẩn hóa, phát triển và triển khai thường niên, đây cũng là chương trình đánh dấu thương hiệu nhân sự của SeABank trên thị trường Ngân hàng. Bên cạnh đó, **Chương trình đào tạo dành cho các nhân tố SeABank - SeAFactors** được triển khai, cho thấy sự quan tâm, đầu tư của Ban lãnh đạo Ngân hàng cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự kế cận cho các vị trí quản lý then chốt và các dự án, chương trình chiến lược trọng điểm, góp phần đảm bảo nguồn nhân sự có chất lượng cao, sẵn sàng cho các mục tiêu phát triển dài hạn của SeABank.

Song song với việc xây dựng khóa học mới, đa dạng hình thức đào tạo, SeABank đã đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ hỗ trợ học tập. Hệ thống Quản lý học tập LMS có gần 150 khóa học e-learning, giúp tăng tốc độ, qui mô đào tạo đối với các nội dung về sản phẩm, quy trình, tuân thủ, đồng thời tạo tiền đề vững chắc để vận hành mô hình đào tạo hỗn hợp (blended training) và "Học tập linh hoạt và thích nghi" (Agile Learning & Adaptive Learning), giúp mỗi cá nhân tự lựa chọn giải pháp học tập phù hợp nhất với các yêu cầu công việc và nhu cầu phát triển sự nghiệp cá nhân.

11.5. Chương trình lựa chọn cho người lao động

Nhằm tạo điều kiện để người lao động của SeABank có cơ hội tham gia đầu tư mua cổ phiếu, gắn lợi ích của người lao động với lợi ích của cổ đông, qua đó tạo giá trị gia tăng cho Ngân hàng. Đồng thời thể hiện sự trân trọng, ghi nhận và giữ chân đối với nhóm Cán bộ nhân viên chủ chốt của Ngân hàng, qua đó khuyến khích sự cam kết gắn bó và cống hiến của người lao động, thúc đẩy người lao động nỗ lực hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ được giao phó; giữ chân những nhân sự có năng lực, duy trì ổn định đội ngũ cán bộ chủ chốt, ĐHCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua

việc phát hành cổ phiếu cho người lao động và SeABank đã thực hiện phát hành xong 23.500.000 cổ phiếu ESOP trong tháng 08/2021.

12. Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức của SeABank phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.

Năm 2016 phù hợp với quy định của NHNN, SeABank không thực hiện chia cổ tức.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua việc sử dụng phần lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm 2017 và lũy kế đến ngày 31/12/2017 để chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Ngân hàng và ủy quyền toàn bộ cho HĐQT quyết định thực hiện chi trả cổ tức. Hội đồng quản trị Ngân hàng đã quyết định chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 8,7866%, đồng thời phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1,2673% và đã thực hiện phát hành thành công trong tháng 12/2018.

Năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/04/2020 đã thông qua Nghị quyết phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 14%. SeABank đã thực hiện phát hành thành công 131.166.000 cổ phiếu để trả cổ tức và được UBCKNN thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo Công văn số 5825/UBCK-QLCB ngày 28/09/2020. Đồng thời với đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức này, SeABank cũng đã thực hiện chào bán thành công 140.678.208 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu nâng mức vốn điều lệ của Ngân hàng lên 12.087,4 tỷ đồng.

Năm 2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua Nghị quyết chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 9,1206%. SeABank đã hoàn tất việc phát hành 110.244.161 cổ phiếu để trả cổ tức, và được UBCKNN thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả phát hành theo Công văn số 4491/UBCK-QLCB ngày 11/8/2021 của UBCKNN về việc kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của SSB.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Năm 2020 SeABank đã thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số lượng chào bán thành công là 140.678.208 cổ phiếu, tương đương số tiền thu được là 1.406.782.080.000 đồng.

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2020 của SeABank được Công ty TNHH KPMG xác nhận tại Báo cáo kiểm toán số 21-02-00269-21-1 ngày 30/08/2021, chi tiết như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số tiền đã sử dụng đến ngày 31/7/2021
1	Đầu tư tài sản cố định (máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng và tài sản cố định khác)	80.000.000.000
2	Cho vay khách hàng doanh nghiệp, cá nhân	876.782.080.000
3	Đầu tư các khoản trái phiếu có độ rủi ro thấp như Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu tổ chức tín dụng	450.000.000.000
Tổng cộng		1.406.782.080.000

Tính đến 31/07/2021, SeABank đã sử dụng hết toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán năm 2020 theo đúng kế hoạch sử dụng vốn đã công bố.

14. Thông tin về các khoản công nợ tiềm ẩn, những cam kết nhưng chưa thực hiện của SeABank

- Thông tin về các cam kết có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của SeABank liên quan đến hợp đồng thuê sử dụng đất: Không có
- Thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn: Chi tiết tại mục IV. 8.3. Các loại chứng khoán khác (Bảng 5)
- Thông tin các cam kết khác như bảng sau:

Bảng 25. Các khoản công nợ tiềm ẩn và các cam kết

Đơn vị: triệu VNĐ

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Bảo lãnh vay vốn	101.349	-	-
2	Cam kết giao dịch hối đoái	114.036.180	54.780.549	96.845.747
-	Cam kết mua ngoại tệ	3.999.584	541.303	2.320.885
-	Cam kết bán ngoại tệ	3.373.657	447.726	2.767.174
-	Cam kết mua - giao dịch hoán đổi tiền tệ	55.137.961	30.139.120	55.090.937
-	Cam kết bán - giao dịch hoán đổi tiền tệ	51.524.978	23.652.400	36.666.751
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	572.337	657.643	1.102.977
4	Hợp đồng hoán đổi lãi suất	4.987.983	9.805.803	9.503.370
5	Bảo lãnh khác (Bảo lãnh thanh toán, thực hiện hợp đồng, dự thầu ...)	4.653.959	2.567.945	3.367.168

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

15. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới SeABank có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của SeABank, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Không có

16. Thông tin về cam kết của SeABank không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

SeABank cam kết không thuộc trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh của SeABank trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của SeABank trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

Hoạt động kinh doanh của SeABank đã tăng trưởng cao trong những năm gần đây là kết quả của chiến lược tăng trưởng thành công, xác định rõ phân khúc khách hàng, cùng với đó là nghiên cứu và đưa ra nhiều sản phẩm đa dạng, cải thiện chất lượng tài sản, cơ cấu tài chính theo hướng sử dụng nguồn huy động hiệu quả hơn, được thể hiện chi tiết qua các chỉ tiêu như sau:

Bảng 26. Kết quả hoạt động kinh doanh (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%+-2020/2019	6T/Năm 2021
Tổng giá trị tài sản	157.893	180.525	14,33%	187.137
Thu nhập lãi thuần	2.878	3.039	5,57%	2.387
Tổng thu nhập hoạt động	5.153	4.559	-11,53%	3.147
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.272	2.516	-23,09%	1.997
Lợi nhuận trước thuế	1.440	1.842	27,90%	1.584
Lợi nhuận sau thuế	1.152	1.476	28,14%	1.268

(Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC riêng lẻ 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Bảng 27. Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%+-2020/2019	6T/Năm 2021
Tổng giá trị tài sản	157.398	180.207	14,49%	186.934
Thu nhập lãi thuần	2.895	3.062	5,77%	2.430
Tổng thu nhập hoạt động	5.211	4.584	-12,04%	3.199
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	3.222	2.406	-25,33%	1.974
Lợi nhuận trước thuế	1.391	1.729	24,32%	1.556
Lợi nhuận sau thuế	1.098	1.360	23,85%	1.238
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	99,00%	97,84%	-	-
Tỷ lệ cổ tức (*)	14,0000%	9,1206%	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

(*): Năm 2019 và 2020, SeABank trả cổ tức bằng cổ phiếu

Lợi nhuận SeABank có sự tăng trưởng ấn tượng qua các năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 1.360 tỷ đồng, tăng 23,85% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 của SeABank đạt 1.238 tỷ đồng, gần bằng kết quả cả năm 2020. Các kết quả đạt được cho thấy sự tăng trưởng liên tục, tạo một nền tảng vững chắc cho các năm tiếp theo.

❖ **Tổng thu nhập hoạt động**

Bảng 28. Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm 2020/2019	6T/2021
Thu nhập lãi thuần	2.895	3.062	5,77%	2.430
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	335	356	6,17%	469
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	10	75	625,45%	94
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán	406	338	-16,67%	105
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.534	748	-51,21%	98
Lãi thuần từ góp vốn, mua cổ phần	31	4	-85,94%	3
Tổng cộng	5.211	4.584	-12,04%	3.199

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Bảng 29. Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm 2020/2019	6T/2021
Thu nhập lãi thuần	2.878	3.039	5,57%	2.387
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	321	342	6,38%	462
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	10	75	625,88%	94
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán	397	341	-14,18%	104
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.544	748	-51,58%	98
Lãi thuần từ góp vốn, mua cổ phần	1	15	1232,53%	2
Tổng cộng	5.153	4.559	-11,53%	3.147

(Nguồn: BCTC riêng lẻ 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC riêng lẻ 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

❖ **Cơ cấu chi phí hoạt động**

Bảng 30. Cơ cấu chi phí hoạt động của SeABank (Hợp nhất)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm 2020/2019	6T/2021
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	28	24	-15,50%	66
Chi phí cho nhân viên	1.035	1.178	13,82%	630
Chi về tài sản	341	354	3,88%	184

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm 2020/2019	6T/2021
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	302	327	8,39%	186
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	93	108	16,48%	58
Chi phí hoạt động khác	119	106	-2,85%	57
Phân bổ lợi thế thương mại	71	71	0,00%	36
Chi phí dự phòng	-	9	-	8
Tổng cộng	1.988	2.177	9,51%	1.225

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Bảng 31. Cơ cấu chi phí hoạt động của SeABank (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm 2020/2019	6T/2021
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	28	24	-15,91%	65
Chi phí cho nhân viên	991	1.132	14,24%	600
Chi về tài sản	336	347	3,31%	181
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	295	318	7,86%	181
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	93	108	16,48%	58
Chi phí hoạt động khác	134	106	-21,00%	57
Chi phí dự phòng	4	7	93,48%	8
Tổng cộng	1.881	2.043	8,58%	1.150

(Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC riêng lẻ 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của SeABank trong năm báo cáo

Hoạt động kinh doanh năm 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 của SeABank chịu ảnh hưởng bởi hai nhóm nhân tố chính, bao gồm nhóm các nhân tố khách quan và nhóm các nhân tố chủ quan, vừa gây khó khăn nhưng cũng mang lại những thuận lợi nhất định cho SeABank:

❖ Bối cảnh chung của nền kinh tế:

Dự báo triển vọng kinh tế Việt Nam 2021 của các tổ chức quốc tế, các định chế tài chính lớn đều rất khả quan. Trong đó, cả hai tổ chức Moody's và Fitch Ratings đều cho rằng triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong trung hạn đầy hứa hẹn, nhờ những thành quả cải thiện vị thế tài khóa và nợ công, nợ chính phủ.

Cùng với Moody's và Fitch Ratings, các dự báo gần đây của các tổ chức quốc tế cũng đều đánh giá cao triển vọng hồi phục của nền kinh tế Việt Nam. Trong báo cáo mới nhất của Ngân hàng Thế Giới (3/2021), WB dự báo sau hơn một năm trải qua dịch Covid-19, sự phục hồi tại các nền kinh tế trong khu vực Đông Á và Thái Bình Dương rất không đồng đều, chỉ có Trung Quốc và Việt Nam

chứng kiến sự phục hồi theo hình chữ V khi sản lượng đã vượt mức trước đại dịch. Trong đó, Việt Nam dự kiến đạt tăng trưởng 6,6% trong năm 2021.

❖ **Bối cảnh chung của ngành Ngân hàng**

Năm 2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Hiện tại, có 18 ngân hàng trong nước đã áp dụng thành công tiêu chuẩn Basel II trước hạn. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) được cải thiện, đạt mức 12%. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của toàn ngành Ngân hàng năm 2019 vào khoảng 1,8%, nếu tính cả nợ xấu tiềm ẩn (nợ tại VAMC) thì tỷ lệ nợ xấu là hơn 3,3%. Nhiều ngân hàng đã và đang duy trì chính sách trích lập dự phòng ở mức cao, đảm bảo phòng ngừa rủi ro trong trường hợp thị trường biến động.

Bên cạnh đó, để đáp ứng quy định về tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng đã chủ động giảm tỷ trọng cho vay vào các ngành rủi ro (bất động sản, xây dựng, ...), tăng cường huy động vốn dài hạn, nâng cao chất lượng tín dụng. Vì vậy, chất lượng tài sản của các ngân hàng đã và đang được cải thiện.

Tuy nhiên, dự báo lãi suất huy động các kỳ hạn dài nhiều khả năng sẽ tăng trở lại trong thời gian tới khi áp lực lạm phát gia tăng, cũng như quy định mới về tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (SML) bắt đầu được áp dụng vào cuối quý III/2020. Nhu cầu sử dụng vốn ngắn hạn được dự báo sẽ giảm dần trong hoạt động sản xuất khi áp dụng tỷ lệ SML mới. Huy động tiền gửi không kỳ hạn sẽ tiếp tục gia tăng tại nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần khi đưa ra nhiều chính sách cạnh tranh hấp dẫn để hút dòng tiền này.

Với việc tăng cường áp dụng các dịch vụ gia tăng trong hệ thống ngân hàng, cũng như sự phát triển của các kênh thanh toán không dùng tiền mặt - fintech (ví điện tử, ngân hàng số), người gửi tiền sẽ sử dụng nhiều hơn các dịch vụ tài chính.

Năm 2020, ngành Ngân hàng tiếp tục hoạt động ổn định và đạt được nhiều thành tựu quan trọng: Thị trường được củng cố, thanh khoản dồi dào, lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp; mặt bằng lãi suất tiền gửi phổ biến tại các ngân hàng giảm từ 0,9 - 1,5% (ngắn hạn) và khoảng 0,6 - 1,5% (trung dài hạn) so với đầu năm; lãi suất cho vay cũng giảm nhanh, khoảng 0,5 - 2% so với đầu năm; tỷ giá tiếp tục ổn định, giá trị VND được nâng cao; dự trữ ngoại hối tiếp tục được bổ sung, giúp đảm bảo an ninh tài chính tiền tệ quốc gia và củng cố mức xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam.

Trong nửa đầu năm 2021 trong bối cảnh dịch COVID-19 quay trở lại với những biến thể mới với cường độ mạnh hơn, nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng cũng gặp nhiều thách thức, nhưng vẫn có những điểm sáng. Báo cáo của Tổng cục Thống kê cho biết tính đến thời điểm 21/6, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 5,47%, tăng trưởng gấp hai lần so với cùng kỳ năm 2020. Bất chấp tác động của đại dịch, lợi nhuận của ngành ngân hàng vẫn tăng trưởng cao, có hơn chục ngân hàng ghi nhận lợi nhuận nghìn tỷ, chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu vẫn được kiểm soát tốt.

❖ **Thuận lợi**

Việt Nam mở cửa thị trường tài chính làm tăng số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, tạo động lực giúp phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng: minh bạch, cạnh tranh, an toàn, hiệu quả bền vững; cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô, loại hình; dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế.

Hội nhập quốc tế là cơ hội để thu hút dòng vốn FDI vào Việt Nam từ đó các dịch vụ ngân hàng đi kèm như thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ, L/C... sẽ được hưởng lợi từ xu thế này. Hội nhập quốc tế cũng tạo điều kiện cho các Ngân hàng tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, từ đó các ngân hàng có cơ hội trao đổi thông tin và ngăn ngừa rủi ro, qua đó hạn chế biến động của thị trường quốc tế và đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Hệ thống ngân hàng thương mại

và thị trường tiền tệ hoạt động an toàn và hiệu quả sẽ tạo thuận lợi cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các chính sách tiền tệ; thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý tài chính.

Trong những tháng đầu năm 2020, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 diễn ra ở Việt Nam và trên thế giới, ngành Ngân hàng cũng đã chung tay chia sẻ những rủi ro và khó khăn đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh này như: hạ lãi suất cho vay, giãn nợ, tăng thời hạn thu hồi vốn, mở thêm các gói tín dụng phù hợp. Ngành Ngân hàng đồng hành cùng với các doanh nghiệp và cộng đồng trong phòng chống dịch bệnh, chia sẻ khó khăn, do vậy cũng sẽ có những tổn thất đáng kể. Tuy nhiên, nhờ thành công của Chính phủ trong việc kiểm soát sự lây lan của Covid-19, nền kinh tế bắt đầu phục hồi của từ quý III năm 2020, tăng trưởng kinh tế vẫn vững vàng và dự báo sẽ ở mức 6,3% trong năm 2021. Tăng trưởng kinh tế được hỗ trợ bởi sự ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam, tăng cường chi tiêu công và những cải cách đang tiến hành nhằm cải thiện môi trường kinh doanh. (Theo báo cáo công bố vào giữa tháng 9 của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)).

Đại dịch bệnh Covid-19 đã làm thay đổi nhận thức và hành vi sử dụng công nghệ, thói quen không sử dụng tiền mặt của khách hàng, đó là động lực để các Ngân hàng thương mại đẩy mạnh các hoạt động ngân hàng số, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, ... giúp các ngân hàng tăng tỷ trọng hoạt động phi tín dụng trong tổng thu nhập hoạt động trong thời gian tới.

❖ **Khó khăn**

Một số tổ chức tài chính Việt Nam còn bộc lộ yếu kém: trình độ chuyên môn và trình độ quản lý còn bất cập, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh thấp, nợ quá hạn cao, khả năng chống đỡ rủi ro kém, ...

Áp lực cạnh tranh tăng dần theo lộ trình nói lỏng các quy định đối với các tổ chức tài chính nước ngoài, đặc biệt là các quy định về mở chi nhánh và các điểm giao dịch, phạm vi hoạt động, hạn chế về đối tượng khách hàng và tiền gửi được phép huy động, khả năng mở rộng dịch vụ ngân hàng. Nguy cơ mất dần lợi thế cạnh tranh về quy mô, khách hàng và hệ thống kênh phân phối là nhãn tiền khi mà các hỗ trợ từ phía Chính phủ, NHNN thông qua các rào cản, phân biệt đối xử không còn nữa. Mở cửa thị trường tài chính trong nước cũng làm tăng rủi ro do những tác động từ bên ngoài, cơ hội tận dụng chênh lệch tỉ giá, lãi suất giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế giảm dần. Hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng phải đối mặt với các cú sốc kinh tế, tài chính quốc tế và nguy cơ khủng hoảng.

Thể chế của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam còn một số bất cập, hệ thống pháp luật về ngân hàng còn thiếu đồng bộ. Quy trình quản trị trong các tổ chức tín dụng nói chung vẫn chưa phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế, tính minh bạch thấp, chưa hình thành môi trường làm việc và kinh doanh lành mạnh.

Tăng trưởng tín dụng dự kiến giảm so với các năm trước do hầu hết các ngành nghề chịu tác động tiêu cực do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, nhu cầu vay vốn của toàn thị trường giảm sút. Đồng thời, nguồn thu nhập của các khách hàng đều giảm hoặc không duy trì ổn định gây nguy cơ gia tăng nợ xấu, nợ quá hạn, làm suy giảm chất lượng tài sản của toàn ngành Ngân hàng trong thời gian tới.

Nhận thức được thuận lợi và khó khăn kể trên, SeABank tiếp tục tập trung tăng trưởng tín dụng gắn liền với kiểm soát nợ xấu. SeABank đã thực hiện quản trị rủi ro tốt, tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,76% trong 6 tháng đầu năm 2021, tuân thủ quy định tỷ lệ nợ xấu dưới 3% của NHNN. SeABank đã kiểm soát tốt chi phí thông qua việc xác định và cắt giảm các chi phí không cần thiết và tăng năng suất làm việc. Đồng thời, Ngân hàng tập trung vào các biện pháp tăng doanh thu thông qua cải cách cơ cấu thu nhập.

SeABank đã đẩy mạnh việc ứng dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ tiên tiến phù hợp với trình độ phát triển của hệ thống ngân hàng cũng như tuân thủ các chuẩn mực quốc tế, phát triển

hệ thống giao dịch trực tuyến, gia tăng năng lực cạnh tranh theo hướng tự động hoá và nền công nghiệp 4.0.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh;

Để đáp ứng Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, việc tăng vốn điều lệ là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với các Ngân hàng TMCP. Năm 2019, SeABank đã hoàn thành đợt tăng vốn từ 7.688 tỷ đồng lên 9.369 tỷ đồng bằng hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Năm 2020, SeABank thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu nâng mức vốn điều lệ lên 12.087,4 tỷ đồng. Quý III/2021, SeABank đã tăng vốn điều lệ lên 13.424,88 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Việc tăng vốn điều lệ giúp SeABank nâng cao năng lực tài chính, tăng cường khả năng chống đỡ rủi ro và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về hoạt động Ngân hàng.

Bảng 32. Báo cáo vốn chủ sở hữu (Hợp nhất)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm 2020/2019	6T/2021
Vốn của TCTD	9.369	12.087	29,02%	12.087
Vốn điều lệ	9.369	12.087	29,02%	12.087
Vốn khác	-	-	-	-
Quỹ của TCTD	232	456	96,61%	456
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(10)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.325	1.127	-14,95%	2.346
Tổng cộng	10.926	13.670	25,12%	14.880

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Bảng 33. Báo cáo vốn chủ sở hữu (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm 2020/2019	Quý II/2021
Vốn của TCTD	9.369	12.087	29,02%	12.087
Vốn điều lệ	9.369	12.087	29,02%	12.087
Vốn khác	-	-	-	-
Quỹ của TCTD	198	419	111,94%	419
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(10)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.386	1.307	-5,73%	2.555
Tổng cộng	10.953	13.813	26,12%	15.051

(Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC riêng lẻ 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
▪ Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	5 – 7 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	4 – 7 năm

2.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 34. Số lượng và thu nhập người lao động

(Đơn vị: triệu đồng/người/tháng)

Chỉ tiêu	2019		2020		30/06/2021	
	SL nhân viên bình quân năm 2019 (người)	Thu nhập bình quân	SL nhân viên bình quân năm 2020 (người)	Thu nhập bình quân	SL nhân viên bình quân 6T/2021 (người)	Thu nhập bình quân
Hợp nhất	4.067	19,96	4.338	21,38	4.406	23,16
Ngân hàng mẹ	3.872	20,08	3.987	22,33	4.109	23,65

(Nguồn: SeABank)

Mức lương bình quân của SeABank là tương đối cạnh tranh so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn Hà Nội.

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 35. Tình hình công nợ (Hợp nhất)

(Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I. CÁC KHOẢN PHẢI THU	6.908.897	6.093.518	7.308.678
Các khoản phải thu nội bộ	384.859	360.036	417.518
Các khoản phải thu bên ngoài	749.480	922.791	1.333.428
Các khoản lãi, phí phải thu	3.380.276	2.598.213	2.680.026
Tài sản Có khác	2.421.265	2.247.143	2.918.500
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(26.983)	(34.665)	(41.094)
II. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ	146.472.446	166.536.910	172.055.265
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	238.592	205.702	190.419

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Tiền gửi và vay các TCTD khác	31.469.651	42.516.673	52.062.705
Tiền gửi của khách hàng	95.727.318	113.276.597	107.983.872
Các công cụ tài chính phải sinh và nợ phải trả tài chính khác	-	-	27.721
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	1.020	1.020	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	15.679.180	7.064.740	8.180.010
Các khoản nợ khác	3.356.685	3.472.178	3.609.518

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Bảng 36. Tình hình công nợ (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I. CÁC KHOẢN PHẢI THU	6.048.261	5.138.910	6.314.624
Các khoản phải thu nội bộ	376.289	362.150	423.755
Các khoản phải thu bên ngoài	708.404	701.982	1.046.177
Các khoản lãi, phí phải thu	3.378.834	2.594.434	2.673.295
Tài sản Có khác	1.599.091	1.501.972	2.199.454
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(14.357)	(21.628)	(28.057)
II. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ	146.940.230	166.711.283	172.086.063
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	238.592	205.702	190.419
Tiền gửi và vay các TCTD khác	31.837.375	42.699.830	52.079.366
Tiền gửi của khách hàng	95.732.770	113.298.248	108.030.839
Các công cụ tài chính phải sinh và nợ phải trả tài chính khác	-	-	27.721
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	15.823.180	7.064.740	8.180.010
Các khoản nợ khác	3.308.313	3.442.763	3.577.708

(Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC riêng lẻ 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

SeABank luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. SeABank không có bất kỳ khoản quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này.

2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

SeABank luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản thuế khác theo đúng quy định.

Bảng 37. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Hợp nhất)

(Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	178.630	186.013	275.549
Thuế giá trị gia tăng	3.506	3.923	31.824
Thuế thu nhập doanh nghiệp	169.414	176.098	236.948
Thuế thu nhập cá nhân	5.710	5.992	6.777

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Bảng 38. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	175.189	183.946	274.552
Thuế giá trị gia tăng	3.506	3.923	31.824
Thuế thu nhập doanh nghiệp	166.373	174.376	236.517
Thuế thu nhập cá nhân	5.310	5.647	6.211

(Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC riêng lẻ 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

2.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Bảng 39. Số dư các Quỹ của SeABank (Hợp nhất)

(Đơn vị: triệu đồng)

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	10.762	13.627	30.915
Quỹ dự phòng tài chính	138.275	287.688	287.688
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	93.715	168.422	168.422
Tổng các quỹ	242.752	469.737	487.025

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Bảng 40. Số dư các Quỹ của SeABank (Ngân hàng mẹ)

(Đơn vị: triệu đồng)

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	10.762	13.627	30.915
Quỹ dự phòng tài chính	115.462	263.052	263.052
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	82.308	156.104	156.104
Tổng các quỹ	208.532	432.783	450.071

(Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC riêng lẻ 6 tháng 2021 đã soát xét của SeABank)

Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. SeABank thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của SeABank và quy định của pháp luật hiện hành.

2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của SeABank kể từ thời điểm kết thúc năm 2020

Không có

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 41. Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019		Năm 2020	
			Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ
1	Chỉ tiêu về vốn					
-	Vốn Điều lệ	Triệu VND	9.369.000	9.369.000	12.087.442	12.087.442
-	Vốn tự có	Triệu VND	14.785.128	14.158.334	14.868.702	14.284.506
-	Tỷ lệ an toàn vốn	%	12,12	11,63	11,5	11,07
2	Chất lượng tài sản					
-	Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,45	2,45	1,97	1,95
-	Tỷ lệ nợ xấu	%	2,31	2,31	1,86	1,86
-	(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	63,46%	63,26%	60,47%	60,28%
-	Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	95,09%	95,61%	96,24%	96,75%
3	Khả năng thanh khoản					
-	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	%	14,82	14,82	11,74	11,74
-	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	17,93	17,93	22,8	22,8
-	Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	75,25	75,25	74,83	74,83
4	Kết quả hoạt động kinh doanh					
-	Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,47%	14,98%	14,06%	14,87%
-	Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,93%	0,96%	1,02%	1,09%
-	Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	2,11%	2,10%	1,92%	1,91%

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019		Năm 2020	
			Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):					
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,74%	0,77%	0,81%	0,87%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):					
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,43%	11,98%	11,06%	11,92%
-	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND	1.140		1.223	
-	Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	3,78%	3,59%	3,71%	3,52%
-	Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	24,12%	22,32%	20,60%	18,56%

(Nguồn: SeABank)

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC riêng năm 2019 số 0656/VN1A-HN-BC ngày 16/03/2020 của SeABank như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng."*

- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2019 số 0657/VN1A-HN-BC ngày 16/03/2020 của SeABank như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."*

3.2. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

- Ý kiến của Công ty TNHH KPMG thực hiện kiểm toán BCTC riêng năm 2020 số 20-02-00250-21-3 ngày 15/03/2021 của SeABank như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."*

- Ý kiến của Công ty TNHH KPMG thực hiện kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2020 số 20-02-00250-21-4 ngày 15/03/2021 của SeABank như sau: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp"*

nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

3.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2021

- Ý kiến của Công ty TNHH KPMG thực hiện soát xét BCTC riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 số 21-02-00142-21-1 ngày 12/08/2021 của SeABank như sau: "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày của Ngân hàng, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ."

- Ý kiến của Công ty TNHH KPMG thực hiện soát xét BCTC hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 số 21-02-00142-21-2 ngày 12/08/2021 của SeABank như sau: "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày của Ngân hàng và các công ty con, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ."

4. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

4.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 42. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với TH năm 2020
Thu nhập lãi thuần (tỷ đồng)	3.062	5.067	65,48%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1.360	1.931	41,99%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	44,42%	38,11%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	11,06%	11,82%	-
Cổ tức (*)	9,1206%	-	-

(Nguồn: SeABank)

() Ngân hàng đã thực hiện thủ tục chi trả cổ tức năm 2020 thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 9,1206%*

ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua kế hoạch lợi nhuận năm 2021 và chưa thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho năm 2021.

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Với trên 27 năm hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng, SeABank đã đạt được các kết quả kinh doanh và phát triển ấn tượng, đặc biệt là trong những năm gần đây. Giai đoạn 2018-2020 mức vốn điều lệ tăng lên gấp 121,16% từ mức 5.465,8 tỷ đồng đầu tháng 12/2018 lên đến 12.087,4 tỷ đồng tháng 10/2020. Trong năm 2019, SeABank đã xử lý toàn bộ trái phiếu đặc biệt tại VAMC và trích đầy đủ dự phòng rủi ro theo quy định, chất lượng tín dụng của Ngân hàng vẫn luôn được đảm bảo và kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN. Tỷ lệ nợ xấu luôn dưới 3%, tỷ lệ nợ xấu tại 31/12/2020 là 1,86%, tỷ lệ nợ quá hạn là 1,97%. Tại 30/06/2021, tỷ lệ nợ xấu là 1,76%, tỷ lệ nợ quá hạn là 1,90%.

Tháng 10/2019, Thống đốc NHNN phê duyệt cho SeABank được áp dụng trước thời hạn Thông tư 41/2016/TT-NHNN - trụ cột 1 và 3 của Basel II - công nhận đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực quốc tế Basel II. Đến tháng 7/2020, SeABank đã hoàn thành trụ cột 2 của Basel II - Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP). SeABank là ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II.

Việc hoàn thành sớm Basel II khẳng định khả năng, tiềm lực của SeABank đối với công tác quản trị rủi ro cũng như cho thấy khả năng tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của Ngân hàng. Không dừng lại ở đó, Ngân hàng đang tiếp tục từng bước thực hiện mục tiêu tiếp cận với những thông lệ quốc tế toàn diện hơn, bao gồm Basel II IRB, IFRS 9 và Basel III. Hiện SeABank đã bước đầu đạt được những kết quả triển khai cho giai đoạn tiếp theo, từ đó khẳng định việc lựa chọn triển khai các thông lệ quốc tế là hoàn toàn phù hợp với năng lực và định hướng của SeABank.

Thêm vào đó trong năm 2019, NHNN đã quyết định lựa chọn SeABank là 1 trong 4 ngân hàng đầu tiên thực hiện thanh toán ngoại tệ trên hệ thống Citad, cùng với SGD NHNN, Ngân hàng Kookmin và Ngân hàng Malayan Banking Berhad. Trong đó, SeABank là ngân hàng TMCP duy nhất và cũng là đơn vị duy nhất được cấp 2 mã giao dịch cho Hội sở và CN HCM. Tháng 3/2020, SeABank đã nâng cấp toàn diện hệ thống Citad để tiếp nhận và xử lý giao dịch thanh toán liên Ngân hàng theo chuẩn IBPS mới (từ IBPS 2.0 lên IBPS 2.5). SeABank đã tiến hành xây dựng và nâng cấp thành công hệ thống AIP về xử lý giao dịch tiền tệ về, bổ sung nhiều tính năng, tiện ích theo chuẩn kết nối mới.

SeABank nâng cấp thành công hệ thống ngân hàng lõi T24 Corebanking lên phiên bản R18 - phiên bản hiện đại nhất thế giới hiện nay. Năm 2020, R18 tiếp tục được nâng cấp và bổ sung nhiều tính năng quan trọng, phù hợp với quy mô, mức độ phức tạp hoạt động và yêu cầu quản trị, điều hành.

Các kết quả đạt được trong các năm qua cho thấy sự đúng đắn về quản trị, chiến lược phát triển và định hướng kinh doanh của SeABank.

Năm 2020, dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 hoành hành tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu và khu vực cũng như kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh đó, SeABank vẫn tiếp tục đạt được những thành tích đáng kể, lợi nhuận sau thuế cả năm 2020 hợp nhất là 1.360 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra nhờ quản trị rủi ro tốt và có các biện pháp phòng ngừa thích hợp để

đối mặt với khó khăn như hỗ trợ khách hàng về thời hạn trả nợ, lãi suất, giảm phí, các chính sách tín dụng phù hợp, đồng thời đề ra các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

Năm 2021, lợi nhuận của ngân hàng mẹ và các công ty con tiếp tục đến từ hoạt động kinh doanh, cho vay, hoạt động thu phí dịch vụ và các khoản thu ngoài lãi từ các hoạt động chủ yếu như hoạt động bảo hiểm, thu phí từ dịch vụ gia tăng từ tài khoản khách hàng, từ kênh giao dịch điện tử, dịch vụ thẻ; thu hút dòng tiền huy động không kỳ hạn để giảm chi phí vốn và tối ưu hóa/tiết kiệm chi phí hoạt động của hệ thống.

SeABank dự kiến thu nhập lãi và lợi nhuận hợp nhất năm 2021 tăng trưởng cao hơn so với tăng trưởng của Ngân hàng mẹ do hoạt động của công ty con dự kiến tăng trưởng tốt hơn trong năm 2021. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế hợp nhất kế hoạch 2021 thấp hơn lợi nhuận ngân hàng mẹ do cần bù đắp khoản phân bổ lợi thế thương mại hợp nhất hàng năm của công ty con.

Trong năm 2021, SeABank dự kiến tiếp tục mở rộng mạng lưới kinh doanh thông qua việc hợp tác, khai thác hệ sinh thái của các đối tác chiến lược. SeABank dự kiến thu lãi thuần năm 2021 tăng trưởng 15%. Dự kiến thu thuần ngoài lãi năm 2021 của SeABank tăng trưởng mạnh so với năm 2020 đạt mức tăng 50%. Thêm vào đó, SeABank tiếp tục quản trị chặt chẽ nợ quá hạn, dùng các biện pháp để thu hồi các khoản nợ quá hạn và tiếp tục tối ưu, tiết giảm chi phí hoạt động, giảm tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập từ 51% xuống 48,5%. Do đó, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của SeABank năm 2021 dự kiến tăng trưởng 41,99% so với năm 2020.

Ngoài ra, trong thời gian tới, SeABank tiếp tục thực thi các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, cải thiện hiệu quả vận hành và tiết giảm chi phí, đồng thời triển khai các dự án có đối tác tư vấn nước ngoài để tăng cường năng lực quản trị nội bộ các mảng như quản lý rủi ro, công nghệ thông tin, quản trị nhân lực. Mục tiêu kinh doanh của SeABank trong năm 2021-2022 như sau:

- Tập trung và đẩy mạnh thu phí dịch vụ và các khoản thu ngoài lãi;
- Cải thiện biên độ sinh lời phân khúc/sản phẩm; tập trung phát triển sản phẩm mới/sản phẩm đặc thù có hiệu quả và có khả năng sinh lời cao, phù hợp với nhu cầu khách hàng;
- Tối ưu hóa chi phí hoạt động, tập trung đầu tư các dự án công nghệ trọng điểm, các tiện ích tích hợp trên nền tảng công nghệ, hướng tới nền tảng digital banking và chiến lược hội tụ số;
- Đa dạng hóa sản phẩm cho vay, phát triển các sản phẩm cho vay tín chấp;
- Tăng chất lượng tài sản và quản trị chặt chẽ nợ xấu; xử lý triệt để nợ xấu cần xử lý;
- Tăng trưởng dư nợ tín dụng phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo định hướng của SeABank và phù hợp với quy định của NHNN. Đồng thời, tập trung phát triển sản phẩm có margin sinh lợi cao và các sản phẩm mới dư nợ tín chấp Khách hàng cá nhân;
- Bám sát tình hình tăng trưởng tín dụng để điều chỉnh kế hoạch huy động vốn phù hợp. Thực hiện chính sách huy động dựa trên nhu cầu sử dụng vốn, đảm bảo cân đối được nhu cầu giải ngân, đảm bảo thanh khoản và thu hẹp dần chênh lệch kỳ hạn giữa cho vay và huy động;

Song song với các mục tiêu trên tại các thị trường đang khai thác, SeABank cũng sẽ mở thêm chi nhánh, phòng giao dịch tại những địa bàn có tiềm năng kinh doanh.

4.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được ĐHCĐ, HĐQT thông qua

(Các dự án đang được SeABank triển khai được trình bày chi tiết tại Mục 10.5 Phần IV)

4.4. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của SeABank đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 16.598 tỷ đồng với 04 cấu phần: trả cổ tức bằng cổ phiếu (110.244.161 cổ phiếu), phát hành cổ phiếu cho người lao động (23.500.000 cổ phiếu), phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (136.000.0000 cổ phiếu) và phát hành cổ phiếu riêng lẻ (181.311.631 cổ phiếu).

Ngày 22/6/2021, NHNN đã có công văn số 4430/NHNN-TTGSNH chấp thuận việc SeABank tăng vốn điều lệ tối đa thêm 2.697.441.610.000 đồng bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu cho người lao động và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Tháng 7 và tháng 8 năm 2021, SeABank đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 9,1206% và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tăng vốn điều lệ từ 12.087,44 tỷ đồng lên 13.424,88 tỷ đồng

Hiện tại SeABank đang triển khai việc phát hành 136.000.000 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, dự kiến sau khi hoàn thành đợt chào bán mức vốn điều lệ mới là 14.784,88 tỷ đồng.

Ngày 19/07/2021, Đại hội đồng cổ đông của SeABank đã thông qua Nghị quyết (theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) về việc phát hành 181.311.631 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thay thế phương án phát hành riêng lẻ (cấu phần 04) đã được ĐHCĐ thường niên thông qua trong trường hợp HĐQT xét thấy việc triển khai cấu phần 04 không khả thi trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Trong giai đoạn tới, tùy tình hình thực tế, SeABank sẽ tiếp tục tăng vốn theo kế hoạch tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nhằm nâng cao năng lực tài chính, nâng cao các chỉ số an toàn vốn, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh ngân hàng và gia tăng lợi ích cho các cổ đông.

5. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chào bán, Asean Securities đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu và phân tích về hoạt động kinh doanh của SeABank cũng như về các lĩnh vực kinh doanh mà Ngân Hàng đang hoạt động.

Sự bùng phát của đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu khiến kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam bị tác động nghiêm trọng. Đầu năm 2021 dịch Covid-19 bùng phát nghiêm trọng hơn với những biến thể mới cùng tốc độ lây lan mạnh hơn gây nhiều khó khăn cho nền kinh tế. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh của toàn ngành ngân hàng vẫn đạt được tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2021.

Theo Báo cáo của Tổng cục thống kê, trong 6 tháng đầu năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế từng bước được phục hồi, nhu cầu tín dụng của doanh nghiệp và người dân có xu hướng tăng khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện các đợt giảm lãi suất trong năm 2020. Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế tính đến thời điểm 21/6/2021 đạt 5,47% so với cuối năm 2020, chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu của các Ngân hàng vẫn được kiểm soát tốt. Đây cũng chính là nền tảng vững chắc cho triển vọng khả quan của ngành Ngân hàng trong thời gian tiếp theo.

Với mạng lưới rộng khắp, tiềm lực tài chính vững mạnh, nền tảng công nghệ hiện đại và hệ thống quản trị chuyên nghiệp, SeABank đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp và kế hoạch đồng bộ để tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế. Các kết quả đạt được trong năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 của SeABank cho thấy SeABank hoàn toàn có thể đạt được kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo và nhà đầu tư sẽ tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, cổ đông sáng lập phải nắm giữ cổ phần của mình trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo quy định tại Điều 55 Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010: Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% vốn điều lệ của TCTD; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.

Đối với SeABank, Ngân hàng được thành lập từ tháng 03 năm 1994, do đó các cổ đông sáng lập của SeABank không còn bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông.

2. Thông tin cổ đông lớn

❖ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank**

Bảng 43. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của SeABank

STT	Tên	Địa chỉ	Tổng số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ	Số 14 Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội	86.591.636	6,450%
Tổng cộng			86.591.636	6,450%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 01/09/2021

❖ **Thông tin cổ đông lớn**

- Tên cổ đông: Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ
- Năm thành lập: Năm 2008
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103111713 do Sở KH và ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/11/2020
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 14 Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội
- Vốn điều lệ: 1.920 tỷ đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Dương Thị Huệ - Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo ủy quyền tại SeABank: Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch HĐQT

- ❖ Số lượng, tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan
- Bảng 44. Số lượng, tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan

STT	Họ và tên cổ đông và người có liên quan	Mối quan hệ	Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Tại thời điểm hiện tại (*)		Dự kiến sau phát hành (**)	
			SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.	Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ	Cổ đông lớn	51.539.981	12,668%	86.591.636	6,450%	95.363.715	6,450%
2.	Bà Nguyễn Thị Nga	Chủ tịch Công ty, Đại diện phần vốn góp tại SeABank	0	0%	1.200.000	0,089%	1.321.564	0,089%
3.	Ông Lê Hữu Báu	Chồng bà Nguyễn Thị Nga	0	0%	54.889.550	4,089%	60.450.080	4,089%
4.	Ông Lê Tuấn Anh	Con trai bà Nguyễn Thị Nga	0	0%	37.319.245	2,780%	41.099.833	2,780%
5.	Bà Lê Thu Thủy	Con gái bà Nguyễn Thị Nga	0	0%	39.844.827	2,968%	43.881.267	2,968%
	Tổng cộng		51.539.981	12,668%	219.845.258	16,376%	242.116.459	16,376%

(*) Theo danh sách cổ đông tại ngày 01/09/2021;

(**) Dự kiến trong trường hợp cổ đông lớn và người có liên quan mua hết số cổ phần được quyền mua của đợt chào bán

Nguồn: SeABank

- ❖ Lợi ích liên quan đến SeABank:

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phú Mỹ hiện là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị SeABank.

- ❖ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank:

Không có

3. Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát và Kế Toán Trưởng

3.1. Hội Đồng Quản Trị

Bảng 45. Danh sách các thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Văn Tàn	Chủ tịch
2	Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch Thường trực
3	Bà Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch
4	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch
5	Ông Bùi Trung Kiên	Thành viên
6	Ông Hoàng Minh Tân	Thành viên
7	Bà Ngô Thị Nhài	Thành viên độc lập
8	Ông Faussier Loic Michel Marc	Thành viên độc lập

❖ Ông LÊ VĂN TÀN - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **LÊ VĂN TÀN**

Năm sinh: **1970**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Quản trị kinh doanh**

Chức vụ hiện nay tại SeABank: **Chủ tịch HĐQT**

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**

Quá trình công tác:

- Từ 04/2018 - nay: **Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á**
- Từ 03/2012 - 04/2018: **Phó chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á**
- Từ 06/2009 - 03/2012: **Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á**
- Từ 2007 - 06/2009: **Giám đốc kinh doanh - Công ty Ô tô Honda Tây Hồ**
- Từ 1995 - 2007: **Giám đốc marketing & bán hàng - Công ty Ô tô GM-Daewoo Việt Nam**
- Từ 1992 - 1995: **Cán bộ - Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội**
- Từ 1988 - 1992: **Sinh viên - Trường Đại học Văn hóa Hà Nội**

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: **54.560 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ SeABank**
- Sở hữu đại diện: **0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ**
- Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank: **0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ**

Các khoản nợ đối với SeABank: **Không có**

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Thù lao và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
2.400	-

(*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có), phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

❖ **Bà NGUYỄN THỊ NGÀ - Phó Chủ tịch Thường trực**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGÀ
 Năm sinh: 1955
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Chủ tịch Thường trực

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Thương mại Quốc tế và Dịch vụ siêu thị Big C Thăng Long
- + Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát
- + Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ
- + Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Tập đoàn BRG
- + Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Thăng Long GTC
- + Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
- + Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
- + Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội.

Quá trình công tác:

- Từ 04/2018 - nay: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 10/2019 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội
- Từ 04/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Thương mại Quốc tế và Dịch vụ siêu thị Big C Thăng Long
- Từ 01/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Thăng Long GTC
- Từ 01/2017 - nay: Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

- Từ 12/2015 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội
- Từ 06/2015 - nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Tập đoàn BRG
- Từ 2010 - nay: Đồng Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát
- Từ 12/2008 - nay: Chủ tịch Công ty, Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ
- Từ 06/2008 - 04/2018: Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 03/2007 - 06/2008: Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 2002- 03/2007: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- Từ 02/1998 - 09/2001: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT, Ủy viên HĐQT, Ngân hàng TMCP Châu Á - Thái Bình Dương
- Từ 2000 - 2013: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Thung Lũng Vua
- Từ 1992 - 1999: Kinh doanh tự do
- Từ 1987 - 1991: Sinh viên - Đại học Kinh tế Quốc dân

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 1.200.000 cổ phần, chiếm 0,089% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 86.591.636 cổ phần, chiếm 6,450% vốn điều lệ
(Đại diện Công ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ)

Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Chức vụ nắm giữ tại SeABank	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ	Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ		86.591.636	6,450%
2.	Lê Hữu Bá	Chồng		54.889.550	4,089%
3.	Lê Tuấn Anh	Con trai		37.319.245	2,780%
4.	Lê Thu Thủy	Con gái	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	39.844.827	2,968%

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Thù lao và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
1.600	Mua 1.200.000 cổ phiếu

(*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có), phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

❖ **Bà LÊ THU THỦY - Phó Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: LÊ THU THỦY

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Ngân hàng - Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

Quá trình công tác:

- Từ 06/2019 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 10/2018 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
- Từ 05/2011 - 06/2019: Phó Tổng Giám đốc thứ nhất, Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 08/2007 - 05/2011: Giám đốc đối ngoại và hợp tác quốc tế - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 05/2007 - 08/2007: Trợ lý Giám đốc điều hành - Ngân hàng đầu tư UBS, Hoa Kỳ
- Từ 2003 - 2008: Sinh viên - Đại học George Mason, Virginia, Hoa Kỳ

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 39.844.827 cổ phần, chiếm 2,968% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Chức vụ nắm giữ tại SeABank	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Nguyễn Thị Nga	Mẹ đẻ	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	1.200.000	0,089%
2.	Lê Hữu Báu	Bố đẻ		54.889.550	4,089%
3.	Lê Tuấn Anh	Anh trai		37.319.245	2,780%
4.	Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ	Mẹ đẻ - Bà Nguyễn Thị Nga là Chủ tịch HĐQT		86.591.636	6,450%

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Mức lương cơ bản trong 8 tháng đầu năm 2021 (**) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
800	238	Mua 1.616.000 cổ phiếu

(*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có), phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(**) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp, thưởng và lợi ích khác, phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank:

+ Tên doanh nghiệp: Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (là công ty con do SeABank sở hữu 100% vốn, thông tin chi tiết tại mục IV. 5.2 Danh sách công ty con)

+ Mối quan hệ với doanh nghiệp: Bà Lê Thu Thủy là Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện

+ Sở hữu của Bà Lê Thu Thủy tại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện: 0% vốn điều lệ Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các Hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua theo quy định. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết về các giao dịch với bên có liên quan.

❖ **Bà KHÚC THỊ QUỲNH LÂM - Phó Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: KHÚC THỊ QUỲNH LÂM

Năm sinh: 1973

Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật, Cử nhân Ngoại ngữ
Chức vụ hiện nay tại SeABank:	Phó Chủ tịch HĐQT
Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu - Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Dược - Vật tư y tế Nghệ An - Thành viên HĐQT - Công ty CP Dịch vụ - XNK Nông sản Hà Nội - Chủ tịch HĐQT - Công ty CP ĐT và KD BĐS Smart key
Quá trình công tác:	
• Từ 02/2015 - nay:	Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
• Từ 05/2021 – nay:	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Dược - Vật tư y tế Nghệ An
• Từ 02/2021 – nay:	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP đầu tư và kinh doanh BĐS Smart key
• Từ 10/2020 - nay:	Thành viên HĐQT - CTCP Dịch vụ - XNK Nông sản Hà Nội
• Từ 08/2020 – 05/2021:	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Nông Thủy Sản Nghệ An
• Từ 06/2020 – 05/2021:	Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP
• Từ 12/2017- 04/2021:	Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam
• Từ 12/2017 - nay:	Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu
• Từ 2006 - 2008	Chánh Văn phòng HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
• Từ 2009 - 2018	Phó Tổng Giám đốc- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
• Từ 03/2012 - 02/2015	Thành viên Hội đồng Quản trị - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
• Từ 2003 - 2006:	Trưởng Ban kiểm soát - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
• Từ 2001 - 2006:	Phó Giám đốc CN Hà Nội - Công ty TNHH Thung Lũng Vua
• Từ 1996 - 2000:	Thư ký, Trợ lý HĐQT - Ngân hàng TMCP Châu Á - Thái Bình Dương
• Từ 1991 - 1996:	Sinh viên - Đại học Luật Hà Nội

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- **Sở hữu cá nhân:** 31.584 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,002%
- **Sở hữu đại diện:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- **Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Thù lao và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
800	-

(*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có), phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

❖ **Ông HOÀNG MINH TÂN - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: HOÀNG MINH TÂN
- Năm sinh: 1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần du lịch dịch vụ Thủy sản Đồ Sơn
 - Chủ tịch HĐQT - Công ty CP xi măng Mỹ Đức
- Quá trình công tác:
 - Từ 2004 - nay: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
 - Từ 2018 - nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Du lịch dịch vụ Thủy sản Đồ Sơn
 - Từ 10/2019 - nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty CP xi măng Mỹ Đức
 - Từ 10/2003 - 01/2009 và Từ 11/2015 - 05/2019: Giám đốc - Công ty CP Du lịch Thung lũng Nữ Hoàng

- Từ 2003 - 2004: Phó Giám đốc - Công ty Thương mại và Xây dựng Phụng Hoàng
- Từ 2002 - 2003: Phó Giám đốc - Công ty Thương mại và Xây dựng Hải Yến
- Từ 2000 - 2002: Kinh doanh tự do
- Từ 1996 - 2000: Chuyên viên - Công ty Thương mại và Sản xuất hàng xuất khẩu Hà Nội
- Từ 1992 - 1996: Sinh viên - Đại học Mở Hà Nội

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- *Sở hữu cá nhân:* 71.824 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,005%
- *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- *Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:* 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Thù lao và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
400	Mua 50.000 cổ phiếu

(*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có), phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

❖ Ông BÙI TRUNG KIÊN - Thành viên HĐQT

Họ và tên:	BÙI TRUNG KIÊN
Năm sinh:	1964
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện nay tại SeABank:	Thành viên HĐQT
Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng và thương mại Đức Thịnh - Chủ tịch HĐQT - CTCP Ô tô công nghiệp Trường Sơn

Quá trình công tác:

- Từ 04/2018 - nay: Thành viên HĐQT- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 12/2008 - nay: Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Đức Thịnh
- Từ 12/2016 - Nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Ô tô công nghiệp Trường Sơn
- Từ 06/2019 -09/2020: Chủ tịch HĐQT - Tổng công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam - CTCP
- Từ 06/2008 - 03/2018: Trưởng Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 10/2005 - 06/2008: Kinh doanh tự do
- Từ 10/2002 - 10/2005: Chuyên viên Kế toán - Công ty Du lịch Dịch vụ Lâm Nghiệp
- Từ 9/1999 - 10/2002: Kế toán trưởng - Công ty CBKD Lâm sản Tây Bắc
- Từ 1989 - 9/1999: Phụ trách Kế toán chi nhánh Hà Nội, Kế toán - Công ty Sản xuất kinh doanh Lâm sản Hòa Bình
- Từ 1983 - 1988: Sinh viên - Đại học Lâm nghiệp, Hà Nội

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- **Sở hữu cá nhân:** 30.000 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ
- **Sở hữu đại diện:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng và thương mại Đức Thịnh	Ông Bùi Trung Kiên là Chủ tịch Công ty	50.164.139	3,737%

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Thù lao và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
400	Mua 30.000 cổ phiếu

(*)Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có), phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

❖ **Bà NGÔ THỊ NHÀI - Thành viên độc lập HĐQT**

Họ và tên:	NGÔ THỊ NHÀI
Năm sinh:	1988
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện nay tại SeABank:	Thành viên độc lập HĐQT
Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có

Quá trình công tác:

- Từ 04/2018 - nay: Thành viên độc lập HĐQT- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 2017 - 04/2018: Kế toán trưởng - Công ty CP Du lịch và Thương mại Quốc tế Vinatour
- Từ 2015 - 2017: Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ - Công ty TNHH Charlione Việt Nam
- Từ 2010 - 2015: Kiểm toán viên - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Từ 2006 - 2010: Sinh viên - Đại học Kinh tế Quốc dân

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- **Sở hữu cá nhân:** 10.000 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ
- **Sở hữu đại diện:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- **Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Thù lao và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
640	Mua 10.000 cổ phiếu

(*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có), phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

❖ **Ông Faussier Loic Michel Marc- Thành viên độc lập HĐQT**

Họ và tên: Faussier Loic Michel Marc

Năm sinh: 1972

Quốc tịch: Pháp

Trình độ chuyên môn: - Cử nhân kinh tế - Đại học Panthéon - Assas University Paris II;
- Thạc sĩ Luật kinh doanh – Viện Nghiên cứu Chính trị Paris;
- Thạc sĩ Tài chính – Đại học Paris Dauphine University.

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên độc lập HĐQT

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: - Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH VNInvest Partners
- Chủ tịch Công ty, Giám đốc - Công ty TNHH Tài chính Lotus

Quá trình công tác:

- Từ 04/2021 – nay: Thành viên độc lập HĐQT – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank).
- Từ 2018 – nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH VNInvest Partners
- Từ 2017 – nay: Chủ tịch Công ty, Giám đốc - Công ty TNHH Tài chính Lotus
- Từ 2012 – 2018: Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)
- Từ 2007 – 2012: Giám đốc Ngân hàng toàn cầu - Ngân hàng HSBC Việt Nam
- Từ 2003 – 2007: Phó Giám đốc Khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng HSBC Nhật Bản
- Từ 2000 – 2003: Giám đốc quan hệ khách hàng - Ngân hàng HSBC Hồng Kông
- Từ 1998 – 2000: Bộ phận khách hàng tổ chức và doanh nghiệp - Ngân hàng HSBC Pháp
- Từ 1997 – 1998: Bộ phận chuyên gia phân tích tín dụng - Ngân hàng Citibank Pháp

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 1.200.000 cổ phần, chiếm 0,089% vốn điều lệ
(Đại diện Công ty TNHH Đầu tư Tài chính và Thương mại Vạn Lộc)

Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Công ty TNHH Đầu tư Tài chính và Thương mại Vạn Lộc	Ông Loic là người đại diện phần vốn góp tại SeABank	50.862.129	3,789%

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Thù lao và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
469	-

(*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên HĐQT có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có), phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thù lao của Ông Faussier Loic Michel Marc tính từ ngày 23/4/2021 được bầu là Thành viên độc lập HĐQT.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

3.2. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của SeABank theo Điều Lệ của SeABank. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc chuyên trách làm việc tại SeABank gồm:

Bảng 46. Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Bà Lê Thu Thủy	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
3	Ông Vũ Đình Khoán	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc
9	Bà Đặng Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc

❖ **Bà LÊ THU THỦY - Tổng Giám đốc**

(Xem tại phần Sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị)

❖ **Ông LÊ QUỐC LONG - Phó Tổng Giám đốc Thường trực**

Họ và tên:	LÊ QUỐC LONG
Năm sinh:	1965
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính kế toán, Đại học Tài chính kế toán Hà Nội Cử nhân Luật, Đại học Luật Hà Nội

Phó Tổng Giám Đốc Thường trực

Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Tài chính
TNHH MTV Bưu điện

Phó Tổng Giám đốc Thường trực - Ngân hàng TMCP
Đông Nam Á

Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính
TNHH MTV Bưu điện

Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

Cán bộ kế toán/cán bộ tín dụng/Phó phòng tín dụng/
Trưởng phòng tín dụng/Phó Giám đốc - chi nhánh Hà
Nội/

Giám đốc chi nhánh Bắc Ninh - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Cán bộ Phòng kinh doanh - Công ty Lâm sản Hà Nội.

Chiến sỹ - Quân Đoàn 29/Quân Khu II

- **Sở hữu cá nhân:** 5.810.022 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,433%

- Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Tiền lương và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

(*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp, thưởng và lợi ích khác, phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank:

+ Tên doanh nghiệp: Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (là công ty con do SeABank sở hữu 100% vốn, thông tin chi tiết tại mục IV. 5.2 Danh sách công ty con)

+ Mỗi quan hệ với doanh nghiệp: Ông Lê Quốc Long là Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện

+ Sở hữu của Ông Lê Quốc Long tại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện: 0% vốn điều lệ Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các Hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua theo quy định. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết về các giao dịch với bên có liên quan.

❖ **Ông VŨ ĐÌNH KHOẢN - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **VŨ ĐÌNH KHOẢN**

Năm sinh: **1969**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân**

Kỹ sư Mô Địa Chất

Chức vụ hiện nay tại SeABank: **Phó Tổng Giám Đốc**

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản SeABank**

Quá trình công tác:

- 06/2013- Nay **Phó Tổng Giám đốc, SeABank**
- 06/2016 - Nay **Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản SeABank**
- 07/2012-06/2013 **Giám đốc Khối Kiểm soát, Giám đốc Khối Hỗ trợ & Phát triển - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á**
- 08/2007-06/2012 **Quyền Giám đốc, Giám đốc, Chủ tịch Ban tín dụng phía Bắc, Giám đốc Vùng I - Ngân hàng Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội**
- 10/2006- 07/2007 **Phó Giám đốc Chi nhánh - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên**
- 01/2003-09/2006 **Chánh Văn phòng HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam**
- 05/2002-12/2002 **Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Thanh toán Quốc tế - Ngân hàng TMCP Hải Phòng**
- 05/1996-03/2002 **Cán bộ tín dụng, Phó phòng Tín dụng HO, Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp - Ngân hàng Châu Á Thái Bình Dương**

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- **Sở hữu cá nhân:** **5.125.755 cổ phần, chiếm 0,382% vốn điều lệ**
- **Sở hữu đại diện:** **0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ**

- Sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank::

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Tiền lương và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản trong 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
238	Mua 2.096.900 cổ phiếu

(*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp, thưởng và lợi ích khác, phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

❖ **Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
Năm sinh:	1975
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân
Chức vụ hiện nay tại SeABank:	Phó Tổng Giám Đốc
Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
Quá trình công tác:	
• 07/2016 - nay	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính và Kế hoạch, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
• 10/2018- nay	Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
• 07/2008 - 09/2017	Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính và Kế hoạch - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
• 04/2007 - 06/2008	Kế toán trưởng - Công ty Chứng khoán SASC
• 01/2006 - 03/2007	Trợ lý Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
• 07/1996 - 12/2005	Trợ lý Kiểm toán viên, Kiểm toán viên cao cấp - Công ty Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC)

• 10/1992 - 06/1996

Sinh viên - Đại học Kinh tế Quốc dân

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- *Sở hữu cá nhân:* 5.579.953 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,416% vốn điều lệ
- *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- *Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:* 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank:

Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Tiền lương và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản trong 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
238	Mua 2.533.000 cổ phiếu

(*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp, thưởng và lợi ích khác, phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank:

+ Tên doanh nghiệp: Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (là công ty con do SeABank sở hữu 100% vốn, thông tin chi tiết tại mục IV. 5.2 Danh sách công ty con)

+ Mối quan hệ với doanh nghiệp: Bà Nguyễn Thị Thu Hương là Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện

+ Sở hữu của Bà Nguyễn Thị Thu Hương tại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện: 0% vốn điều lệ Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các Hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua theo quy định. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết về các giao dịch với bên có liên quan.

❖ **Bà TRẦN THỊ THANH THỦY - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: TRẦN THỊ THANH THỦY

Năm sinh: 1965

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 08/2015- Nay Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 03/2014- 07/2015 Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Khách hàng đặc biệt - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- 12/2012-3/2014 Trưởng phòng Phòng Khách hàng đặc biệt, Ngân hàng - Ngoại thương Việt Nam
- 06/1997-12/2012 Phó phòng Phòng Hối đoái - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- 07/1995- 06/1997 Phó phòng Phòng Ngân hàng Đại lý - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- 04/1994-07/1995 Cán bộ Phòng Quan hệ Quốc tế - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
- 12/1988-04/1994 Cán bộ Phòng thanh toán Phi Mậu Dịch - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 618.840 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,046% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Tiền lương và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản trong 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
238	Mua 540.000 cổ phiếu

(*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp, thưởng và lợi ích khác, phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

❖ Ông NGUYỄN NGỌC QUỲNH - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: NGUYỄN NGỌC QUỲNH
 Năm sinh: 1973
 Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Học viện Ngân hàng

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
- Chủ tịch Công đoàn SeABank Hội sở.

Quá trình công tác:

- 2016 - nay Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 12/2017 - nay Chủ tịch Công đoàn SeABank Hội sở
- 10/2018 - nay Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
- 04/2004 - 05/2016 Trưởng Phòng/Giám đốc Khối Nguồn vốn & Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 01/2001 - 03/2004 Nhân viên - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt nam
- 06/1996 - 12/2000 Phó phòng huy động tiền gửi - Ngân hàng TMCP Châu Á Thái Bình Dương
- 10/1995 - 05/1996 Nhân viên - Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- *Sở hữu cá nhân:* 5.192.815 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,387% vốn điều lệ
- *Sở hữu đại diện:* 287.627 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,021% vốn điều lệ
(Đại diện công đoàn SeABank Hội sở)
- *Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:*

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Chức vụ nắm giữ tại SeABank	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Công đoàn SeABank Hội sở	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh là Chủ tịch Công đoàn		287.627	0,021%

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Tiền lương và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản trong 8 tháng đầu năm 2021 ⁽¹⁾ (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
238	Mua 2.091.900 cổ phiếu

(*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp, thưởng và lợi ích khác, phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank:

+ Tên doanh nghiệp: Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện (là công ty con do SeABank sở hữu 100% vốn, thông tin chi tiết tại mục IV. 5.2 Danh sách công ty con)

+ Mối quan hệ với doanh nghiệp: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh là Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện

+ Sở hữu của Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh tại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện: 0% vốn điều lệ Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các Hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua theo quy định. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết về các giao dịch với bên có liên quan

❖ **Ông HOÀNG MẠNH PHÚ - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: HOÀNG MẠNH PHÚ

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Học viện Ngân hàng

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 06/2018 - Nay Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 06/2001 - 06/2018 Trưởng Phòng Kinh Doanh, Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, Giám đốc Chi nhánh Láng Hạ, Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 09/1996 - 06/2001 Cán bộ tín dụng, Phó Trưởng Phòng Tín dụng, Ngân hàng TMCP Châu Á - Thái Bình Dương

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 5.088.204 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,379% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Tiền lương và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản trong 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
238	Mua 2.041.900 cổ phiếu

(*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp, thưởng và lợi ích khác, phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

❖ **Ông NGUYỄN TUẤN CƯỜNG - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: NGUYỄN TUẤN CƯỜNG

Năm sinh: 1965

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 12/2012 - Nay: Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 08/2012 - 12/2012: Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin hàm Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng máy chủ và an ninh hệ thống - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 04/2010 - 08/2012: Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin kiêm giữ chức vụ Trưởng phòng Quản trị và An ninh hệ thống - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 01/2009 - 03/2010: Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 01/2005 - 12/2008: Cán bộ Điện toán, Phó trưởng phòng Điện toán, Trưởng phòng Điện toán - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Trước năm 2005: Quản trị mạng - Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB)
- Trước năm 2005: Lập trình viên tại Công ty Kapdion (Đức) và một số công ty trong thời gian tu nghiệp tại Cộng hòa Áo

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 1.189.677 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,089% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Tiền lương và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản trong 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
238	Mua 1.100.000 cổ phiếu

(*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp, thưởng và lợi ích khác, phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

❖ **Bà ĐẶNG THU TRANG - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: ĐẶNG THU TRANG
 Năm sinh: 1981
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế, Đại học Luật Hà Nội
 Chức vụ hiện nay tại SeABank: Phó Tổng Giám Đốc
 Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Quá trình công tác:

- 01/2020 - Nay: Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 04/2018 - 01/2020: Giám đốc VP HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc VP Ban TGD - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
- 07/2013 - 04/2018: Trưởng VP HĐQT hàm Phó Giám đốc Nhân sự - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
- 10/2006 - 07/2013: Thư ký HĐQT, Phó chánh VP HĐQT, Trưởng VP HĐQT, Trưởng Văn phòng Ban TGD - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
- 06/2005 - 10/2006: Cán bộ Pháp chế - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 309.120 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,023% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Tiền lương và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản trong 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
238	Mua 200.000 cổ phiếu

(*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, thành viên Ban TGD có thể được hưởng các khoản phụ cấp, thưởng và lợi ích khác, phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

3.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của SeABank, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Bảng 47. Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Vũ Quốc Việt	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ Bà VŨ THỊ NGỌC QUỲNH - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: VŨ THỊ NGỌC QUỲNH

Năm sinh: 1975

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại SeABank: Trưởng Ban Kiểm soát

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- Từ 04/2021 - Nay: Trưởng BKS - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 03/2012 – 04/2021: Thành viên BKS - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 11/2013 – 04/2021: Giám đốc - Công ty TNHH thương mại Vượng Tiến
- Từ 01/2012 - 03/2012: Kinh doanh tự do
- Từ 08/2007 - 03/2012: Kế toán trưởng - Công ty CP Phát triển TN
- Từ 10/1997 - 07/2007: Kế toán tổng hợp - Công ty Liên Doanh TNHH Hải Hà KoToBuKi
- Từ 09/1993 - 10/1997: Sinh viên - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 31.824 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Thù lao và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
600	Mua 10.000 cổ phiếu

(*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên BKS có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có), phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

❖ **Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG - Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG
 Năm sinh: 1977
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên Ban Kiểm soát
 Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Quá trình công tác:

- Từ 2003 - Nay: Thành viên BKS - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Từ 2000 - 2003: Kiểm soát viên kế toán tài chính, Kế toán viên - Công ty CP Dịch vụ du lịch Thủy Tiên
- Từ 1995 - 1999: Sinh viên - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- *Sở hữu cá nhân:* 31.824 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ
- *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- *Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:* 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Thù lao và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
400	Mua 10.000 cổ phiếu

(*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên BKS có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có), phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

❖ **Ông VŨ QUỐC VIỆT - Thành viên Ban Kiểm soát**

- Họ và tên: Vũ Quốc Việt
- Năm sinh: 1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại SeABank: Thành viên Ban Kiểm soát
- Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng - Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP
- Quá trình công tác:
- Từ 04/2021 – nay: Thành viên BKS – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank)
 - Từ 03/2021 – nay: Kế toán trưởng - Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP
 - Từ 08/2017 – 03/2021: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội

- Từ 03/2016 – 07/2017: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội
- Từ 2013 – 03/2016: Phó Ban Tài chính – Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Tập đoàn Vạn Khoa
- Từ 2007 – 2012: Kế toán trưởng Dự án - Hợp phần “Phát triển bền vững môi trường trong các khu đô thị nghèo” - Bộ Xây dựng
- Từ 1997 – 2007: Kế toán Tổng hợp - Công ty XD Lắp máy Điện nước Hà Nội
- Từ 1994 – 1997: Kế toán viên - Công ty Lặn và Công trình ngầm

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:

STT	Họ và tên tổ chức/cá nhân là người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP	Ông Vũ Quốc Việt là Kế toán trưởng	47.902.786	3,568%

Các khoản nợ đối với SeABank: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Thù lao và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Thù lao cơ bản 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phiếu)
213	-

(*) Ngoài khoản thù lao cơ bản, thành viên BKS có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có), phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thù lao của Ông Vũ Quốc Việt tính từ ngày 23/4/2021 được bầu là Thành viên BKS.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

3.4. Kế toán trưởng

❖ Bà NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG - Kế toán trưởng

Họ và tên:	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG
Năm sinh:	1977
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế, Học viện Tài chính
Chức vụ hiện nay tại SeABank:	Kế toán Trưởng

Các chức vụ khác đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không có

Quá trình công tác:

- 07/2017 - nay Giám đốc Báo cáo và Kế toán tổng hợp kiêm Kế toán Trưởng - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 05/2013 - 07/2017 Chuyên viên, Phó Phòng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 07/2007 - 05/2013 Chuyên viên, Phó Phòng Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- 05/2000 - 07/2007 Nhân viên, kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán AASC

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:

- *Sở hữu cá nhân:* 63.729 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,005% vốn điều lệ
- *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- *Sở hữu của người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của SeABank:* 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với SeABank:

Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác tại SeABank: Các khoản tiền lương và lợi ích khác trong năm 2019 và 2020, Kế toán trưởng được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của SeABank. Tiền lương và lợi ích khác tại SeABank trong 8 tháng đầu năm 2021 như sau:

Mức lương cơ bản trong 8 tháng đầu năm 2021 (*) (triệu đồng)	Lợi ích khác (mua cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2021 với giá phát hành 16.800 đồng/cổ phiếu)
90	Mua 55.000 cổ phiếu

(*) Ngoài lương cơ bản là cơ sở để đóng bảo hiểm xã hội, Kế toán trưởng có thể được hưởng các khoản phụ cấp, thưởng và lợi ích khác, phụ thuộc vào thực tế kết quả kinh doanh của Ngân hàng hoặc/và quy định nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với SeABank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SeABank: Không có

3.5. Thông tin về các hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan

Bảng 48. Thông tin về các hợp đồng giao dịch với các bên có liên quan (*)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Thời điểm phát sinh giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ/HĐQT thông qua	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Thăng Long GTC	Bà Nguyễn Thị Nga là Chủ tịch HĐQT	Năm 2019	Cấp tín dụng	70	Nghị quyết HĐQT số 948/2019/NQ-HĐQT ngày 23/09/2019	
2	Công ty CP Du lịch Dịch vụ Hà Nội	Bà Nguyễn Thị Nga là Phó Chủ tịch HĐQT	Năm 2020	Cấp hạn mức bảo lãnh	10	Nghị quyết HĐQT số 1538/2020/NQ-HĐQT ngày 18/09/2020	
3	Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP (Hapro)	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm là Thành viên HĐQT	Năm 2020	Cấp tín dụng	13,9	Nghị quyết HĐQT số 1157/2020/NQ-HĐQT ngày 03/07/2020	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm không còn là Thành viên HĐQT từ 27/5/2021
			Năm 2020	Bảo lãnh thanh toán	0,5	Nghị quyết HĐQT số 1599/2020/NQ-HĐQT ngày 01/10/2020	
4	Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Tài sản SeABank (SeABank AMC)	Công ty con	Năm 2020	Cấp tín dụng	150	Nghị quyết HĐQT số 1776/2020/NQ-HĐQT ngày 09/11/2020	
5	Công ty CP Nông Thủy Sản Nghệ An	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm là Chủ tịch HĐQT	Năm 2020	Cấp tín dụng	35	Nghị quyết HĐQT số 1906/2020/NQ-HĐQT ngày 03/12/2020	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm không còn là Chủ tịch HĐQT từ 03/5/2021
6	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện	Công ty con	Năm 2021	Cấp hạn mức giao dịch	1.000	Nghị quyết số 278/2021/NQ-HĐQT ngày 15/03/2021	
			Năm 2021	Cấp hạn mức giao dịch	200	Nghị quyết số 695/2021/NQ-HĐQT ngày 15/06/2021	

(*) Gồm các hợp đồng giao dịch trọng yếu, đã được trình bày trên Báo cáo tài chính và/hoặc Báo cáo tình hình quản trị của SeABank, không bao gồm các khoản tiền gửi, vay nợ theo thẻ tín dụng, ... của người nội bộ và người có liên quan với SeABank.

Nguồn: SeABank

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu:

Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu:

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 136.000.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán:

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 1.360.000.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến:

Giá chào bán dự kiến: 15.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Về giá chào bán trong đợt chào bán 136.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Hội đồng quản trị căn cứ vào các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 (theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020): 11.310 đồng/cổ phiếu.
- Giá chào bán thành công cho các cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành tháng 9/2020 là: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá phát hành cho người lao động theo Chương trình ESOP năm 2021 là: 15.000 đồng/cổ phiếu và 16.800 đồng/cổ phiếu.
- Giá cổ phiếu SSB của SeABank tại cuối phiên giao dịch ngày 20/8/2021 là: 35.800 đồng/cổ phiếu.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, mức giá chào bán không thấp hơn giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 và để đảm bảo lợi ích cho cổ đông, đảm bảo khả năng huy động vốn thành công, Hội đồng quản trị thông qua giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là **15.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Phương thức phân phối

7.1. Tỷ lệ phân phối

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ cổ phiếu phát hành/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại là: 10,1304%. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Cứ 100 quyền sẽ được mua 10,1304 cổ phiếu phát hành thêm.

- Đối với cổ đông đã lưu ký: VSD phân phối và thông báo quyền mua tới các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán – thành viên lưu ký của VSD.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ phiếu được thực hiện quyền tại SeABank hoặc tổ chức được SeABank ủy quyền.

7.2. Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, đăng ký nhưng không nộp tiền mua

- Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phần được phát hành thêm hoặc mua thêm sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.

- Nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ: Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (được dùng để mua cổ phiếu theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc/ và HĐQT) để giao cho Công đoàn SeABank Hội sở mua và quản lý toàn bộ số cổ phần lẻ phát sinh với mức giá bằng mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu này không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - Phương án xử lý cổ phần chưa chào bán hết: ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán, giá chào bán theo nguyên tắc không ưu đãi hơn so với giá đã phát hành cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định.
- Việc xử lý cổ phiếu chào bán hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp, Điều 55 Luật số 47/2010/QH12 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

❖ Đăng ký mua cổ phiếu:

- SeABank sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua sau khi UBCKNN có văn bản chấp thuận việc chào bán cổ phiếu, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ SeABank.
- Đối tượng được mua: các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của SeABank tại thời điểm chốt danh sách trước khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn.
- Khi đăng ký quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phiếu theo mức giá quy định trong thời hạn đăng ký mua cho phép. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện sẽ hết hiệu lực.
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho người thứ ba).

❖ Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu

- Nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phiếu qua hình thức chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Luật Chứng khoán 2019. Thông tin về tài khoản phong tỏa được trình bày tại Mục 12 Phần VII tại Bản cáo bạch này.
- Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh và đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSD.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực. Trong trường hợp cần thiết, SeABank sẽ báo cáo UBCKNN để gia hạn thêm thời gian phân phối cổ phiếu theo đúng quy định (gia hạn tối đa 30 ngày)

Bảng 49: Lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến

STT	Công việc	Thời gian
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán	(T+1) - (T+5)

STT	Công việc	Thời gian
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	(T+1) - (T+5)
4	Ngày chốt danh sách cổ đông để nhận quyền mua cổ phần	T+15
5	Đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	(T+15) - (T+40)
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông lưu ký và chưa lưu ký	T+45
7	TCPH xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết	(T+45) - (T+55)
8	Báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	T+56
9	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung	(T+58) - (T+68)

Tùy tình hình thị trường và tình hình thực tế phát sinh, SeABank có thể điều chỉnh lịch trình phân phối cổ phiếu cho phù hợp, đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông, đồng thời đảm bảo đợt chào bán được thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành

10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi)

Đợt chào bán này của SeABank là chào bán cổ phiếu phổ thông, không phải là đợt chào bán cổ phiếu ưu đãi.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ phát hành có quyền từ chối quyền mua hoặc được chuyển nhượng 01 (một) lần quyền mua của mình trong thời gian quy định. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác.

Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng.

Đối với số lượng cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu, HĐQT sẽ phân phối lại cho các cổ đông hiện hữu khác với giá không ưu đãi hơn so với giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số lượng cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do SeABank đã mở tại Ngân hàng thương mại khác để nhận vốn góp như sau:

- Tên tài khoản: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
- Số tài khoản: 0681000001347
- Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của SeABank

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("SBV") đã có văn bản số 4430/NHNN-TTGSNH ngày 22/06/2021 về việc chấp thuận cho SeABank tăng vốn điều lệ tối đa thêm 2.697.441.610.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức sau khi đã trích lập đầy đủ các quỹ năm 2020, phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động của SeABank năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Theo đó, trong tháng 8/2021, SeABank đã hoàn thành phát hành 110.244.161 cổ phiếu để trả cổ tức, và phát hành 23.500.000 cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động. SeABank đang tiếp tục triển khai việc chào bán 136.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank khi triển khai chào bán 136.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu như sau:

Số cổ phiếu chưa chào bán hết sẽ được SeABank tiếp tục phân phối cho các nhà đầu tư trong nước và/hoặc nước ngoài, đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của SeABank sau đợt chào bán không vượt quá 5% theo quy định.

15. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán)

15.1. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Ngân hàng thực hiện nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Bắt đầu từ năm 2016, Ngân hàng áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế của Ngân hàng.

Các báo cáo Thuế của Ngân hàng và các Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên BCTC hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

15.2. Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT năm 2008 và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất Thuế GTGT mà Ngân hàng phải chịu là: Ngân hàng không chịu thuế GTGT đối với hoạt động tín dụng, chỉ chịu thuế 10% đối với hoạt động dịch vụ.

15.3. Thuế đối với nhà đầu tư cá nhân

✓ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

Đối với nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

✓ **Thu nhập từ cổ tức:**

Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân, thu nhập từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ tức, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này, nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế.

15.4. Thuế đối với nhà đầu tư tổ chức

✓ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013, sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

✓ **Thu nhập từ cổ tức:** được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

16. Thông tin về các cam kết

Theo Phương án phát hành được ĐHCĐ thường niên 2021 và HĐQT SeABank thông qua, SeABank sẽ thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo đúng quy định.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Việc tiếp tục bổ sung vốn điều lệ cho ngân hàng là rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của SeABank trong giai đoạn hiện nay, là cơ sở để SeABank tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động, thúc đẩy quá trình phát triển, tăng cường năng lực tài chính và đáp ứng những nhu cầu sau:

- Tăng năng lực tài chính của Ngân hàng thông qua việc nâng cao giá trị thực của vốn điều lệ so với mức vốn pháp định, giúp SeABank đứng vững trước những biến động của thị trường.
- Tạo điều kiện đẩy mạnh kinh doanh và đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng:
 - Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh;
 - Nâng cao các chỉ số an toàn của SeABank;
 - Nâng cao hạn mức cấp tín dụng đối với một khách hàng/ nhóm khách hàng;
 - Nâng cao khả năng thanh khoản của SeABank;
 - Tăng cường dự phòng rủi ro của SeABank theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong năm 2020 và giai đoạn 2021-2025.

- Nâng tỷ trọng đầu tư trung dài hạn.
- Tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động của Ngân hàng: Nâng tỷ trọng đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động Ngân hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Tăng khả năng tài chính để mở rộng và phát triển mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch của SeABank.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm được SeABank dự kiến sử dụng vào các mục đích với thứ tự ưu tiên như sau:

Bảng 50. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Cho vay khách hàng doanh nghiệp, cá nhân	1.540.000.000.000	- Tăng các giới hạn liên quan đến cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp, phát triển các chương trình tín dụng cá nhân và thêm nguồn vốn trung và dài hạn để tài trợ cho các dự án của Khách hàng.
2	Đầu tư Trái phiếu Tổ chức tín dụng và trái phiếu Chính phủ, trong đó:	500.000.000.000	- Thay thế một phần nguồn huy động từ thị trường để tiết giảm chi phí huy động. Dự kiến đầu tư bổ sung các khoản trái phiếu có độ rủi ro thấp.
2.1	Dự kiến đầu tư Trái phiếu Chính phủ	200.000.000.000	
2.2	Dự kiến đầu tư Trái phiếu của Tổ chức tín dụng khác	300.000.000.000	Dự kiến đầu tư bổ sung các khoản trái phiếu có độ rủi ro thấp của các Tổ chức tín dụng có uy tín trên thị trường.
Tổng cộng		2.040.000.000.000	

Nguồn: SeABank

Thời gian giải ngân cho các mục đích nêu trên dự kiến từ Quý IV/2021 – năm 2022. Tùy tình hình thực tế, SeABank quyết định điều chỉnh số tiền sử dụng cho từng mục đích nói trên.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán:



Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.6288 3568

Fax: 024.6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn

Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020 và soát xét BCTC bán niên 2021



CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46, tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, tòa nhà 72 tầng, lô E6, đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3946 1600

Fax: (84-24) 3946 1601

Website: www.kpmg.com.vn

2. Tổ chức tư vấn:



ASEAN SECURITIES

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6275 3844

Fax: (84-24) 6275 3816

Website: <http://www.aseansc.com.vn>

3. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Trên cơ sở các thông tin mà tổ chức tư vấn đã thu thập được về Ngân hàng TMCP Đông Nam Á và đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, với tư cách là Tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean có nhận định như sau:

Số lượng chào bán là 136.000.000 cổ phiếu, tăng thêm 10,1304% so với tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại của SeABank và mức giá chào bán 15.000 đồng/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là khá hấp dẫn so với giá cổ phiếu SSB đang giao dịch trên sàn HOSE. Do đó, Tổ chức tư vấn nhận thấy đợt chào bán của SeABank có khả năng thành công. Việc tăng vốn điều lệ giúp SeABank nâng cao năng lực tài chính và bổ sung vốn cho các kế hoạch hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo và nhà đầu tư sẽ tự mình ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. **Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. **Phụ lục III:** Điều lệ Ngân hàng
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2020 và Báo cáo thay đổi vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 24 tháng 8 năm 2021.
5. **Phụ lục V:** Báo cáo tài chính năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2021 đã soát xét

Hà Nội, ngày 29.. tháng 09.. năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÊ VĂN TÀN

TỔNG GIÁM ĐỐC


LÊ THU THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ THANH BÌNH